

STC
CES

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỲ

Trụ sở chính

Địa chỉ: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84.8 3790 7565 | Fax: +84.8 3790 7566

Chi nhánh

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: +84.66 389 9537 | Fax: +84.66 389 9536

Văn phòng đại diện

Địa chỉ: 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021 | Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỳ

2021
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

lửa thử
vàng
gian nan
thử sức



2021

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

TP.HCM, tháng 3 năm 2022



MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	06		
I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	08	VII. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	124
II. KHÁI QUÁT VỀ SỢI THỂ KỸ	18	VIII. CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	126
III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	46	IX. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	138
IV. QUẢN TRỊ RỦI RO	60	X. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	156
V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	68	XI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN	164
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI	104	XII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT	170
		XIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ THEO CHUẨN MỰC IFRS	211
		PHỤ LỤC: THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN	218

Danh mục từ viết tắt

BCTN	Báo cáo thường niên
BKS	Ban kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CP	Cổ phần, cổ phiếu
DN	Doanh nghiệp
DTY	Drawn Textured Yarn
FDY	Fully Drawn Yarn
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GRS	Global Recycle Standard (tiêu chuẩn tái chế toàn cầu)
GPM	Biên lợi nhuận gộp
y-o-y	So sánh với cùng kỳ năm ngoái
GTGT	Giá trị gia tăng

HĐQT	Hội đồng quản trị
HSX, HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
IMF	Quỹ tiền tệ thế giới
POY	Partially Oriented Yarn
PTBV	Phát triển bền vững
TGD	Tổng giám đốc
THPT	Trung học phổ thông
TNCN	Thu nhập cá nhân
ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn
ROS	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu
ROA	Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản

KHAI QUÁT CHUNG VỀ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ cung cấp đầy đủ các thông tin tài chính và phi tài chính về môi trường, lao động và xã hội trong năm tài chính 2021.

Chúng tôi phát hành báo cáo điện tử có định dạng PDF và được đăng tải công khai trên Website của Công ty tại đường dẫn www.theky.vn. Báo cáo được viết bằng Tiếng Việt và được dịch sang Tiếng Anh.

Chủ đề của Báo cáo thường niên	10
Dữ liệu và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo	10
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	12
Thông điệp của Tổng giám đốc	15

Chủ đề của Báo cáo thường niên

Dữ liệu và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo



LỬA THỬ VÀNG, GIAN NAN THỬ SỨC

THÀNH PHẦN CỦA BÁO CÁO

- ▶ Báo cáo thường niên
- ▶ Báo cáo quản trị Công ty
- ▶ Báo cáo phát triển bền vững
- ▶ Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất
- ▶ Báo cáo tài chính kiểm toán chuẩn quốc tế

CÁC CHUẨN MỰC ÁP DỤNG

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS
- Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS
- Thẻ điểm quản trị ASEAN
- Các quy trình theo chuẩn mực ISO
- Chứng chỉ GRS, Oeko-Tex100

PHẠM VI CỦA BÁO CÁO

Niên độ báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM ĐẢM BẢO BÁO CÁO CHÍNH XÁC VÀ TRUNG THỰC

- Dữ liệu tài chính: thống nhất với BCTC năm 2020 đã được Công ty TNHH E&Y kiểm toán độc lập.
- Dữ liệu về ngành trong nước và quốc tế: dữ liệu hải quan-xuất nhập khẩu của các nước đối chiếu; các báo cáo kinh tế-ngành dệt may được đăng tải công khai.
- Dữ liệu liên quan đến hoạt động Công ty.
- Dữ liệu về HĐQT, BKS: thống nhất với Báo cáo quản trị năm 2021.
- Dữ liệu về cổ đông: Trung tâm lưu ký Việt Nam cung cấp;

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Trước hết, với tư cách là Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ ("STK"), tôi xin thay mặt công ty gửi lời cảm ơn sâu sắc tới khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, CBCNV và cổ đông đã hỗ trợ cho sự phát triển của Công ty trong những năm qua.

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty. Tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua và tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Bất chấp sự phục hồi và khởi sắc trong hoạt động kinh doanh ở Quý 1 -2021, trong các quý tiếp theo STK đã trải qua nhiều khó khăn và thách thức chưa từng có trong lịch sử hơn 20 năm hoạt động của Công ty. Tôi rất tự hào là Ban Lãnh Đạo Công ty cũng như CBCNV đã xuất sắc duy trì được hoạt động thông suốt tại cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng trong Quý 3 và đầu Quý 4-2021 khi các tỉnh thành phía Nam Việt nam đối mặt mới đợt bùng phát Covid dữ dội. Nhờ thành công trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã đảm bảo được công ăn việc làm cho người lao động cũng như nguồn cung ứng hàng hóa liên tục cho khách hàng. Chính vì vậy, Công ty đã nhanh chóng khôi phục được hoạt động kinh doanh ngay sau khi các biện pháp giãn cách xã hội và hoạt động sản xuất 3 tại chỗ chấm dứt. Doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của Sợi Thế Kỷ đã tăng với tỷ lệ tương ứng là 16% (doanh thu) và 93% (lợi nhuận) so với năm 2020. Đặc biệt, lợi nhuận 2021 đã đạt mức cao nhất trong lịch sử 21 năm hoạt động của Công ty.

Thành tựu nói trên minh chứng cho định hướng kinh doanh đúng đắn và sự kiên trì trong thực hiện mục tiêu của Công ty. Việc hài hòa lợi ích của các bên liên quan (khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, CBCNV, cổ đông và cộng đồng xã hội) cũng như chú trọng bảo vệ môi trường là nền tảng vững mạnh để STK đạt được sự tăng trưởng bền vững.

Công ty sẽ tiếp tục định hướng phát triển bền vững trong những năm tới đây với việc chú trọng vào các mảng sợi thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi dope dyed, và sợi có tính năng đặc biệt. Bên cạnh đó để tiếp tục đáp ứng nhu cầu sợi do làn sóng dịch chuyển đơn hàng may mặc tới Việt nam, STK sẽ triển khai các dự án tăng công suất trong các năm tới.

Công ty sẽ được tiếp tục kiện toàn công tác quản trị trong các năm tới nhằm nâng cao lợi ích cho các bên có liên quan.

Với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành, CBCNV Công ty và sự ủng hộ mạnh mẽ của Quý Cổ đông và Nhà đầu tư, tôi tin rằng STK sẽ duy trì nâng cao sự phát triển bền vững trong những năm tới.

“

Doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của Sợi Thế Kỷ đã tăng với tỷ lệ tương ứng là 16% (doanh thu) và 93% (lợi nhuận) so với năm 2020. Đặc biệt, lợi nhuận 2021 đã đạt mức cao nhất trong lịch sử 21 năm hoạt động của Công ty.

ĐẶNG MỸ LINH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Thông điệp của Tổng giám đốc

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Các doanh nghiệp dệt may Việt nam nói chung và STK nói riêng đã trải qua một năm 2021 đầy biến động. Trong khi nhu cầu hàng dệt may tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt nam (Mỹ, EU) đã phục hồi khá tốt trong năm 2021 thì đợt bùng phát covid dữ dội ở khu vực phía Nam Việt nam kéo dài từ tháng 4 đến cuối năm 2021 đã tước đi cơ hội hưởng lợi của chúng ta. Việc áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội để phòng chống dịch cũng như áp dụng chế độ sản xuất 3 tại chỗ tại cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng đã làm suy giảm năng lực sản xuất của Công ty khoảng 40-45% trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 10/2021. Sau khi các biện pháp giãn cách xã hội được gỡ bỏ, trong giai đoạn nửa cuối tháng 11 đến hết tháng 12/2021, khoảng 30% công nhân bị nhiễm Covid phải nghỉ việc điều trị trong thời gian ngắn cũng làm ảnh hưởng tới khả năng khôi phục công suất của Công ty. Bên cạnh đó, sự đứt gãy của chuỗi cung ứng, chi phí đầu vào và chi phí vận chuyển tăng cao cũng là những thách thức không nhỏ cho Công ty. Trong bối cảnh đó, cơ cấu sản phẩm chú trọng các sản phẩm thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng cao cũng như việc kiên trì áp dụng các biện pháp quản lý sản xuất nhằm đạt khả năng cung ứng nhanh, chi phí sản xuất và giá thành hợp lý, chính sách nhân sự đúng đắn mà công ty áp dụng từ lâu cùng với sự linh hoạt nhạy bén với môi trường luôn biến động đã phát huy tác dụng. Mặc dù Công ty chỉ đạt được 86.6% kế hoạch doanh thu đặt ra từ đầu năm nhưng lợi nhuận sau thuế đã vượt kế hoạch đầu năm khoảng 12.2%. Bất chấp việc sụt giảm năng lực sản xuất cũng như đơn hàng sợi tái chế trong giai đoạn nửa cuối năm 2021, tỷ trọng sợi tái chế vẫn đạt 50% trên tổng doanh thu, tăng 30% so với năm 2020, góp phần gián tiếp tái chế 3,04 tỷ chai nhựa đã qua sử dụng. Trong năm 2021, STK đã triển khai thành công 2 dự án điện mặt trời áp mái tại 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, đáp ứng được 10% nhu cầu tiêu thụ điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO₂ trong suốt vòng đời dự án. Các thành tựu STK đạt được trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội đang và sẽ tiếp tục giúp Công ty gắn kết mạnh mẽ hơn với chuỗi cung ứng của các thương hiệu hàng đầu.



ĐẶNG TRIỆU HOÀ
Tổng Giám đốc

Triển vọng thị trường dệt may toàn cầu được dự báo tươi sáng hơn trong năm 2022 với kỳ vọng người dân quay trở lại cuộc sống thường nhật ở các thị trường tiêu thụ chủ chốt (Mỹ, EU, Nhật Bản – đây cũng là các quốc gia có tỷ lệ tiêm chủng cao) và sự phát triển kênh thương mại điện tử của các thương hiệu thời trang hàng đầu. Mặt khác, nguy cơ chiến tranh ở Ukraina, bóng ma lạm phát và nguy cơ từ các biến chủng Covid mới có thể kích hoạt trở lại các biện pháp giãn cách xã hội, cùng với sự kéo dài của các thách thức từ chuỗi cung ứng bị đứt gãy, thiếu hụt tàu và container vận chuyển được dự báo kéo dài đến hết năm 2022 sẽ có thể làm chậm đà phục hồi tăng trưởng của ngành.

Những xu hướng lớn bắt đầu từ các năm trước như xu hướng thân thiện với môi trường đã và đang tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Cụ thể, những cam kết mạnh mẽ về chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường của ngành thời trang đang tiếp tục thúc đẩy nhu cầu sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường như Sợi tái chế, Sợi màu cũng như sự liên kết ngày càng chặt chẽ hơn của các thương hiệu thời trang hàng đầu (như Nike, Adidas, H&M, Inditex, Uniqlo, Decathlon, v.v) với các thành viên trong chuỗi cung ứng nhằm đạt được các cam kết bảo vệ môi trường.

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường, STK sẽ tiếp tục phát triển các tính năng đặc biệt cho sợi tái chế như chống tia cực tím, có tính hút ẩm, có độ co giãn cao..., phát triển thêm các loại sợi màu mới. Công ty đặt mục tiêu tăng tỷ lệ đóng góp của sợi tái chế trong doanh thu lên 54% cho năm 2022.

Công ty cũng sẽ khởi công xây dựng nhà máy Sợi Unitex trong năm 2022 nhằm đáp ứng nhu cầu sợi đang tăng lên của các khách hàng hiện hữu. Công ty cũng rất kiên định trong việc thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc sản xuất và tiêu thụ bền vững. Bên cạnh đó, nối tiếp thành công của các dự án công nghệ thông tin trước đây như dự án ERP – SAP, POC, phần mềm quản lý nhân sự, STK sẽ tiếp tục triển khai các dự án công nghệ thông tin như smart factories, phần mềm lập kế hoạch sản xuất, tự động hóa khâu đóng gói, chuyển đổi hệ thống SAP nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

Chúng tôi mong rằng với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự ủng hộ của cổ đông, Công ty sẽ đạt được các mục tiêu đặt ra và mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

KHÁI QUÁT VỀ SỢI THỂ KỸ

Thành tựu nổi bật năm 2021	20
Quá trình hình thành và phát triển	22
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	28
Chuỗi giá trị của Sợi Thể Kỹ	31
Triết lý kinh doanh	32
Mô hình kinh doanh	40
Vị thế của Sợi Thể Kỹ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng	41
Cơ cấu tổ chức Công ty	42
Tình hình công ty con, công ty liên kết	44

Khái quát về Sợi Thế Kỳ

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ
Tên tiếng Anh	Century Synthetic Fiber Corporation
Tên giao dịch	Century Corp.
Mã chứng khoán	STK (HSX)
Trụ sở chính	B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	707.269.440.000 đồng
Điện thoại	+84.028 3790 7565 +84.276 389 9536
Fax	+84.028 3790 7566 +84.276 389 9537
Email	csf@century.vn
Website	www.theky.vn
Mã số thuế doanh nghiệp	0302018927

Thành tựu nổi bật năm 2021

Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu đạt **54%**

Doanh thu thuần **2.042** tỷ đồng

Vốn điều lệ **~707** tỷ đồng

Lợi nhuận ròng **278** tỷ đồng



Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2021 do HOSE tổ chức

Đạt **Top 10** doanh nghiệp niêm yết có vốn hóa vừa (mid-cap) có Báo cáo thường niên tốt nhất.

Đạt **giải Nhì** Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất.



Cuộc bình chọn top 100 Doanh nghiệp PTBV Việt Nam

Đạt **Top 100** Doanh nghiệp PTBV Việt Nam (lần thứ 6 liên tiếp).

Quá trình hình thành và phát triển

2000

Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên
tại Củ Chi ngày 01/06/2000.

Sản phẩm chính: DTY

Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/năm.

2005

Cổ phần hóa - Sự thay đổi mang tính chiến lược

Công ty TNHH Sợi Thế Kỷ chính thức được chuyển
đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ.

2008

Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất

Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên
14.500 tấn POY/ năm & 15.000 tấn DTY/năm.

2011

Phát triển sản phẩm mới FDY

Mở rộng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/năm.

2015

Niêm yết trên HOSE, phát triển thành công sản phẩm mới sợi tái chế.

Tổng công suất đạt khoảng 52.000 tấn DTY & FDY/năm từ nhà máy Trắng Bàng 3.

2016

Bắt đầu sản xuất sợi tái chế

Mở rộng nhà máy Trắng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.

2017

Tận dụng cơ hội từ thị trường
- Gặt hái thành công

Nâng tổng công suất lên 63.000 tấn/năm.

2019

Kiên định thực hiện mục tiêu

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20% so với cùng kỳ.

Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ sợi tái chế năm 2025.

2020

Phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch

Đạt được mục tiêu về lợi nhuận năm 2020 sau khi điều chỉnh.

Sản phẩm chiến lược Sợi tái chế vẫn duy trì ở mức lợi nhuận cao.

Triển khai dự án điện mặt trời áp mái.

2021

Lửa thử vàng, gian nan thử sức

Triển khai Dự án mở rộng công suất ở Công ty con.

Dự án điện năng lượng mặt trời đi vào hoạt động, giảm phát thải CO₂.

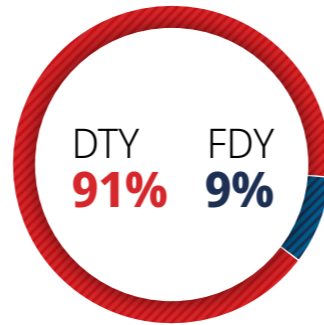
Lợi nhuận năm 2021 vượt kế hoạch.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

LĨNH VỰC KINH DOANH

STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY (Drawn Textured Yarn) và FDY (Fully Drawn Yarn).

Sản phẩm sợi được sử dụng để sản xuất quần áo thể thao-dã ngoại, giày thể thao, túi vải polyester, trang phục bơi, rèm-màn cửa, đệm bọc xe hơi, băng quần y tế...



QUY MÔ SẢN XUẤT

Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng trên với tổng diện tích là 68.000 m².



ĐỊA BÀN KINH DOANH

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Bao gồm bán trực tiếp cho khách hàng tại Việt Nam và bán cho khách hàng nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam (xuất khẩu tại chỗ).

Doanh thu nội địa năm 2021

1.265
tỷ đồng

Doanh thu
62%
tổng doanh thu

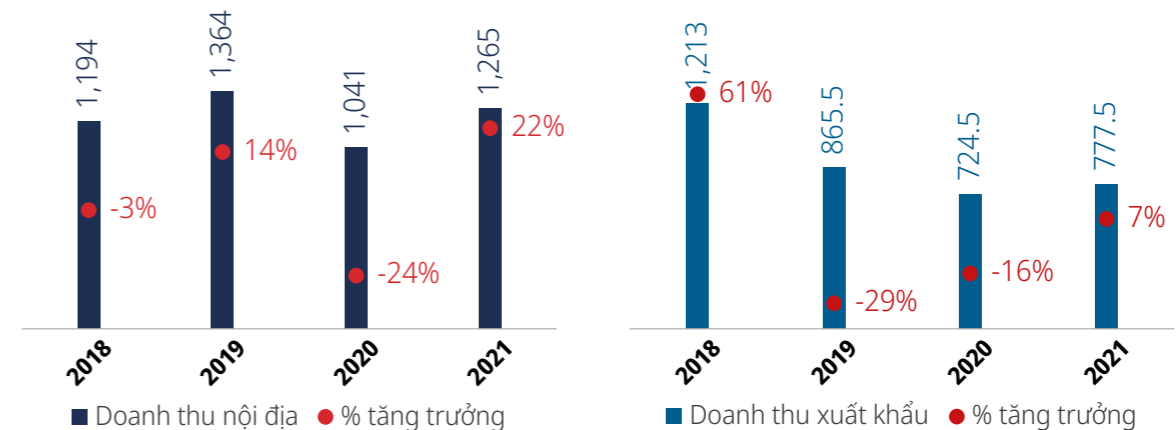
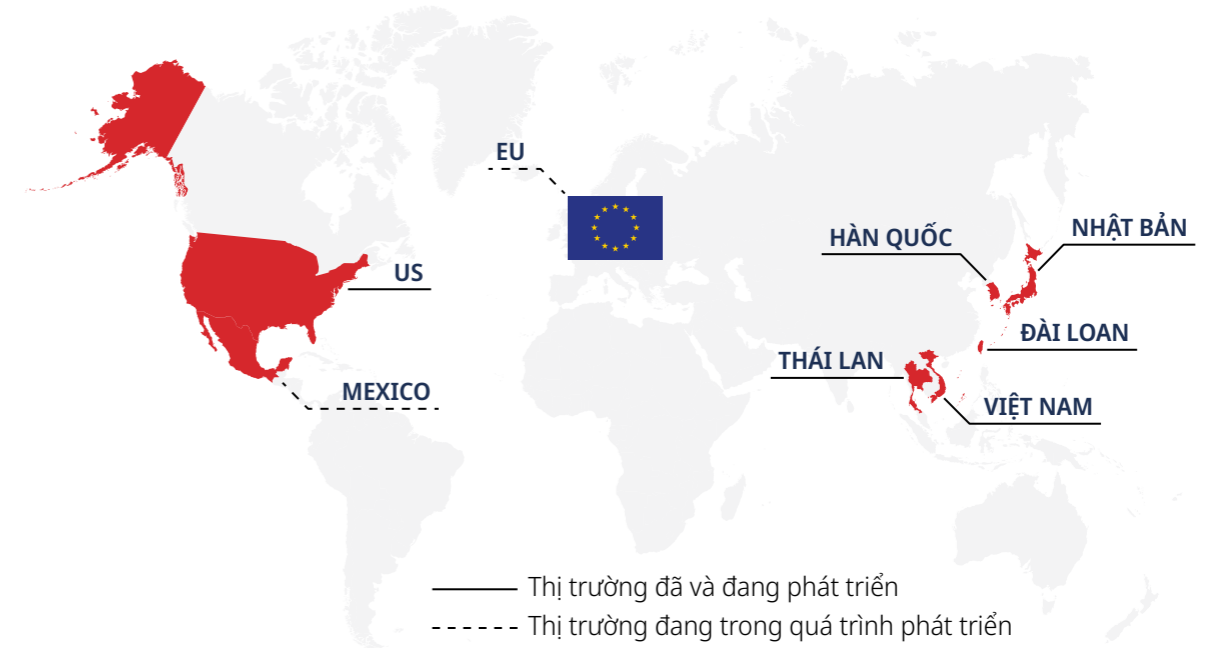
THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

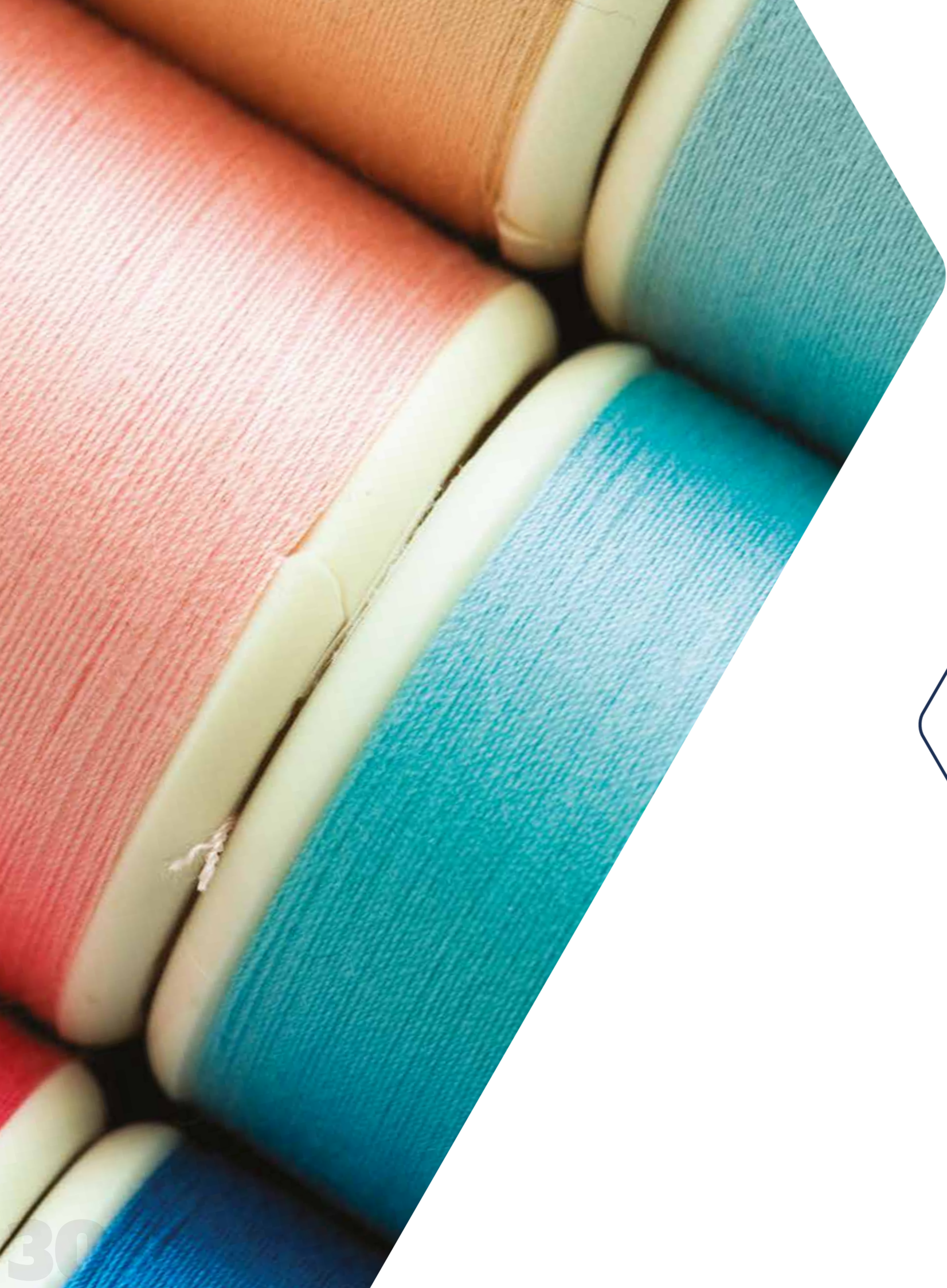
STK đã và đang phát triển các thị trường xuất khẩu như Mỹ, Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, ...

Doanh thu xuất khẩu năm 2021

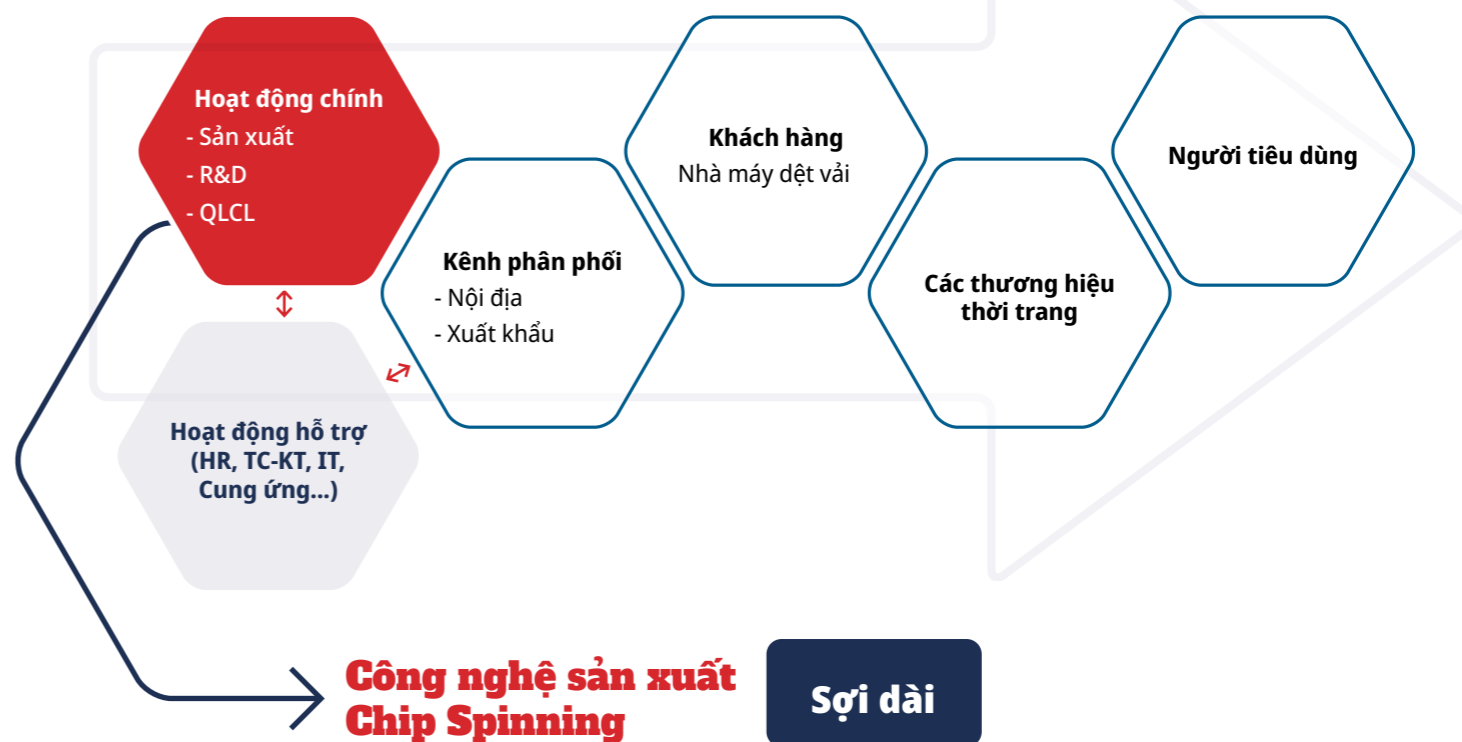
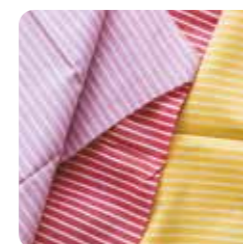
777,5
tỷ đồng

Doanh thu
38%
tổng doanh thu



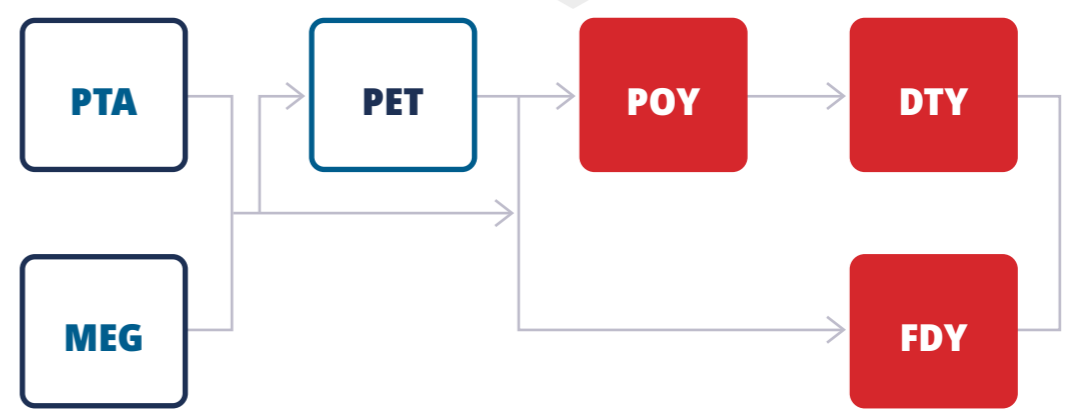


Chuỗi giá trị của Sợi Thế Kỳ



Công nghệ sản xuất Chip Spinning

Sợi dài



Triết lý kinh doanh

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

- Gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan;
- Sử dụng các nguồn lực để mang lại giá trị cao nhất cho các bên;

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

- ▶ Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan như cổ đông, người lao động; phát hành cổ tức, chào bán cổ phiếu với giá ưu đãi;
- ▶ Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng.

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

- Mang đến cho KH các SP-DV có chất lượng cao với giá cả hợp lý;
- Sản phẩm thân thiện với môi trường;
- Quy trình sản xuất đạt chuẩn quốc tế; nguồn NVL có xuất xứ rõ ràng.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

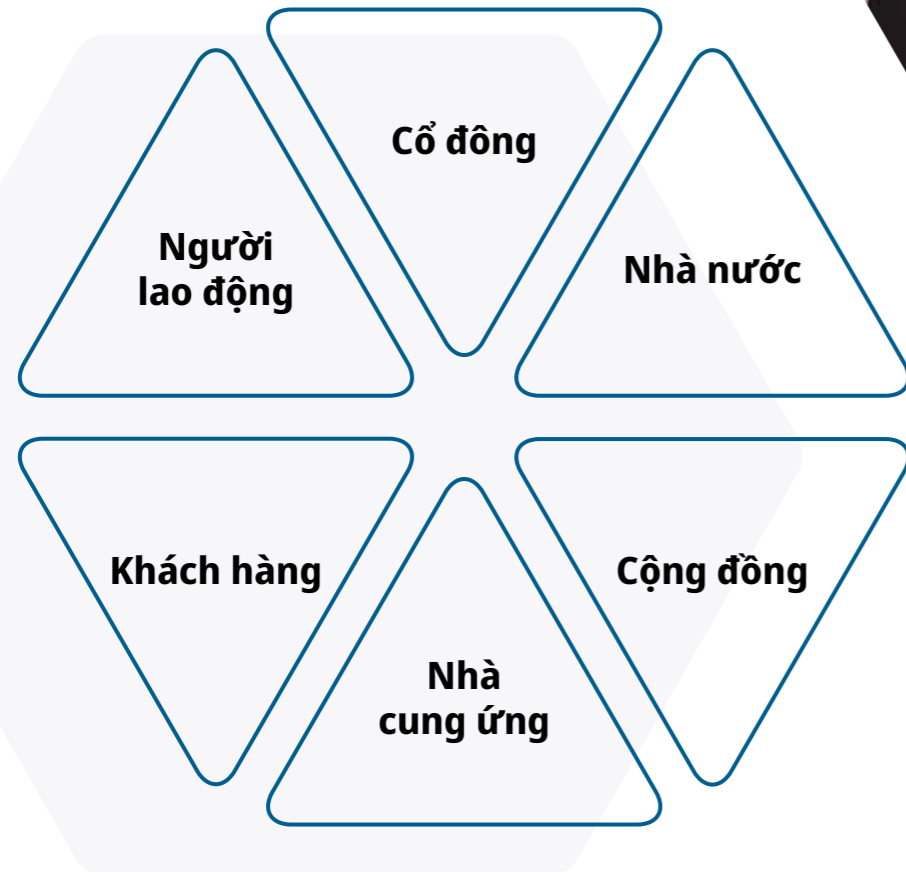
Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

- ▲ Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, thị trường mới để gia tăng hiệu quả kinh tế;
- ▲ Áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản lý sản xuất, chi phí, lợi nhuận; các rủi ro đến từ nội bộ Công ty.

CAM KẾT

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.

GẮN KẾT HỆ GIÁ TRỊ MANG LẠI LỢI ÍCH CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN



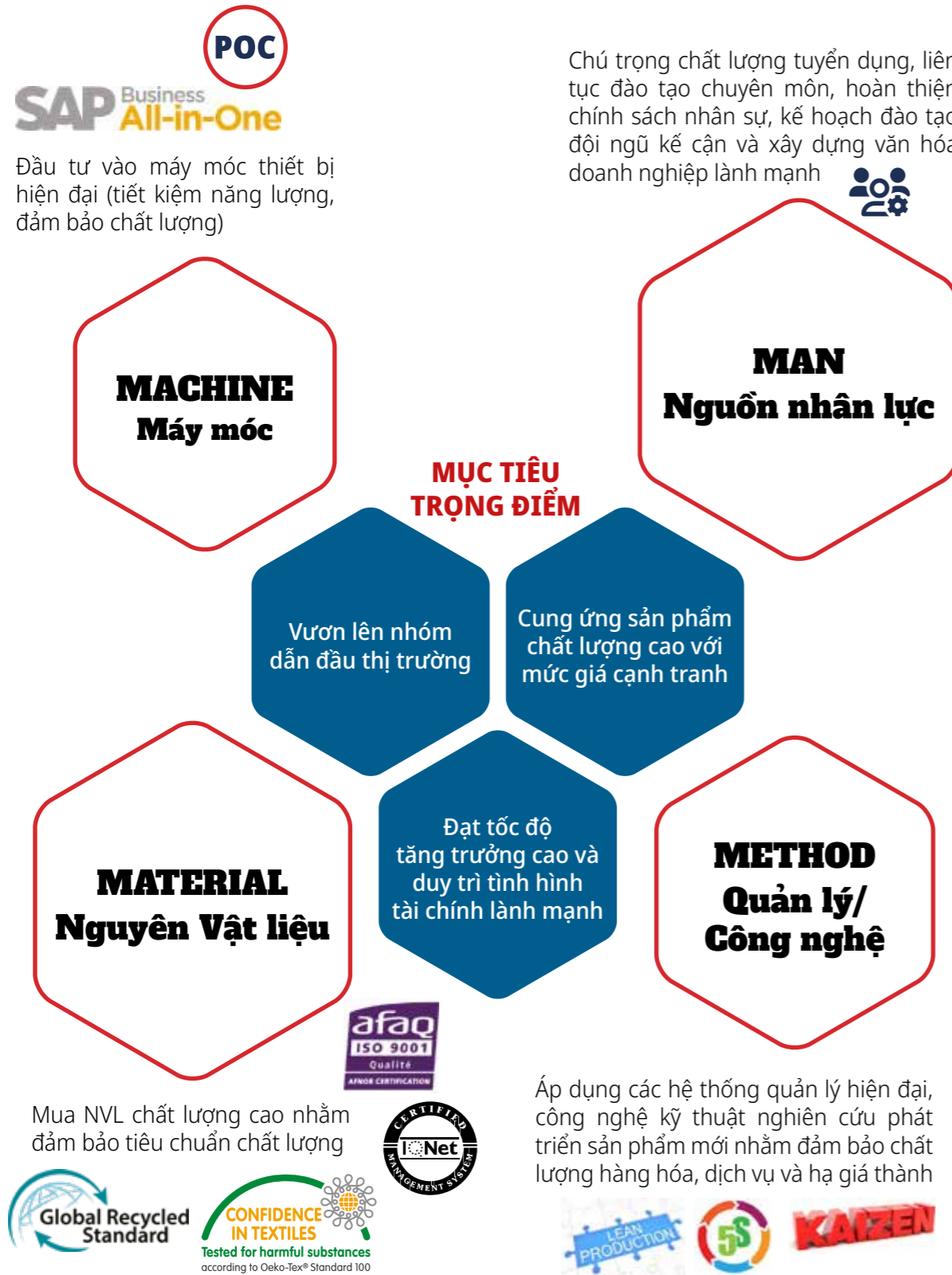
GẮN KẾT GIÁ TRỊ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> > Cuộc họp ĐHĐCĐ. > Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. > Hội thảo và tham quan nhà máy. > Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. > Bản tin IR, Investor Day, Analyst's meetings. 	<ul style="list-style-type: none"> > Minh bạch thông tin. > Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. > Quản trị doanh nghiệp tốt. > Định hướng phát triển lâu dài. > Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. > Định hướng phát triển bền vững. > Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng. > Chính sách cổ tức. > Thù lao cho HĐQT, BKS, BDH. > Giá trị của doanh nghiệp. > Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> > Doanh thu đạt 2.042 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 278,5 tỷ VND, hoàn thành 112 % so với kế hoạch đề ra. > Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ. > Nâng cao tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu lên 50% 2021. > Phát hành tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu. > Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường Recycle Plus. > Tuân thủ đúng về quy định công bố thông tin. > Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm. > Chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2020. > Đa dạng các kênh công bố thông tin.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> > Trao đổi trực tiếp. > Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng. > Phiếu khảo sát khách hàng > Website Công ty > Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. > Email, điện thoại. 	<ul style="list-style-type: none"> > Công ty hoạt động bền vững- an toàn và uy tín. > Chất lượng sản phẩm- dịch vụ. > Giá cả cạnh tranh. > Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. > Dịch vụ khách hàng vượt trội. > Công nghệ, năng lực sản xuất tốt. > Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. > Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. > Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại. 	<ul style="list-style-type: none"> > Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuyễn rất cao. > Đảm bảo chất lượng của sản phẩm. > Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. > Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng. > Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. > Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. > Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168). > Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. > Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). > Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> > Chương trình Tôn chỉ. > Các cuộc họp giao ban. > Đối thoại định kỳ với người lao động. > Hội nghị người lao động hàng năm. > Trực tiếp trao đổi với người quản lý. > Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. > Phiên họp thương lượng tập thể. 	<ul style="list-style-type: none"> > Môi trường làm việc thoải mái an toàn. > Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. > Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. > Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. > Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. > Cơ hội thăng tiến trong công việc > Tầm nhìn của người lãnh đạo. > Sự công bằng và dân chủ. > Không phân biệt đối xử. > An toàn phòng chống dịch Covid-19 trong nơi làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> > Cải thiện chính sách tiền lương, chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. > Tăng lương bình quân 5% tùy vào vị trí công việc. > Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 11 người. > Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. > Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. > Thực hiện cơ chế 5s, cải thiện môi trường làm việc. > Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe. > Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật. > Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm - 14/12/2021. > Thực hiện nhiều biện pháp phòng chống dịch Covid-19 bảo vệ sức khỏe người lao động (5K, tiêm vaccine, 3-tại-chỗ, khử trùng thường xuyên...)

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> > Gặp gỡ trực tiếp. > Tham quan nhà máy. > Thông qua email, điện thoại. > Thu thập thông tin qua khảo sát. 	<ul style="list-style-type: none"> > Uy tín, cộng tác dài lâu. > Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. > Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn. 	<ul style="list-style-type: none"> > Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. > Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. > Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài. > Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên.
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> > Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. > Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. > Các văn bản hành chính của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> > Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. > Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. > Hỗ trợ phát triển cộng đồng. > Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. > Tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch Covid-19. 	<ul style="list-style-type: none"> > Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. > Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. > Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. > Ủng hộ chủ trương của nhà nước. > Nộp thuế đầy đủ. > Hỗ trợ phát triển địa phương. > Nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 do Ban QLKC và chính quyền địa phương hướng dẫn.
Ngân hàng đối tác	<ul style="list-style-type: none"> > Các cuộc gặp mặt trực tiếp. > Điện thoại và email. 	<ul style="list-style-type: none"> > Công ty hoạt động bền vững và uy tín. > Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. > Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. > Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển 	<ul style="list-style-type: none"> > Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. > Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. > Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch.
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> > Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. > Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. > Các hoạt động xã hội cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> > Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. > Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. > Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. > Góp sức cùng địa phương phòng chống dịch Covid-19 	<ul style="list-style-type: none"> > Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. > Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. > Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. > Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. > Phát triển đô thị hóa nông thôn. > Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 bảo vệ sức khỏe người lao động địa phương (5K, tiêm vaccine, 3T, khử trùng thường xuyên,...)
Hiệp hội ngành (VCOSA)	<ul style="list-style-type: none"> > Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi. 	<ul style="list-style-type: none"> > Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> > Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. > Đóng góp hội phí thường niên. > Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA).

Mô hình kinh doanh



Vị thế của Sợi Thế Kỳ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng

VỊ THẾ CỦA SỢI THẾ KỶ

Sợi Thế Kỳ là một trong bảy¹ doanh nghiệp sản xuất sợi polyester filament ở Việt Nam. Tuy STK đứng thứ 4 về mặt quy mô nhưng là một trong những doanh nghiệp đứng đầu về mặt chất lượng.

Với mục tiêu tiên phong trong ngành sợi dệt và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu, Sợi Thế Kỳ đã và đang dẫn đầu trong thị trường nội địa cũng như vươn mình ra thế giới, mang đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu của khách hàng.

YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

- > **Nguồn lực sản xuất**
Nhà máy với công suất lớn, máy móc hiện đại, công nghệ tiên tiến.
- > **Tài sản vô hình và sở hữu trí tuệ**
Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động sản xuất Sap All in one tích hợp tất cả các quy trình kinh doanh, sản xuất, tài chính-kế toán.
Mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước;
Sự gắn kết Công ty trong các chuỗi giá trị của các thương hiệu.
- > **Nguồn lực tài chính**
Tiềm lực tài chính vững mạnh; dòng tiền ổn định, chỉ số nợ/vốn ở mức rủi ro thấp.
- > **Quản trị doanh nghiệp**
Hệ thống quản trị dần hoàn thiện dựa vào việc ứng dụng các phần mềm quản lý hiện đại và hướng đến các thông lệ quốc tế.

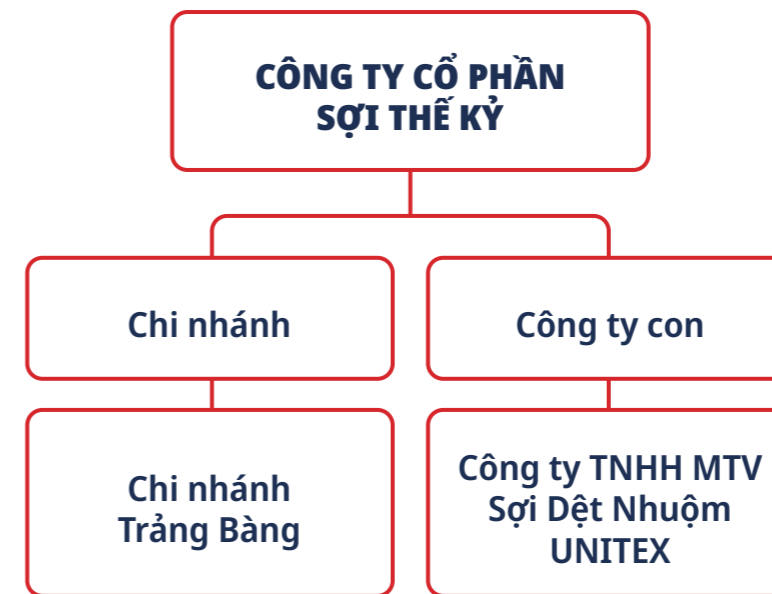
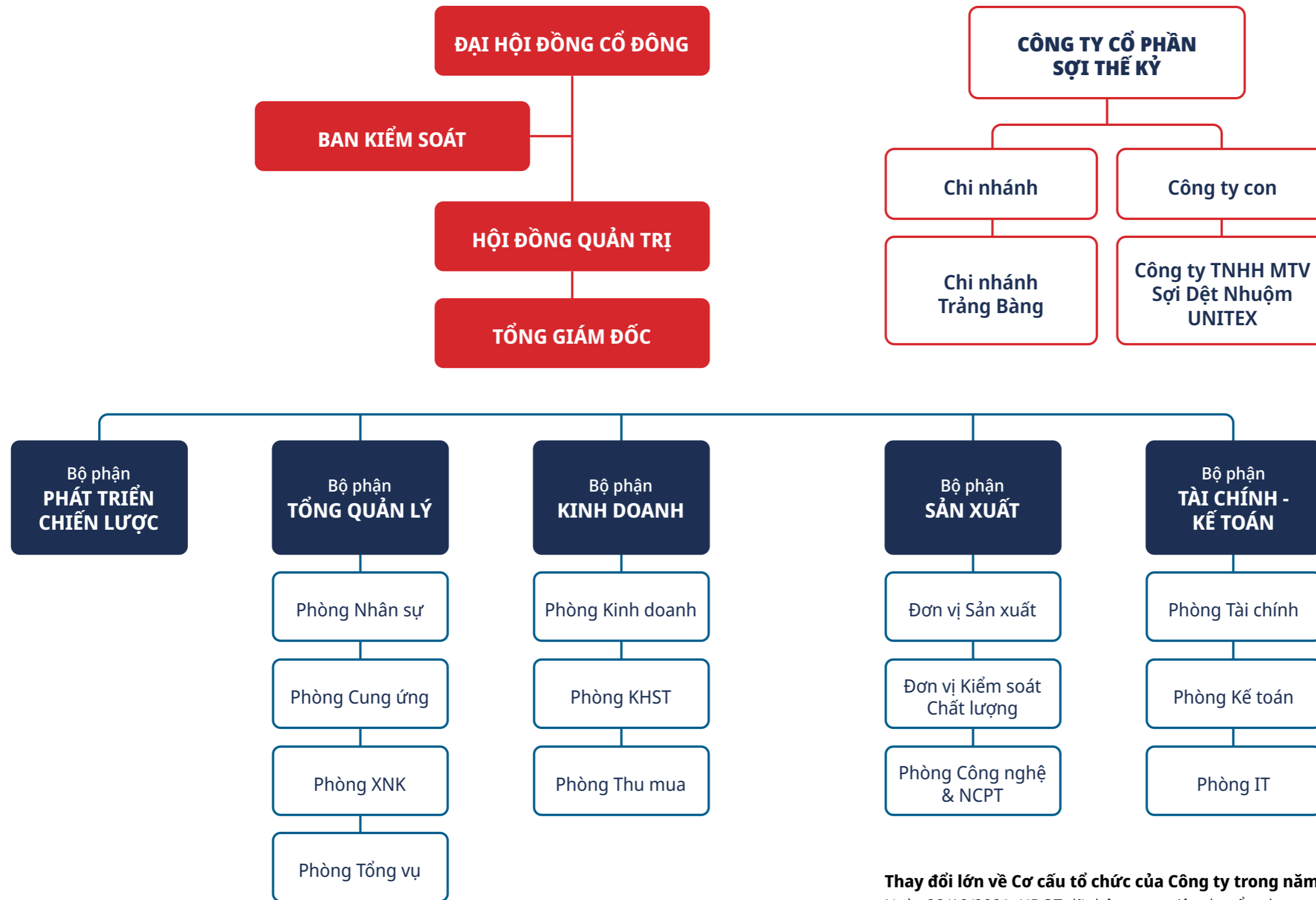
Yếu tố
nội lực

Yếu tố
bên ngoài

- > **Yếu tố xã hội**
Cơ hội từ xu hướng tiêu dùng phát triển bền vững và các yếu tố nhân khẩu học như thay đổi cơ cấu dân số theo tuổi tác, giới tính,...
- > **Yếu tố môi trường**
Cơ hội từ xu hướng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và xu hướng xanh hóa ngành.

¹ Theo đánh giá và khảo sát của Công ty

Cơ cấu tổ chức Công ty



Thay đổi lớn về Cơ cấu tổ chức của Công ty trong năm 2021

Ngày 28/10/2021, HĐQT đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần (của STK) tại Công ty cổ phần E.DYE Việt Nam. Kể từ sau ngày này, Công ty cổ phần E.DYE Việt Nam không còn là Công ty liên kết của STK.

Vui lòng tham khảo mục *Mô Hình Quản Trị* ở trang 140, *Báo cáo thường niên năm 2021*.

Tình hình công ty con, công ty liên kết

Công ty con: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỢI, DỆT NHUỘM UNITEX**

Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu: **100%**

Địa chỉ: Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim (chưa đi vào hoạt động)

Tình hình hoạt động của Công ty con

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	±%, YoY
Doanh thu hoạt động tài chính	21.417.563	13.394.358	59,9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(79.341.668)	898.449	
Lợi nhuận sau thuế	(114.341.668)	898.449	
Tài sản ngắn hạn	97.139.482.987	85.938.330.109	13,0%
Tài sản dài hạn	334.545.454		
Nợ phải trả	17.639.268.781	5.989.228.781	194,5%
Vốn chủ sở hữu	79.834.759.660	79.949.101.328	-0,1%
Tổng tài sản	97.474.028.441	85.938.330.109	13,4%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty TNHH Một Thành Viên Sợi, Dệt Nhuộm Unitex

Hiện nay Unitex chưa triển khai hoạt động. Do đó mới chỉ ghi nhận chi phí phát triển dự án.

Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính

	2021	2020	±%, YoY
Lãi tiền gửi	57.563	44.358	29,8%
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.360.000	13.350.000	60,0%
Tổng cộng	21.417.563	13.394.358	59,9%

(Xem thêm mục **Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án**, trang 124).

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Kiên định bám sát mục tiêu - Vững tin trước thách thức
Con đường đi đến mục tiêu giảm khí thải nhà kính
Chiến lược phát triển trung và dài hạn

48
52
55

Kiên định bám sát mục tiêu – Vững tin trước thách thức

Những yếu tố chính từ ngành và thị trường tác động đến Sợi Thế Kỳ trong năm 2021 và dự báo cho năm 2022

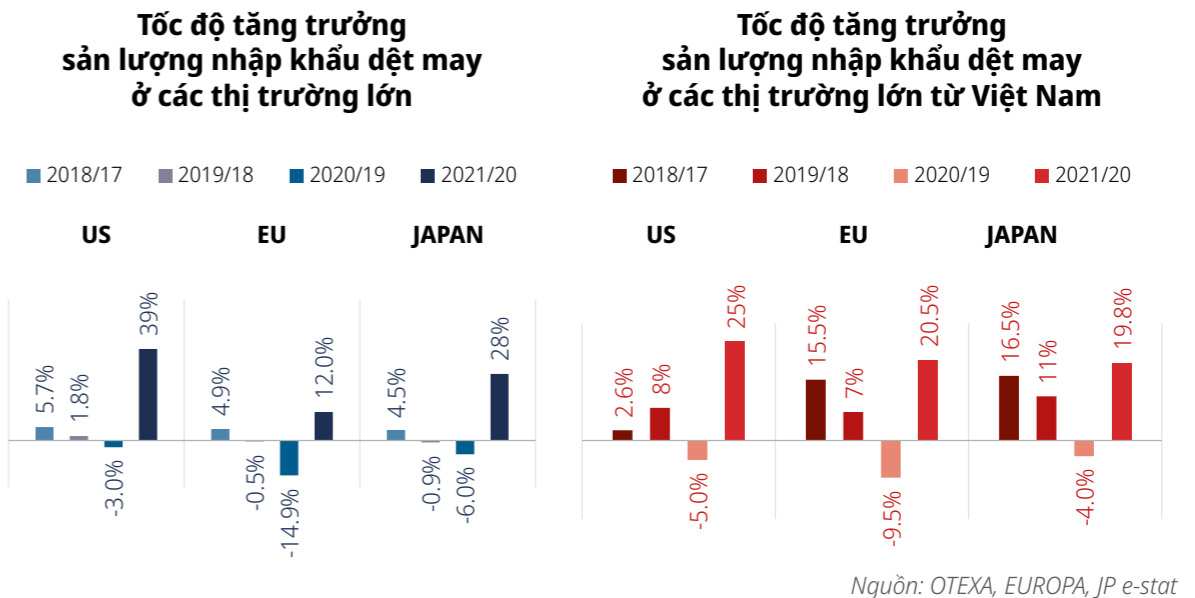
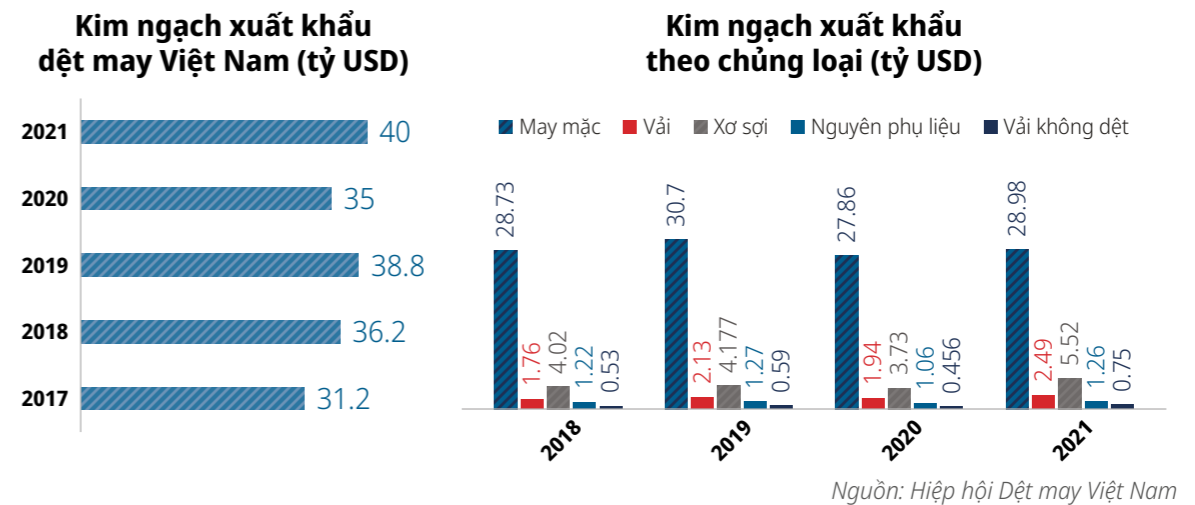
Các yếu tố chính	2021	2022	Ghi chú
Nhu cầu phục hồi ở các thị trường tiêu thụ hàng dệt may chủ chốt	↑	↑	Nhu cầu hàng may mặc tăng cao ở các quốc gia có tỷ lệ tiêm chủng cao như Mỹ, Châu Âu.
Sự phát triển của kênh thương mại điện tử của các thương hiệu thời trang toàn cầu	↑	↑	
Xu hướng phát triển bền vững	↑	↑	Cam kết của các thương hiệu thời trang hàng đầu về chống biến đổi khí hậu
Biến động giá NVL đầu vào (hạt nhựa chip, dầu, ống giấy)	↓	↓	Năm 2022, giá NVL đầu vào có thể tiếp tục biến động mạnh.
Thiếu container và chi phí cước tàu và thuê container tăng cao	↓	↓	Năm 2021 chi phí cho cước tàu và vận chuyển nội địa đã tăng trên 50% so với năm 2020 và dự kiến vẫn giữ ở mức cao trong năm 2022.
Nhu cầu từ khách hàng trực tiếp tại thị trường nước ngoài	↑	↑	
Nhu cầu từ khách hàng trực tiếp nội địa	↓	↑	Các biện pháp giãn cách xã hội và 3 tại chỗ trong năm 2021
Quyết định áp thuế chống bán phá giá tại thị trường Mỹ	↑	↑	
Quyết định áp thuế chống bán phá giá tại thị trường Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, Indonesia	↑	↑	

- ↑ Có tác động tích cực đến Công ty
- ↓ Có tác động tiêu cực đến Công ty
- ↔ Tiếp tục có tác động tiêu cực

TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ NGÀNH TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Trong năm 2021, GDP cả nước ước tăng 2,58% (Quý 1 tăng 4,72%; Quý 2 tăng 6,73%; Quý 3 giảm 6,02%; Quý 4 tăng 5,22%)¹, giảm so với tỷ lệ tăng GDP năm 2020 là 2,91%, nguyên nhân do sự lây lan mạnh mẽ của dịch Covid-19 từ tháng 4 cho đến tháng 9/2021.

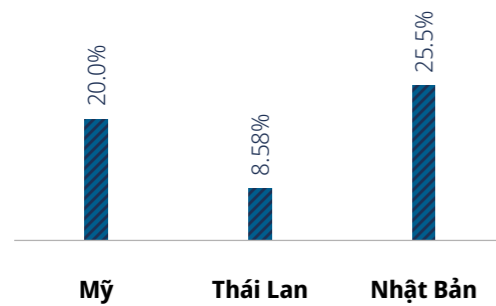
Tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam vẫn có nhiều điểm sáng khi tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành đạt 40,5 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2020 và tăng 4% so với năm 2019.²



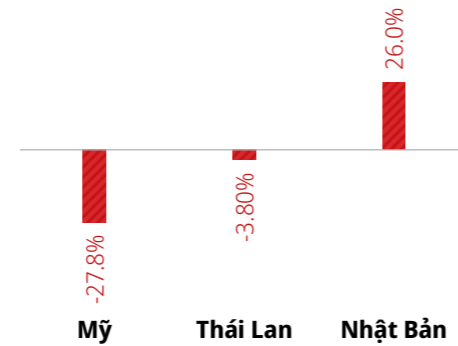
¹ Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2021 Số: 282/BC-TCTK ngày 29 tháng 12 năm 2021.

² Hiệp hội dệt may Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng sản lượng nhập khẩu sợi Polyester Filament của các thị trường năm 2021



Tốc độ tăng trưởng sản lượng nhập khẩu sợi Polyester Filament của các thị trường từ Việt Nam năm 2021

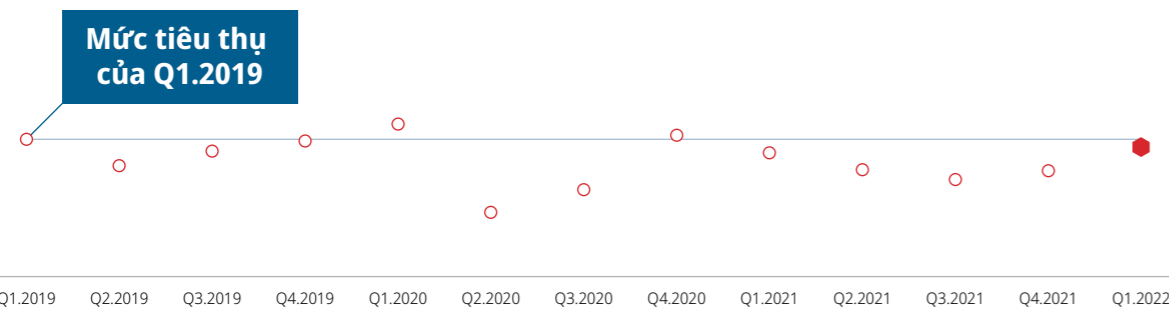


Nguồn: OTEXA, Thai Customs, JP e-stat

Thị trường Mỹ: Trong năm 2021, Bộ thương mại Mỹ tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với sợi polyester filament nhập khẩu từ thị trường Việt Nam, Thái Lan, Indonesia, Malaysia và ra quyết định áp thuế tạm thời vào tháng 06 và chính thức vào tháng 12 năm 2021, do đó sản lượng xuất khẩu của Việt Nam năm 2021 giảm 27,8% so với cùng kỳ.

Thị trường Thái Lan: Năm 2021, tổng sản lượng nhập khẩu sợi polyester filament tại thị trường Thái Lan tăng 8,58% so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, trong Quý 3 và Quý 4 dịch Covid-19 diễn biến khá phức tạp nên sản lượng nhập khẩu từ Việt Nam lại giảm 3,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tình hình kinh doanh của Sợi Thế Kỷ



Trong Quý 3 năm 2021, do những quy định nghiêm ngặt về giãn cách xã hội, lượng tiêu thụ toàn Công ty đã giảm 21% so với Quý 1 năm 2021. Mặc dù vậy, Công ty đã nhanh chóng phục hồi trong Quý 4. Dự kiến Quý 1 năm 2022, lượng tiêu thụ dự báo tăng khoảng 22% so với Q4.2021.

Việc Cục PVTM áp thuế chống bán phá giá đối với sợi nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia phần nào hạn chế việc nhập khẩu hàng giá rẻ vào thị trường. Công ty đã tích cực đẩy mạnh bán hàng nội địa. Nhờ vậy, doanh thu nội địa năm 2021 đã tăng 22% so với cùng kỳ; số khách hàng nội địa năm 2021 tăng 15% so với năm 2020.

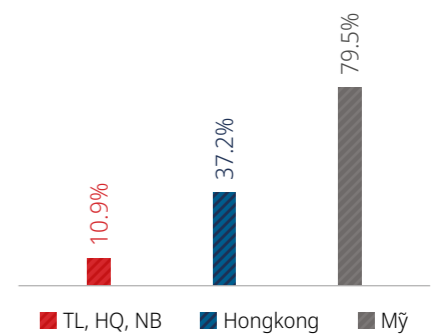
Trong đó:

Tình hình kinh doanh ở thị trường xuất khẩu của Sợi Thế Kỷ

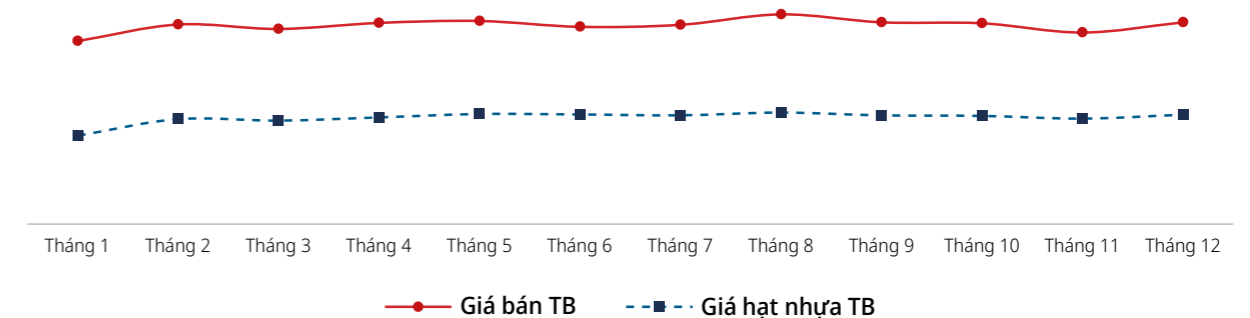
Đứng trước bối cảnh nền kinh tế và điều kiện sản xuất kinh doanh không thuận lợi trong năm 2021, Sợi Thế Kỷ vẫn kiên định với chiến lược kinh doanh cốt lõi gắn kết với phát triển bền vững, nỗ lực vượt qua những thách thức đến từ bên ngoài.

Hướng trọng tâm vào mặt hàng Sợi tái chế từ năm 2017, Sợi Thế Kỷ đã dự đoán xu hướng chuyển dịch ngành dệt may Việt Nam và toàn cầu theo hướng bền vững, giảm sử dụng năng lượng hóa thạch, giảm khí thải nhà kính, giảm tiêu thụ điện năng và nước sạch. Với việc kịp thời áp dụng chiến lược đúng đắn, Sợi Thế Kỷ được coi là một mắt xích có độ tin cậy cao về chất lượng sản phẩm trong chuỗi cung ứng trang phục thể thao cho các thương hiệu lớn. Do đó, mặc dù năm 2021 thị trường nội địa không thuận lợi nhưng mảng xuất khẩu của Công ty vẫn tăng trưởng 15,4%, chiếm 50% trên tổng Doanh thu. Đặc biệt trong Quý 3 năm 2021, Công ty vẫn nỗ lực không ngừng nghỉ khai thác thị trường xuất khẩu như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hongkong và Mỹ.

Tăng trưởng doanh thu các thị trường xuất khẩu chính năm 2021 YoY



Tình hình biến động của giá nguyên vật liệu trong năm 2021



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ

Tình hình giá nguyên vật liệu năm 2021 đều tăng hơn so với năm 2020, cụ thể:

> Giá PET chip trung bình đã tăng 26,8% so với cùng kỳ, do giá dầu tăng cũng như thiếu điện ở Trung Quốc dẫn đến việc các nhà máy ở Trung Quốc phải đóng cửa tạm thời một số ngày trong giai đoạn từ tháng 9-10/2021.

Ngoài ra giá mua vào dầu tấm sợi và ống giấy đã tăng lần lượt 14% và 10% so với năm 2020.

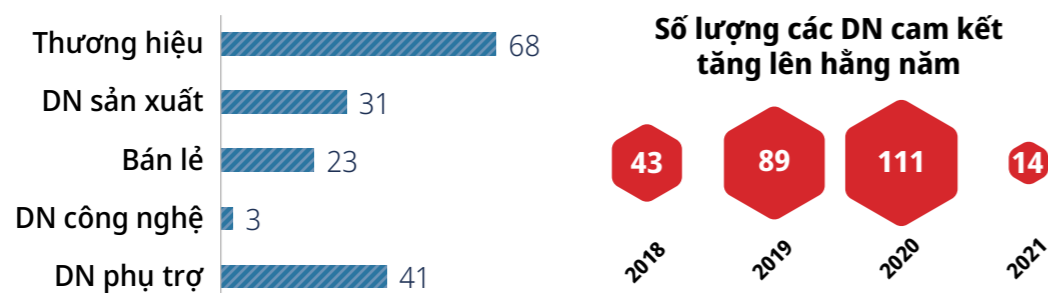
Trước tình hình đó, STK đã thực hiện các biện pháp đàm phán giá với nhà cung ứng và khách hàng, theo dõi tình hình biến động giá sát sao và quản lý hàng tồn kho về mức tiêu chuẩn (1 tháng tồn kho nguyên vật liệu và 1 tháng tồn kho thành phẩm), theo dõi thị trường vận chuyển đường biển, đường bộ để cân nhắc chọn dịch vụ đảm bảo và linh hoạt chọn linh kiện thay thế khi cần.

Con đường đi đến mục tiêu giảm khí thải nhà kính

Nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu cũng như hướng hành động đến mục tiêu số 13 của Liên Hợp Quốc, Ủy ban Châu Âu (EU) đã đặt mục tiêu cắt giảm ít nhất 55% khí thải nhà kính đến năm 2030;

Các quốc gia trong COP26 (Hội nghị các bên lần thứ 26) đặt mục tiêu không phát thải cho đến năm 2050 và giữ mức độ ấm lên toàn cầu tối đa là 1,5°C.

Đã có hơn 160 nhà sản xuất, thương hiệu, công ty bán lẻ như Adidas, Decathlon, Inditex, H&M, Nike, Puma..... đã ký vào Fashion Industry Charter¹ từ năm 2018 đến nay (tạm dịch: Hiến chương ngành công nghiệp thời trang chống biến đổi khí hậu) – cam kết chống biến đổi khí hậu toàn cầu, giảm 50% khí thải nhà kính năm 2030 và tiến tới 0% năm 2050.



Nguồn: Fashion Industry Charter for Climate Action

Theo báo cáo của cơ quan môi trường Liên minh châu Âu (European Environment Agency), nếu sản xuất sợi polyester từ nguyên liệu dầu thô sẽ sản sinh ra khí thải nhà kính, gây ô nhiễm môi trường nước và không khí.

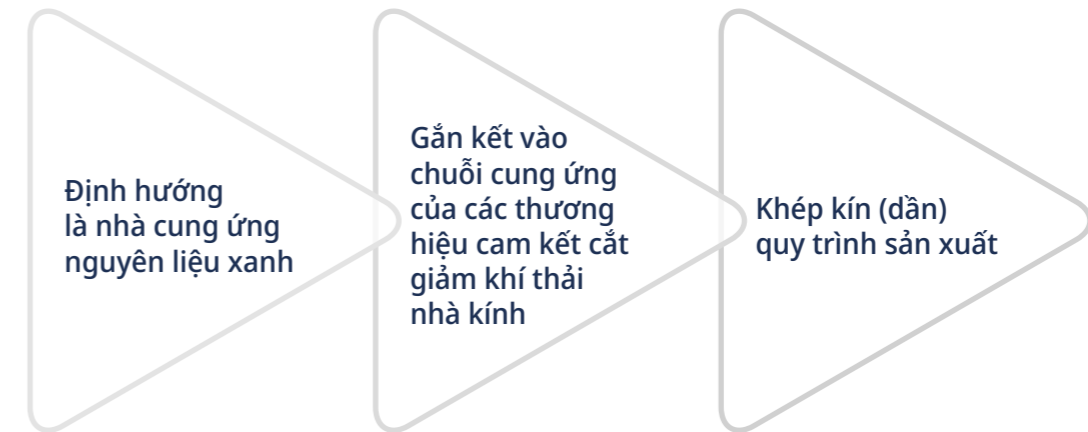
Theo Higg Materials Sustainability Index tháng 07/2021, Sợi tái chế được sản xuất từ chai nhựa có thể giảm 42% khí thải nhà kính so với Sợi nguyên sinh².

Sợi sau khi được dệt thành vải nếu đem đi nhuộm sẽ có thể còn gây ô nhiễm nặng đến nguồn nước, tạo ra vi nhựa và các chất thải nguy hại khác.

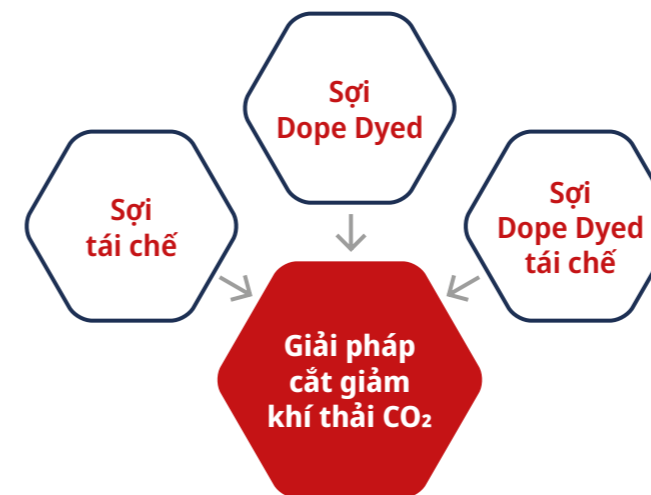
¹ <https://www.fashioncharter.org/chapters/fashion-industry-charter>

² Báo cáo phát triển bền vững UNIFI năm 2021. UNIFI là nhà cung ứng hạt nhựa Recycle cho Sợi Thế Kỳ.

Sợi Thế Kỳ là 1 trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam tiếp cận đến Sợi tái chế từ năm 2017 và phát triển thêm các chủng loại Sợi tái chế có thêm tính năng như co giãn cao, chống cháy, chống tia cực tím...



Không những thế năm 2021, Sợi Thế Kỳ đã phát triển thêm Sợi Dope Dyed (màu đen và màu beige) và đưa vào sản xuất thương mại, cung cấp giải pháp thay thế cho công đoạn nhuộm vải thành phẩm. Hiện nay Công ty đã phát triển Sợi tái chế Dope Dyed và cũng đã được đánh giá cao bởi các thương hiệu.



Ngoài ra, Công ty còn tái chế sợi vụn, sợi thứ cấp thành hạt nhựa để tái sử dụng trong quá trình sản xuất, tạo thành vòng sản xuất khép kín, giảm lượng tiêu thụ hạt nhựa nguyên sinh, giảm khí thải nhà kính.

Hiện nay, STK đã lắp đặt và đưa vào vận hành Hệ thống điện mặt trời áp mái với tổng công suất 10,5 MWH/năm. Nếu tính hết thời gian vận hành của 2 Hệ thống là 27 năm (đối với Củ Chi) và 33 năm (đối với Trảng Bàng), Công ty sẽ giảm được hơn 500 ngàn tấn khí thải nhà kính, tương đương khoảng 16 ngàn tấn CO₂ mỗi năm.

- > Tập trung kinh doanh ngành nghề cốt lõi;
- > Chiến lược kinh doanh đón đầu xu hướng của thị trường;
- > Máy móc, công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực lâu năm và lành nghề;
- > Tình hình tài chính ổn định và minh bạch;
- > Thương hiệu vững mạnh được khách hàng đánh giá cao nhờ chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ sản phẩm chuyên nghiệp.
- > Tình hình quản trị minh bạch, hướng đến các thông lệ quốc tế.

- Sợi Polyester nói chung và sợi Polyester Filament nói riêng vẫn chiếm ưu thế lớn nhất trong cơ cấu của ngành sợi; nhu cầu sợi thân thiện với môi trường vẫn tiếp tục tăng cao;
- Xu hướng dịch chuyển đơn hàng dệt may sang Việt Nam để tận dụng các ưu đãi thuế quan theo Các hiệp định thương mại;
- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động bán hàng ở nội địa sẽ có tiềm năng tăng trưởng cao, bao gồm cả xuất khẩu gián tiếp.
- Phân khúc quần áo thể thao cao cấp được đánh giá sẽ phục hồi mạnh hơn các phân khúc khác và có khả năng tăng trưởng do sự thay đổi hành vi người tiêu dùng.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

S.W.O.T



- × Nguồn nhân lực cấp cao và cấp trung còn thiếu kinh nghiệm quản lý và đào tạo nguồn nhân lực cấp thấp hơn.
- × Là doanh nghiệp xuất khẩu nhưng vẫn còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Rủi ro nền kinh tế suy thoái và nhu cầu sụt giảm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Việc giãn cách xã hội do dịch bệnh có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng và giảm công suất hoạt động của nhà máy, gây tăng chi phí cho Công ty.
- Rủi ro Công ty xuất khẩu có khả năng bị kiện chống bán phá giá ở các thị trường xuất khẩu.

CỦNG CỐ NỀN TẢNG - VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

Chiến lược trung & dài hạn mang định hướng phát triển bền vững

CỦNG CỐ VÀ TĂNG CƯỜNG LỢI THẾ CẠNH TRANH

- > Sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao, phù hợp với xu hướng của ngành dệt may/ thời trang trên thế giới;
- > Tự động hóa và số hóa để nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm thời gian và chi phí;
- > Nâng cao năng lực quản lý sản xuất-kinh doanh để giảm chi phí tối đa;
- > Khép kín chuỗi sản xuất từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm.

PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG

- > Mở rộng công suất, tăng quy mô để chiếm thị phần cả trong nước và ngoài nước;
- > Gia tăng tỷ lệ sợi tái chế trên doanh thu;
- > Phát triển các sản phẩm mang tính bền vững và có giá trị gia tăng cao;
- > Định hướng thành nguồn cung ứng nguyên liệu xanh, bền vững.

HỢP LỰC CÙNG NHAU VƯƠN XA

- > Gắn kết các bên liên quan để mang đến giá trị tối đa cho các bên: khách hàng, người lao động, xã hội, cơ quan nhà nước, nhà cung ứng, cổ đông...
- > Phát triển văn hóa Sợi Thế Kỳ: văn hóa Tôn trọng sản phẩm, 5S, gắn kết hệ giá trị vào trong hoạt động và nhận thức của người lao động.

Chiến lược ngắn hạn

Kế hoạch phát triển năm 2022

- > Tận dụng ưu đãi thuế quan và lợi thế từ thuế chống bán phá giá (Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia) để mở rộng mạng lưới khách hàng, gia tăng doanh số bán hàng.
- > Nâng tỷ trọng Sợi tái chế trên Doanh thu đạt 54%.
- > Chuẩn bị nguồn vốn đối ứng cho Dự án tăng công suất tại Công ty Con.
- > Tăng cường hệ thống quản trị rủi ro tối đa để ứng phó với rủi ro từ yếu tố bên ngoài.
- > Tập trung vào việc đào tạo và nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ sản xuất.



Cơ hội từ xu hướng chung	Cơ hội cho Sợi Thế Kỳ	Hành động của Sợi Thế Kỳ
<p>Cam kết của các thương hiệu trong việc chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.</p> <p>Người tiêu dùng có ý thức hơn về tính bền vững trong sản phẩm may mặc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> > Các thương hiệu sẽ ưu tiên lựa chọn nhà cung ứng giúp họ đạt được các cam kết chống biến đổi khí hậu (như tăng tỷ lệ nguyên liệu tái chế, sử dụng năng lượng tái tạo, giảm sử dụng nước sạch, giảm nước thải và phát thải hóa chất ra môi trường) 	<ul style="list-style-type: none"> > Sợi Thế Kỳ tiếp tục phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao. > Áp dụng các sáng kiến tiết kiệm năng lượng tiêu thụ và nước sử dụng.
<p>Nhu cầu về mảng trang phục thể thao dự đoán sẽ tiếp tục tăng trưởng trong giai đoạn 2021-2025</p>	<ul style="list-style-type: none"> > Quy mô thị trường có thể đạt mức tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2021-2025 là +8,8%, trong đó khu vực Châu Âu có thể tăng 4-5%, Mỹ tăng 7,8%. > Mặc dù ảnh hưởng của dịch Covid-19, người tiêu dùng vẫn có thể chuyển hướng mua sắm tại các kênh bán hàng trực tuyến (45% trên tổng tiêu thụ), do đó chuỗi cung ứng vẫn tăng trưởng mạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> > Tăng tỷ trọng tiêu thụ Sợi tái chế lên 54% để giảm mức sử dụng hạt nhựa có nguồn gốc từ dầu thô và khí gas. > Tiếp tục gắn kết vào các chuỗi cung ứng toàn cầu của các nhãn hàng lớn.
<p>Thuế chống bán phá giá đối với sợi nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia vào Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> > Hạn chế được 1 phần hàng nhập khẩu giá rẻ cạnh tranh với sản phẩm trong nước 	<ul style="list-style-type: none"> > Theo dõi chặt chẽ tình hình nhập khẩu sợi vào thị trường Việt Nam, từ đó đề xuất biện pháp phòng vệ thương mại nếu như xác định có hành vi chống bán phá giá.

Thách thức từ xu hướng chung	Thách thức đối với Sợi Thế Kỳ	Hành động của Sợi Thế Kỳ
<p>Nền kinh tế toàn cầu vẫn được dự báo tăng trưởng năm 2022 thấp hơn mức tăng trưởng năm 2021</p>	<ul style="list-style-type: none"> > Nhu cầu chung về may mặc sẽ vẫn chịu tác động giảm do những yếu tố như tỷ lệ thất nghiệp tăng, thu nhập giảm. > Các hiện tượng gián đoạn chuỗi cung ứng về nguyên vật liệu, các chi phí logistics tăng lên có thể làm ảnh hưởng tới mức lợi nhuận của doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> > Đa dạng hóa thị trường và mạng lưới khách hàng; > Phát triển thêm sản phẩm mới, mở rộng phân khúc khách hàng; > Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tăng biên lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất; > Linh hoạt tìm kiếm các nhà cung ứng NVL, dịch vụ vận chuyển... để hạn chế gián đoạn chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất của Công ty.
<p>Nguy cơ tái bùng phát dịch Covid do các biến chủng mới.</p>	<ul style="list-style-type: none"> > Rủi ro xảy ra khi CBCNV nhiễm bệnh gây ảnh hưởng đến nguồn nhân lực tạm thời có thể khiến công suất hoạt động nhà máy giảm xuống làm tăng chi phí sản xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> > Đẩy mạnh giải phóng hàng tồn kho để giảm chi phí lưu kho và tăng thêm doanh thu cho Công ty. > Có chính sách phúc lợi hấp dẫn, hỗ trợ người lao động trong trường hợp nghỉ việc tạm thời hoặc tham gia "3 tại chỗ", nhằm ổn định nguồn nhân lực.

(Xem thêm **Chiến lược phát triển bền vững**, mục **Báo cáo tác động môi trường, lao động, xã hội**, trang 106, **Báo cáo thường niên 2021**).

QUẢN TRỊ RỦI RO

Mục tiêu của quản trị rủi ro

62

Hệ thống quản trị rủi ro của STK

62

Quy trình quản lý rủi ro

63

Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro

63

Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu

64



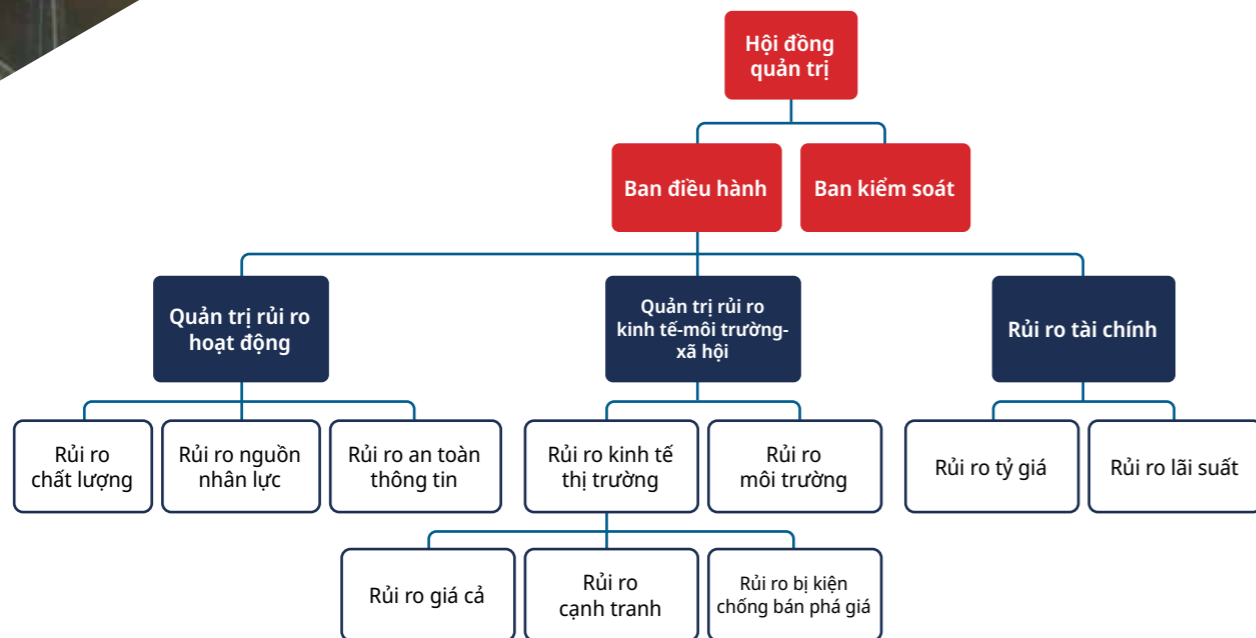
Mục tiêu của quản trị rủi ro

Để đạt được mục tiêu và bám sát chiến lược đã đặt ra, doanh nghiệp cần nhận biết được những rủi ro tiềm ẩn và có biện pháp phòng ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro.

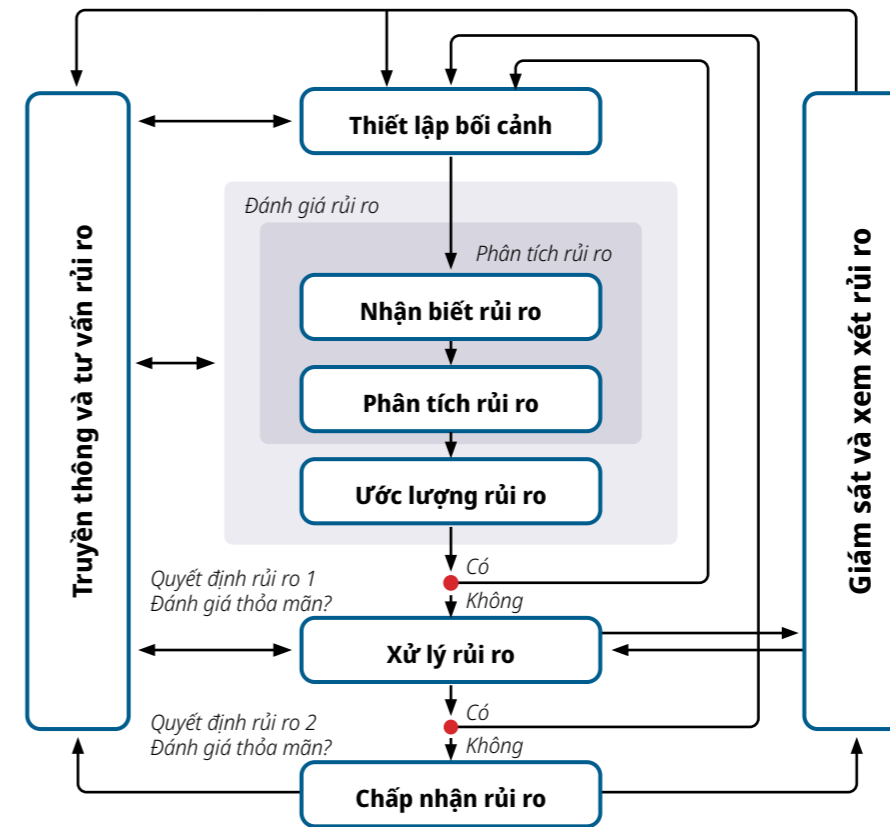
Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, Công ty đã xây dựng quy trình quản lý rủi ro nhằm mục đích:

- > Nhận diện rủi ro từ bên ngoài và nội tại của Công ty, từ đó chủ động quản trị rủi ro, giảm thiểu thiệt hại và tận dụng các cơ hội đến từ nguy cơ, từ đó hoàn thiện quy trình hoạt động và sản xuất.
- > Đảm bảo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định, bền vững, duy trì được tốc độ tăng trưởng, hoàn thành được mục tiêu đã đề ra.
- > Phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm ở từng bộ phận trong việc quản trị rủi ro.
- > Xây dựng ý thức và văn hóa phòng ngừa và quản trị rủi ro hơn là giải quyết vấn đề.

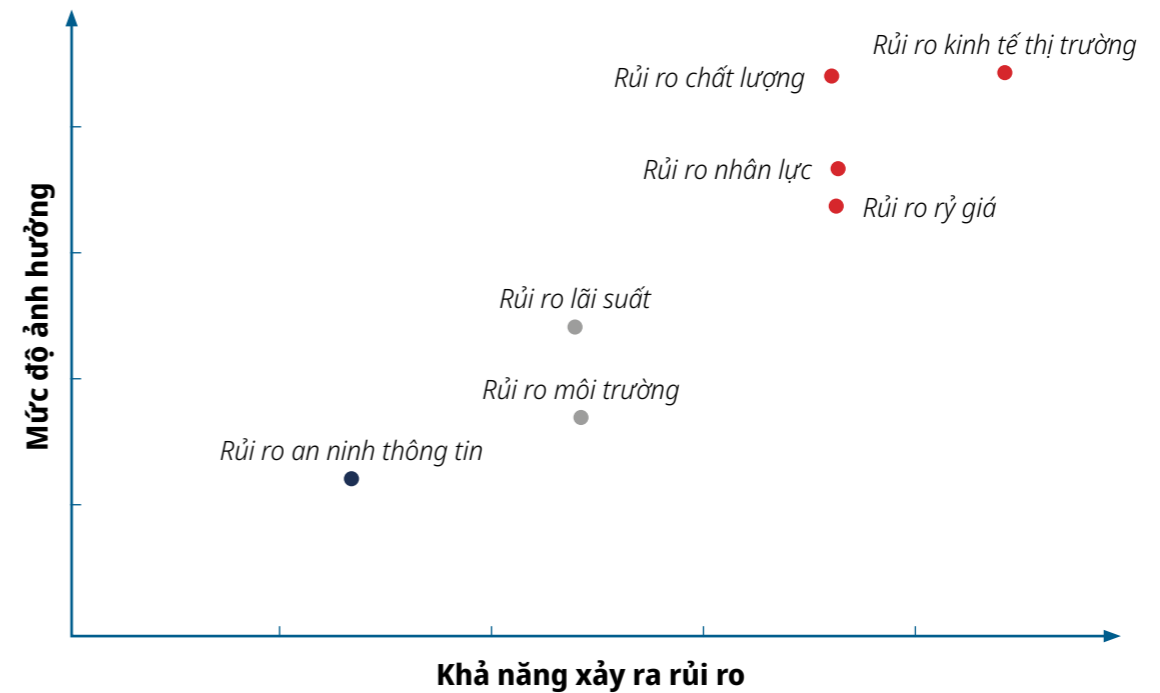
Hệ thống quản trị rủi ro của STK



Quy trình quản lý rủi ro



Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro



Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu

RỦI RO KINH TẾ - THỊ TRƯỜNG

- Rủi ro giá cả
- Rủi ro cạnh tranh
- Rủi ro bị kiện chống bán phá giá

<i>Phân tích rủi ro</i>	<p>Rủi ro giá cả</p> <ul style="list-style-type: none"> > Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may có tác động lớn đến giá cả; > Biến động giá cả nguyên vật liệu trên thị trường hàng hóa (giá dầu) có thể gây ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp.
<i>Giải pháp hạn chế rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none"> > Theo dõi các yếu tố vĩ mô để dự đoán xu hướng nền kinh tế, ngành dệt may. > Tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới. > Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để giữ chân khách hàng thân thiết. > Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt được các thương hiệu thời trang thể thao ưa dùng. > Đa dạng hóa nhà cung cấp và danh mục khách hàng cũng như cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm nhằm duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa polyester chip.

<i>Phân tích rủi ro</i>	<p>Rủi ro cạnh tranh</p> <ul style="list-style-type: none"> > Xu hướng dịch chuyển sản xuất dệt may từ Trung Quốc và các quốc gia khác như Hàn Quốc và Đài Loan sang Việt Nam cùng với làn sóng đầu tư để đón cơ hội từ FTA sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn hơn trong ngành sản xuất sợi. > Các đối thủ chuyển sang phân khúc cao cấp hoặc sản xuất sợi tái chế.
<i>Giải pháp hạn chế rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none"> > Tăng cường lợi thế cạnh tranh về giá và chất lượng; > Thiết lập các rào cản về công nghệ, quản lý chất lượng, quản lý sản xuất, nhãn hiệu để tạo sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm.
<i>Phân tích rủi ro</i>	<p>Rủi ro bị kiện chống bán phá giá</p> <ul style="list-style-type: none"> > Trong bối cảnh tự do hóa Thương mại hiện nay, các biện pháp phòng vệ thương mại (như kiện bán phá giá, kiện chống trợ cấp) thường được chính phủ các nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ nền sản xuất nội địa của nước họ. Các yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ Thương mại này của các nhà sản xuất nội địa đôi khi rất phi lý và để bác bỏ các yêu cầu phi lý đó đòi hỏi nhiều công sức và thời gian.
<i>Giải pháp hạn chế rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none"> > Áp dụng chính sách giá cả hợp lý cho thị trường xuất khẩu và nội địa và có hệ thống báo cáo đầy đủ để có thể chứng minh là STK không bán phá giá. > Đa dạng hóa thị trường, không tập trung doanh thu quá nhiều vào 1 thị trường.

RỦI RO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

<i>Phân tích rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none">> Chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu của Công ty, chất lượng không đạt sẽ ảnh hưởng lớn đến khách hàng, dẫn đến việc Công ty bị khiếu nại hoặc bồi thường thiệt hại, bị mất khách hàng, mất đơn hàng.> Chất lượng nguyên liệu đầu vào chính và các nguyên liệu phụ cũng có thể tác động đến chất lượng sản phẩm.
<i>Giải pháp hạn chế rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none">> Công ty thiết lập các quy trình, cơ chế kiểm soát chéo chất lượng ở từng khâu sản xuất.> Nâng cao tay nghề, kỹ năng tác nghiệp cho người lao động;> Đa dạng hóa nhà cung cấp nguyên vật liệu;> Đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ.> Nâng cấp nền tảng công nghệ, tự động hóa ở một số khâu sản xuất để giảm bớt thao tác thủ công;

RỦI RO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

<i>Phân tích rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none">> Nguồn nhân lực không đủ hoặc không đủ năng lực cũng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất-kinh doanh nhất là cấp quản lý cấp trung và cấp cơ sở.> Dịch bệnh có tính lây lan cao có thể hạn chế người lao động làm việc.> Môi trường làm việc không tích cực, phúc lợi xã hội không đầy đủ có thể làm tăng tỷ lệ nghỉ việc.
<i>Giải pháp hạn chế rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none">> Chú trọng tuyển dụng nguồn lao động, đào tạo, huấn luyện phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc.> Đảm bảo các chính sách lương thưởng, phúc lợi, chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.> Tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa;

RỦI RO BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ

<i>Phân tích rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none">> Tỷ giá biến động có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.> Tỷ giá tăng lên sẽ làm tăng lỗ tỷ giá chưa thực hiện, làm giảm lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp; đồng thời làm chi phí lãi vay cũng tăng lên do Công ty sử dụng nợ vay chủ yếu bằng đồng Đô-la Mỹ.
<i>Giải pháp hạn chế rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none">> 50% Doanh thu là Doanh thu xuất khẩu nên Công ty vẫn có dòng tiền thu vào bằng đồng Đô-la Mỹ.> Trong trường hợp lỗ tỷ giá chưa thực hiện tăng lên, vì đây là khoản dự phòng cho nên không ảnh hưởng kết quả kinh doanh của Công ty trên thực tế.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

<i>Phân tích rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none">> NVL chính của STK là PET chip- là chế phẩm của dầu mỏ- và NVL phụ là ống giấy và thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các qui định và chính sách trên thế giới về môi trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.
<i>Giải pháp hạn chế rủi ro</i>	<ul style="list-style-type: none">> Để giảm thiểu những rủi ro này, STK đã thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như sợi Recycled (sử dụng Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ), sợi màu (giảm lượng nước sử dụng và không dùng đến các hóa chất độc hại) và phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng). Ngoài ra, Công ty còn đưa ra các cam kết, ban hành Sổ tay môi trường và các chính sách hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

70

Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

94

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2022

102

Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

103



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

> Doanh thu thuần hợp nhất năm 2021 của Công đạt 2.042 tỷ đồng, tăng 15,7% so với cùng kỳ. Mặc dù dịch Covid-19 trong năm 2021 diễn biến phức tạp hơn năm 2020 nhưng Công ty vẫn nỗ lực quản trị rủi ro chuỗi cung ứng nội địa và xuất khẩu. Không những thế, Công ty vẫn duy trì sản xuất trên 50% công suất trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát dữ dội ở khu vực phía Nam.

- > Công ty đã linh hoạt tìm kiếm các nhà cung cấp nguyên vật liệu (chính và phụ) và các dịch vụ khác có chi phí hợp lý, bù đắp phần chi phí phát sinh chống dịch bệnh.
- > Kiểm soát chất lượng hoạt động các phòng ban; rà soát những điểm cần cải thiện, từ đó đưa ra kế hoạch ứng phó với những rủi ro có thể phát sinh bất ngờ.
- > Công ty vẫn duy trì và đẩy mạnh mảng Sợi tái chế - sản phẩm chủ lực của Công ty, từ đó tỷ lệ Sợi tái chế trên doanh thu vẫn đạt 50%, giúp lợi nhuận sau thuế tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT CỦA CÔNG TY THEO CHỨC NĂNG

Hoạt động kinh doanh

THỊ TRƯỜNG

- > Nhờ vào mức thuế chống bán phá giá tương đối thấp khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ, Doanh thu từ thị trường Mỹ năm 2021 tăng 79% so với cùng kỳ, nâng tỷ lệ từ 3,8% năm 2020 lên 4,5% năm 2021.
- > Lượng sợi nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia năm 2021 đã giảm xuống 7,8% so với năm 2020, nhờ vào việc áp thuế chống bán phá giá đối vào hàng nhập khẩu vào Việt Nam.
- > Trong năm 2021, Công ty vẫn tập trung khai thác mạng lưới khách hàng hiện hữu, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ sản phẩm lỗi đáng kể so với năm 2020.

SẢN PHẨM

> Sợi nguyên sinh

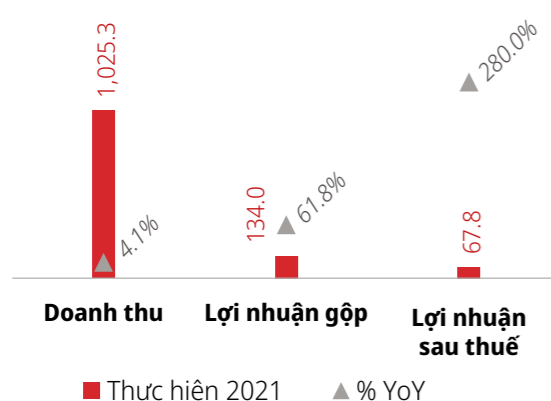
Nhờ vào việc Công ty nỗ lực tận dụng lợi thế từ thuế CBPG tại thị trường Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, giá bán trung bình của sợi nguyên sinh năm 2021 tăng 22% so với cùng kỳ.

> Sợi tái chế

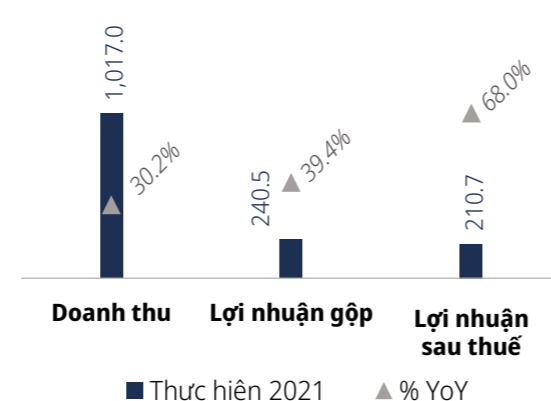
Doanh thu từ Sợi tái chế chiếm 50% trong Tổng Doanh thu toàn Công ty.

Giá bán trung bình của Sợi tái chế năm 2021 tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020.

Kết quả kinh doanh của Sợi nguyên sinh năm 2021 (tỷ đồng)



Kết quả kinh doanh của Sợi tái chế năm 2021 (tỷ đồng)



Hoạt động sản xuất

- Tập trung đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ sản xuất từ cấp quản lý cấp trung đến từng tác nghiệp viên.
- Số hóa và chuẩn hóa các quy trình sản xuất, giảm tỷ lệ sản phẩm lỗi.
- Phế phẩm được tái chế thành hạt nhựa, được tái sử dụng vào chu trình sản xuất.

CƠ ĐIỆN

- > Tăng cường các chính sách tiết kiệm điện.
- > Áp dụng các biện pháp phòng chống cháy nổ, chập điện tại nhà máy.

NHÂN SỰ

- > Nâng cao phúc lợi cho người lao động: tăng thu nhập và phụ cấp, tạo điều kiện cho người lao động thăng tiến, đảm nhiệm các vị trí cao hơn trong đơn vị.
- > Phối hợp với Ban quản lý KCN để người lao động được tiêm vac-xin đầy đủ và nhanh chóng. Cụ thể từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2021, toàn Công ty không phát sinh trường hợp lây nhiễm.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- > Áp dụng các phần mềm hỗ trợ hoạt động sản xuất và kinh doanh (*hệ thống POC, phần mềm lên kế hoạch sản xuất, phần mềm quản lý kho, phần mềm quản lý nhân sự-hành chính...*) cũng như các hoạt động khác của Công ty nhằm gia tăng tính hiệu quả và tính chính xác của công việc.
- > Điều phối các cuộc họp trao đổi thông tin trực tiếp và trực tuyến.
- > Đảm bảo dữ liệu lưu trữ phục vụ thông tin cho nội bộ và bên ngoài được đồng nhất và dễ dàng truy xuất khi cần thiết.
- > Tăng cường bảo mật thông tin tại Doanh nghiệp;
- > Kien toan hệ thống camera để theo dõi và kiểm soát hoạt động sản xuất và tính tuân thủ nội quy của người lao động tại Công ty.

(Xem thêm tại mục **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, Chính sách quản lý**, trang 100).

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI CÙNG KỲ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So sánh với cùng kỳ năm 2020 (%)
Doanh thu thuần	2.042,4	1.765,6	+15,7%
Lợi nhuận gộp	374,5	255,3	+46,7%
Biên lợi nhuận gộp (%)	18,3%	14,5%	+3,9%
Lợi nhuận trước thuế	285,7	164,5	+73,7%
Lợi nhuận sau thuế	278,5	144,4	+92,9%

> Doanh thu thuần năm 2021 hợp nhất toàn Công ty đạt 2.042,4 tỷ đồng, tăng 15,7% so với cùng kỳ.

Động lực tăng trưởng:

- > Sản lượng tiêu thụ tăng lên nhờ nỗ lực bán hàng của Công ty ngay trong giai đoạn dịch Covid-19 diễn biến nghiêm trọng.
- > Đẩy mạnh việc giải phóng hàng tồn kho không có đơn đặt hàng.
- > Tận dụng cơ hội từ thuế chống bán phá giá đối với hàng sợi nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia và mức thuế CBPG tương đối thấp đối với hàng nhập khẩu vào thị trường Mỹ.
- > Giá bán sợi trung bình năm 2021 cũng tăng 18% so với năm 2020.
- > Lợi nhuận gộp đạt 374,5 tỷ đồng, tăng 46,7% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do chênh lệch giữa giá bán và giá hạt nhựa (price gap) tăng 17% so với năm 2020.
- > Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 285,7 tỷ đồng tăng 73,7% so với năm 2020, nguyên nhân là do chi phí lãi vay giảm 68% so với cùng kỳ.
- > Lợi nhuận sau thuế đạt 278,5 tỷ đồng, tăng 92,9% so với cùng kỳ năm ngoái, do Công ty được hoàn thuế theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP (25/05/2020), hoàn nhập khoản thuế đã nộp dư năm 2016-2020.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	Dự báo năm 2021	So sánh với cùng kỳ năm 2020 (%)
Doanh thu thuần	2.042,4	2.358	86,6%
Lợi nhuận trước thuế	285,7	285,8	100,0%
Lợi nhuận sau thuế	278,5	248,2	112,2%

> Doanh thu năm 2021 không đạt Dự báo ban đầu năm 2021 nguyên nhân là dịch bệnh lây lan nhanh do sau khi giãn cách xã hội khiến nguồn nhân lực sản xuất của Công ty sụt giảm dẫn đến công suất sản xuất giảm trong Quý 3 và 4 năm 2021. Ngoài ra, các khách hàng nội địa cũng thu hẹp quy mô hoạt động trong Quý 3-2021 do việc áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng quan về Tình hình tài chính Hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2021 so sánh với cùng kỳ năm 2020

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2021	2020	% tăng/giảm	2021	2020	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.971,1	1.703,4	15,7%	1.969,9	1.701,7	15,8%
Doanh thu thuần	2.042,4	1.765,7	15,7%	2.042,4	1.765,7	15,7%
Lợi nhuận gộp	374,5	255,3	46,7%	374,5	255,3	46,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	285,2	164,0	73,9%	285,6	163,7	74,4%
Lợi nhuận khác	0,56	0,5	23,7%	0,60	0,45	31,4%
Lợi nhuận trước thuế	285,7	164,5	73,7%	286,2	164,2	74,3%
Lợi nhuận sau thuế	278,5	144,4	92,9%	278,9	144,0	93,6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%		15%	15%	

* Cổ tức của năm tài chính 2019 được trả vào năm 2020.
Cổ tức của năm tài chính 2020 được trả vào năm 2021.

Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất và của Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2021	31/12/2020	+/-%	31/12/2021	31/12/2020	+/-%
Nợ phải trả	712,15	620,60	14,8%	710,78	619,23	14,8%
Nợ ngắn hạn	711,87	568,58	25,2%	710,50	567,21	25,3%
Phải trả người bán ngắn hạn	291,40	261,57	11,4%	290,03	260,20	11,5%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	41,62	43,68	-4,7%	41,62	43,68	-4,7%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11,81	4,88	142,0%	11,81	4,88	142,0%
Phải trả người lao động	26,62	20,99	26,8%	26,62	20,99	26,8%
Chi phí phải trả ngắn hạn	8,27	5,14	60,7%	8,27	5,14	60,7%
Phải trả ngắn hạn khác	6,23	6,17	1,0%	6,23	6,17	1,0%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321,33	222,56	44,4%	321,33	222,56	44,4%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,58	3,58	28,0%	4,58	3,58	28,0%
Nợ dài hạn	0,28	52,01	-99,5%	0,28	52,01	-99,5%
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	51,68	-	-	51,68	-
Dự phòng phải trả dài hạn	0,28	0,34	-16,9%	0,28	0,34	-16,9%
Vốn chủ sở hữu	1.258,99	1.082,79	16,3%	1.259,16	1.082,52	16,3%
Vốn góp của chủ sở hữu	707,27	707,27	0,0%	707,27	707,27	0,0%
Thặng dư vốn cổ phần	35,09	35,09	0,0%	35,09	35,09	0,0%
Cổ phiếu quỹ	(42,41)	(42,41)	0,0%	(42,41)	(42,41)	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	1,22	1,22	0,0%	1,22	1,22	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	557,82	381,62	46,2%	557,99	381,35	46,3%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.971,14	1.703,39	15,7%	1.969,94	1.701,75	15,8%

Cơ cấu tài sản hợp nhất và của Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2021	31/12/2020	+/--%	31/12/2021	31/12/2020	+/--%
Tài sản ngắn hạn	986,23	633,37	55,7%	983,40	630,09	56,1%
Tiền và các khoản tương đương tiền	366,21	95,11	285,0%	366,11	95,08	285,0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	26,00	-100,0%	-	26,00	-100,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	87,02	97,69	-10,9%	92,20	102,31	-9,9%
Hàng tồn kho	471,50	400,54	17,7%	471,50	400,54	17,7%
Tài sản ngắn hạn khác	61,50	14,03	338,2%	53,58	6,16	770,3%
Tài sản dài hạn	984,91	1.070,02	-8,0%	986,54	1.071,66	-7,9%
Các khoản phải thu dài hạn	11,28	11,28	0,0%	11,28	11,28	0,0%
Tài sản cố định	806,75	913,92	-11,7%	806,75	913,92	-11,7%
Tài sản dở dang dài hạn	24,18	0,56	4.185,1%	23,84	0,56	4125,8%
Đầu tư tài chính dài hạn	6,10	7,62	-19,9%	86,10	87,29	-1,4%
Tài sản dài hạn khác	136,61	136,64	0,0%	58,57	58,60	0,0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.971,14	1.703,39	15,7%	1.969,94	1.701,75	15,8%

Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Trong năm 2021, không có khoản nợ nào quá hạn.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	2020	%tăng/giảm	2020	%tăng/giảm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,50	4,54	4,54	6,50
Thuế thu nhập cá nhân	0,11	0,25	0,25	0,11
Thuế giá trị gia tăng	5,20	0,09	0,09	5,20
Tổng cộng	11,81	4,88	4,88	11,81

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, ... theo các quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

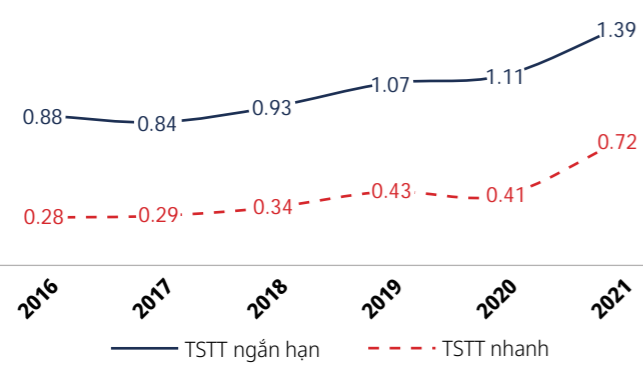
Các quỹ trích lập (tỷ đồng)	2021	2020
Quỹ đầu tư và phát triển	1,219	1,219

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hợp nhất			Công ty mẹ		
		2021	2020	So sánh	2021	2020	So sánh
Khả năng thanh toán							
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,39	1,11	0,28	1,38	1,11	0,27
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,41	0,31	0,72	0,41	0,31
Cơ cấu vốn							
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,26	0,25	0,01	0,26	0,25	0,01
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,16	0,16	-	0,16	0,16	
Năng lực hoạt động							
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	3,64	3,13	0,51	3,64	3,13	0,51
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,04	1,04	-	1,04	1,04	
Tỷ suất sinh lời							
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	13,96%	9,29%	4,67%	13,98%	9,27%	4,71%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	13,63%	8,18%	5,45%	13,66%	8,16%	5,50%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	14,13%	8,47%	5,66%	14,16%	8,46%	5,69%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	22,12%	13,33%	8,79%	22,15%	13,31%	8,85%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	4.084	2.091	1.993	4.084	2.091	1.993

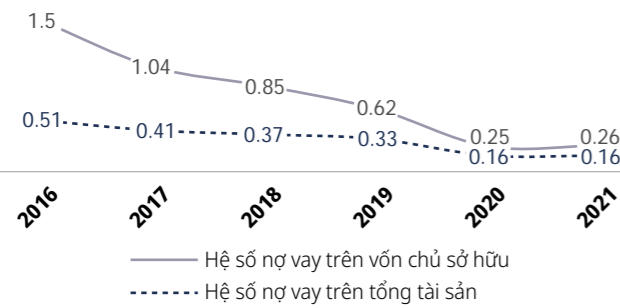


Chỉ số khả năng thanh toán



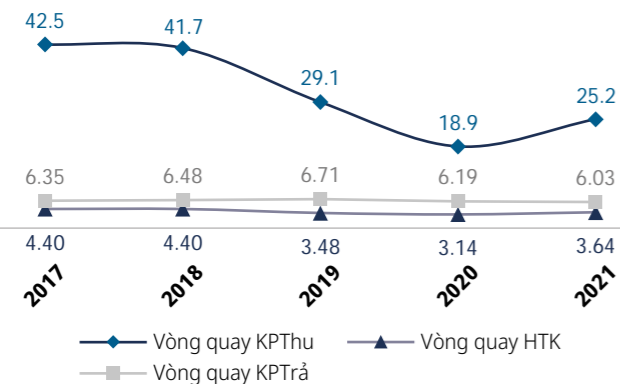
- > Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2021 đạt 1,39 lần, thể hiện tài sản ngắn hạn đủ để tài trợ cho nợ ngắn hạn.
- > Hệ số thanh toán nhanh năm 2021 cũng tăng so với năm 2020, do mức tăng của tài sản ngắn hạn (56%) lớn hơn mức tăng của nợ ngắn hạn (25%).

Cơ cấu vốn



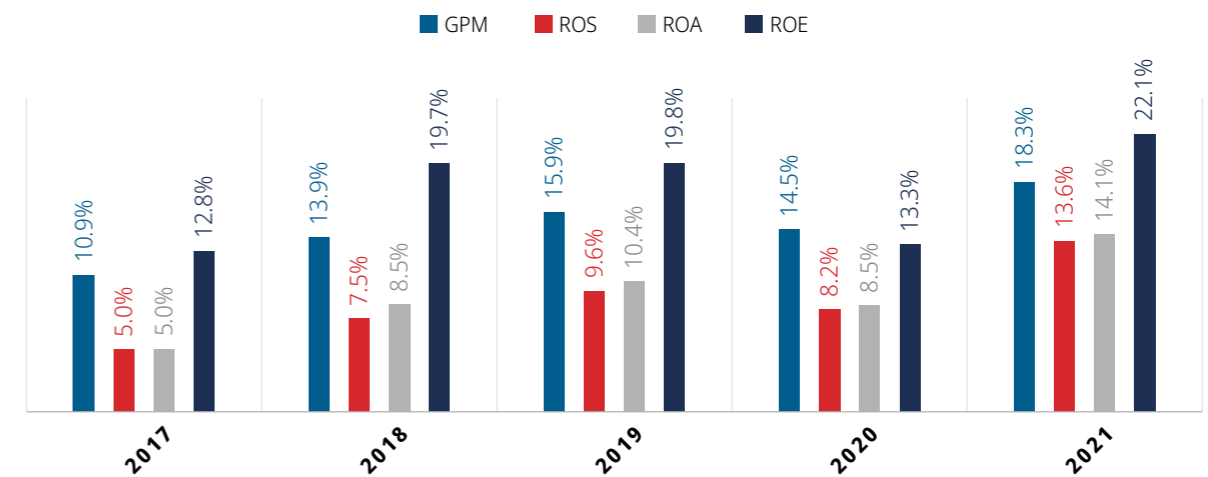
- > Trong năm 2021 Công ty đã chủ động giảm nợ vay (ngắn hạn và dài hạn) giúp hạn chế rủi ro và đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

Chỉ số năng lực hoạt động



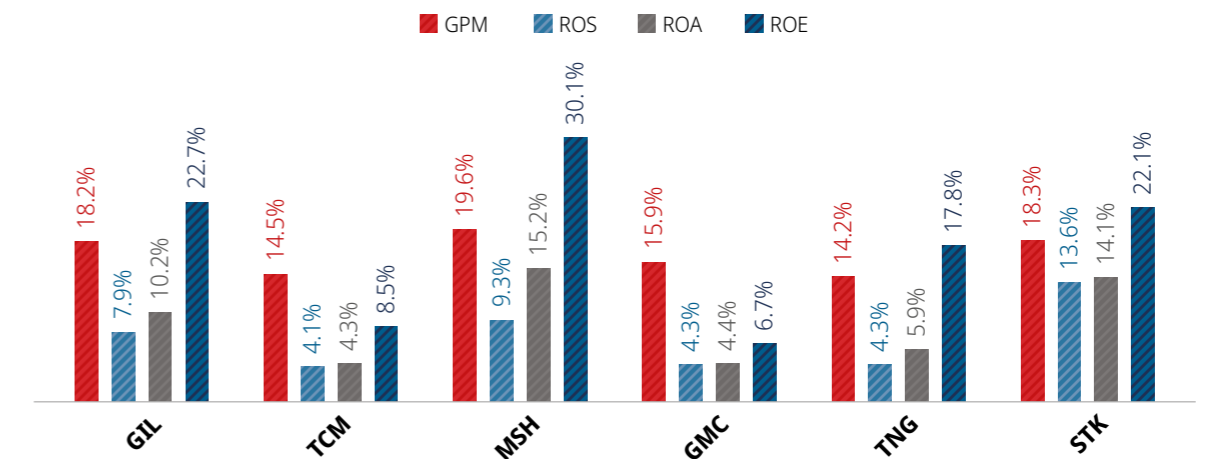
- Các chỉ số năng lực hoạt động của Công ty năm 2021 đều tăng so với năm 2020.
- > Vòng quay khoản phải thu của Công ty đạt 25,2 lần.
- > Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,14 lần lên 3,64 lần.
- > Vòng quay khoản phải trả giảm còn 6,03 lần.

Tỷ suất sinh lời



- > Do lợi nhuận sau thuế năm 2021 tăng mạnh so với cùng kỳ, tăng 92,9%, cho nên các chỉ số sinh lời đều cải thiện tốt hơn so với năm 2020.

So sánh tỷ suất sinh lời của STK với các doanh nghiệp niêm yết cùng ngành năm 2021



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành



Ông **Đặng Triệu Hoà**

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1969

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh

Quá trình làm việc

02/2020 - nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
06/2000 - 02/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
1995 - 2000	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.
1991 - 1995	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **13,78%**



Ông **Phan Như Bích**

Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

Năm sinh: 1970

Trình độ học vấn: MBA

Quá trình làm việc

10/2016 - nay	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK
11/2010	Kế toán trưởng, STK
03/2004 - 03/2010	Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu tư - Thương Mại Thành Công.
1997 - 03/2004	Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **0,007%**



Bà **Nguyễn Phương Chi**

Giám đốc Chiến lược, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin

Năm sinh: 1972

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

Quá trình làm việc

1/2015 - nay	Giám đốc Chiến lược, STK
3/2008 - 12/2014	Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.
4/2005 - 2/2008	Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.
10/2004 - 2/2005	Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông ("MPDF").
10/2002 - 10/2004	Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.
3/1997 - 3/2000	Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **0,01%**



Bà **Lê Thị Thơ**

Giám đốc Tổng quản lý

Năm sinh: 1984

Trình độ học vấn: Cử nhân

Quá trình làm việc

08/2021 - nay	Giám đốc Tổng quản lý - STK
01/2020 - 08/2021	Trợ lý Tổng giám đốc - STK
2012 - 2019	Giám Đốc Điều Hành - Công Ty TNHH Rare Dragan
2005 - 2012	Trợ lý Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Khải Vy

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **0%**

Thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2021:

Bà Lê Thị Thơ bắt đầu giữ vị trí Giám đốc tổng quản lý từ ngày 01/08/2021.



Cơ cấu nhân sự

Số lượng nhân sự năm 2021

Theo giới tính	
Nam	747
Nữ	180
Theo độ tuổi	
18-30 tuổi	529
30-50 tuổi	384
50 tuổi trở lên	14
Theo trình độ	
Cấp 2,3	377
Tốt nghiệp THPT	260
Trung cấp/ Cao Đẳng	234
Đại học trở lên	56
Theo vị trí công việc	
Quản lý	46
Nhân viên văn phòng	158
Công nhân	723
Tổng cộng lao động toàn Công ty	927

Chính sách lao động

Chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực ổn định là một trong những mục tiêu phát triển bền vững, nhất là trong bối cảnh dịch Covid diễn biến phức tạp, STK càng chú trọng vào công tác tuyển dụng và xây dựng đội ngũ kế thừa.

- > Thiết lập mục tiêu tuyển dụng đủ nguồn lao động lành nghề để sẵn sàng phục vụ cho sản xuất. Không chỉ tuyển dụng đủ số lượng lao động cần thiết để tối đa hóa công suất, Ban điều hành còn chủ trương phải tuyển dụng thừa số lượng lao động nhất định để bù đắp lượng hao hụt lao động mỗi tháng.
- > Người lao động được tuyển dụng sẽ được đào tạo đa ngành nghề để có thể linh hoạt luân chuyển ở các vị trí công việc khác nhau, tăng kỹ năng làm việc ở nhiều công đoạn sản xuất.
- > Tổ chức thi nâng bậc tay nghề cho người lao động, người lao động được nâng cao trình độ thường xuyên qua các buổi đào tạo chuyên môn để được chuyển giao công nghệ mới nhất, từ đó xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ sản xuất nông cốt.

Xây dựng văn hóa STK

Gắn kết hệ giá trị vào văn hóa tại doanh nghiệp: Phục vụ khách hàng - Liên tục cầu tiến - Đồng tâm hiệp lực - Cùng nhau phát triển. STK luôn tổ chức những buổi trao đổi hàng tuần để lan truyền văn hóa của STK đến các cán bộ chủ chốt trong Công ty. Các chủ đề xoay quanh câu chuyện thực tiễn lồng ghép các giá trị vào hoạt động của từng phòng ban.

Những thay đổi chính sách lao động trong năm 2021

Nâng cao chính sách phúc lợi cho các đối tượng người lao động

Gia tăng quỹ thưởng theo kết quả kinh doanh cho CBCNV

Chính sách tuyển dụng đặt mục tiêu tuyển đủ và dự phòng 1 số lượng người lao động

PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC

- > Công ty không sử dụng lao động bán thời gian và lao động tạm thời.
- > Công ty cam kết tất cả lao động làm việc ở Công ty đều được hưởng chính sách phúc lợi theo đúng quy định của Công ty.
- > Giờ làm việc tại Công ty được đảm bảo là 08 giờ/ ngày, 06 ngày/ tuần, khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7.
- > Do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca
- > Trong một số thời điểm, do yêu cầu đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thực hiện đơn hàng theo hợp đồng hoặc những yêu cầu phát sinh đột xuất khác thì việc làm thêm được thực hiện và đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) trên cơ sở tự nguyện của người lao động; (2) không thường xuyên và không vượt quá 12 giờ/tuần; (3) Tổng thời gian không vượt quá 200 giờ/năm; (4) Tiền lương trong thời gian làm thêm sẽ được trả cao hơn so với thời gian làm chính thức và đảm bảo theo đúng luật định.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

- > Hỗ trợ nhà trọ miễn phí cho CB-CNV, ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên.
- > Đãi thọ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ...và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...
- > Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp.
- > Tại STK, tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn công ty.
- > Du lịch và nghỉ mát định kỳ cho tất cả CBCNV.

CHÍNH SÁCH VỀ THƯỞNG

- > Theo quy chế thưởng, Công ty có các loại tiền thưởng như sau:
 - > Thưởng tác nghiệp viên;
 - > Thưởng chấp hành nội quy;
 - > Thưởng hoàn thành nhiệm vụ;
 - > Thưởng bậc tay nghề;
 - > Thưởng theo doanh số bán hàng;
 - > Thưởng hiệu quả mua hàng;
 - > Thưởng cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng;
 - > Thưởng các ngày Lễ;
- > Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CB-CNV:
 - > Thưởng Tết;
 - > Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty trong năm;

CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM

- > Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là **100%**.
- > Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG CƠ BẢN

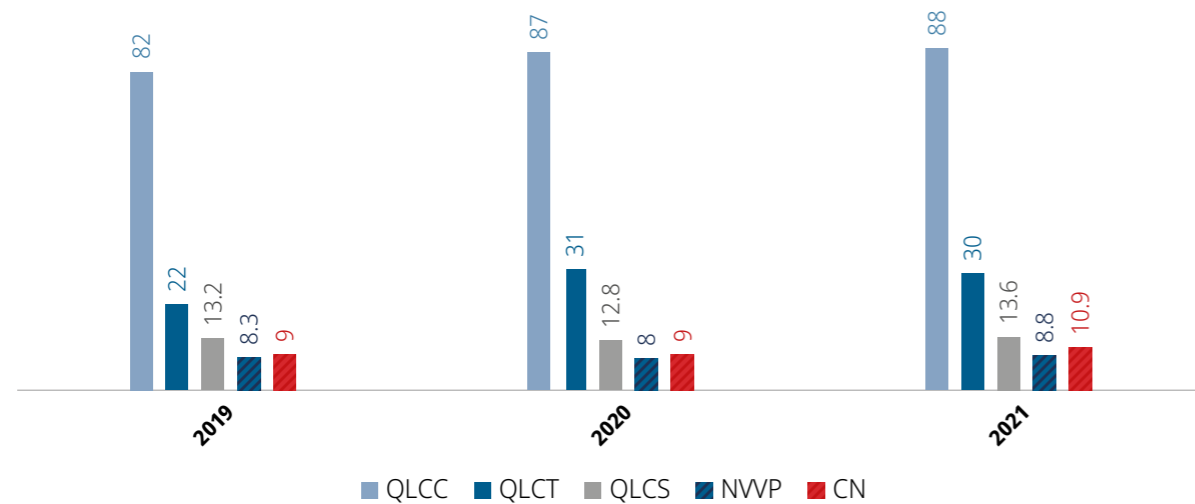
- > Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.
- > Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.
- > Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.
- > Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

LƯƠNG THỰC LÃNH

- > Khối văn phòng: Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.
- > Khối sản xuất: Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.



Thu nhập bình quân của người lao động tại STK (triệu đồng/người/tháng)



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ, bộ phận Nhân sự¹

> Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của khối sản xuất tại doanh nghiệp trong 2021 tăng trưởng bình quân 22,5% so với năm 2020, chủ yếu do chính sách tăng lương thưởng của ban lãnh đạo Công ty dành cho người lao động đặc biệt là khối trực tiếp sản xuất.

	Khu vực TP.HCM (VND)	Khu vực Tây Ninh (VND)
Lương tối thiểu vùng ²	4.420.000 đồng/tháng	3.920.000 đồng/tháng
Mức lương thấp nhất tại STK	6.182.000 đồng/tháng	6.148.000 đồng/tháng

> Mặc dù trong năm 2021, trước sự diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả lương thưởng đúng hạn cho người lao động, nhằm giúp người lao động yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống.

¹ QLCC: quản lý cấp cao; QLCT: quản lý cấp trung; QLCS: quản lý cấp cơ sở; NVWP: nhân viên văn phòng; CN: công nhân

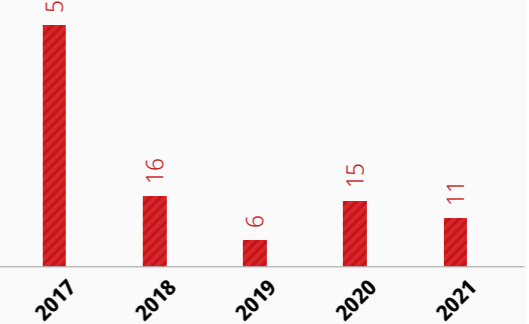
² Theo khảo sát của Công ty

CHÍNH SÁCH ĐỀ BẠT-THĂNG TIẾN

> Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách đề bạt, bổ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.

> Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cung cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.

Số lượng nhân viên được đề bạt



Trong năm 2021 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là 11 người với nam và 2 nữ.

AN TOÀN & SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

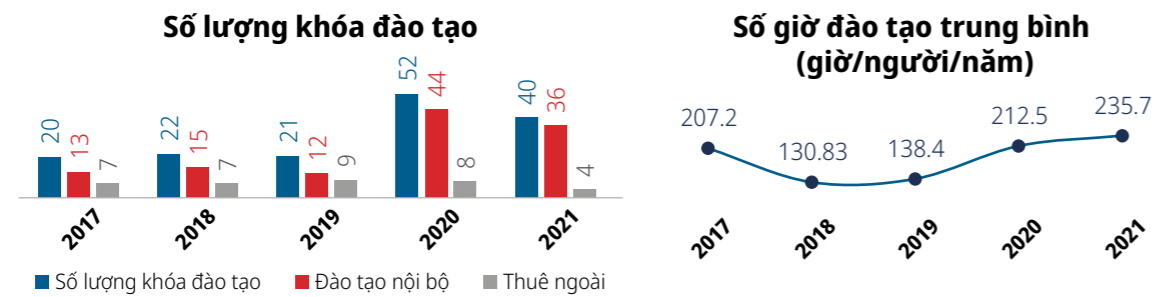
Trong 2021, nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động làm việc trong Công ty và ngăn ngừa lây nhiễm dịch bệnh Covid-19 trong cộng đồng, Công ty đã áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt tại nhà máy để đảm bảo an toàn cho toàn thể CBCNV:

- > Tham gia mô hình 3 tại chỗ tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng trong giai đoạn giãn cách xã hội;
- > Yêu cầu 100% người lao động luôn đeo khẩu trang và sử dụng nước rửa tay sát khuẩn;
- > Kiểm tra thân nhiệt 3 lần ngày cho toàn thể CBCNV khi vào công ty làm việc;
- > Khai báo y tế và dùng ứng dụng Bluezone để kịp thời phát hiện nguy cơ truyền nhiễm;
- > Giãn cách và phân cách vách ngăn không gian chỗ ngồi làm việc và tại nhà ăn Công ty;
- > Luôn phiên thời gian nghỉ trưa và ăn cơm cho toàn thể CBCNV, hạn chế tụ tập;
- > Nghỉ luân phiên để giảm nguy cơ tiếp xúc và truyền nhiễm;
- > Phun khử trùng và sát khuẩn thường xuyên tại Công ty;
- > Thực hiện họp trực tuyến để giảm nguy cơ tụ tập;
- > Hỗ trợ người lao động xét nghiệm Covid-19 và tiêm vắc-xin phòng chống dịch Covid-19 nhanh chóng.

Trong năm 2021, không xảy ra trường hợp tai nạn lao động.

CÔNG TÁC TẬP HUẤN-ĐÀO TẠO

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau:



	2017	2018	2019	2020	2021
Ngân sách dành cho đào tạo (triệu đồng)	175.0	184.9	205,8	133,9	183,4
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng)	158.4	51.4	43,4	17,5	24,2
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	87%	28%	21%	13%	13%
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	222,34	130,83	138,4	206,33	235,07

Các chương trình nâng cao kỹ năng cho người lao động

Tên khóa đào tạo

Đào tạo tay nghề người mới khối sản xuất

Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn lao động

Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn hóa chất

Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn phòng chống cháy nổ

Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S, Tôn trọng sản phẩm

Chính sách xã hội

Huấn luyện PCCC

Huấn luyện Sơ cấp cứu

Đào tạo về An toàn hóa chất

Đào tạo nâng cao, đa tay nghề

Về tổ chức Khóa học chuyên sâu

"Quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) – Kiến thức cơ bản và nâng cao"

Khóa học kế toán cấp tốc

CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh, Công ty vẫn duy trì mức đóng góp cho nền kinh tế địa phương và xã hội. Trong năm 2021, Công ty đã nâng cao mức chi thưởng cho người lao động địa phương tăng 5,18% so với 2020, góp phần nâng cao mức sống của người dân địa phương. Ngoài ra, những đóng góp gián tiếp của STK cho nền kinh tế địa phương và xã hội còn thể hiện qua ngân sách nộp thuế và giá trị giao dịch với nhà cung ứng nội địa, lần lượt tăng 70,16% và 50,16% so với năm 2020.

Khoản mục (tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động	117,7	107,7	107,5	113,2
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1.855	1.484	953,5	1.321
+ Giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa	237,6	197,4	93,2	140,1
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế tài nguyên và các loại thuế khác...)	125,4	167,8	68,5	116,6

Chống tham nhũng - hối lộ

Ban điều hành Công ty luôn chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc. Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



Lợi nhuận vẫn được đảm bảo so với Dự báo kết quả kinh doanh năm 2021 (vượt 12%) và tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm 2020 (tăng 93%). Tỷ trọng Sợi tái chế trên Doanh thu năm 2021 đạt mục tiêu kế hoạch, 50%.

ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Nhờ việc không ngừng tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng như Sợi tái chế, Sợi tái chế Dope Dyed, Công ty đã thu hút được khách hàng cho mảng sợi này và tỷ trọng sợi tái chế trên tổng doanh thu tiếp tục tăng và đạt được kế hoạch đặt ra. Chính vì thế lợi nhuận vẫn được đảm bảo so với Dự báo kết quả kinh doanh năm 2021 (vượt 12%) và tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm 2020 (tăng 93%), bất chấp những khó khăn trong dịch bệnh.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	So sánh với thực hiện năm 2020	% đạt Dự báo KQKD năm 2021
Doanh thu thuần	2.042,4	15,7%	86,6%
Lợi nhuận trước thuế	285,7	73,7%	100,0%
Lợi nhuận sau thuế	278,5	92,9%	112,2%

THÀNH TỰU

- Kết quả kinh doanh năm 2021 nhìn chung tăng trưởng tốt so với năm 2020: Doanh thu thuần tăng 15,7%, Lợi nhuận trước thuế tăng 73,7%, Lợi nhuận sau thuế tăng 92,9% so với cùng kỳ năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế và sau thuế vượt Dự báo KQKD năm 2021 lần lượt là 100% và 112,2%.
- Tỷ trọng Sợi tái chế trên Doanh thu năm 2021 đạt mục tiêu kế hoạch, 50%.
- Tình hình tài chính ổn định, tỷ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu khá thấp.
- Hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2021 bằng lượng sản xuất trong 1 tháng.
- Công ty nỗ lực tìm kiếm các nhà cung ứng vận chuyển để đảm bảo sự ổn định của chuỗi cung ứng như giao hàng đúng thời gian cho khách hàng và bổ sung NVL kịp thời để không làm gián đoạn sản xuất.

ĐIỂM CHƯA ĐẠT ĐƯỢC

- × Doanh thu bán hàng chưa đạt Dự báo năm 2021, chỉ đạt 87%, nguyên nhân chủ yếu là do trong Q3-2021 khi Công ty thực hiện 3 tại chỗ nhằm chống dịch Covid-19 một phần công nhân do hoàn cảnh gia đình không tham gia sản xuất, sau khi bãi bỏ 3 tại chỗ, các công nhân trở về nhà và bị lây nhiễm bệnh từ người thân nên số người nghỉ ốm tạm thời tăng cao trong nửa cuối tháng 11 và tháng 12/2021. Do đó Công ty phải giảm công suất sản xuất tạm thời vào Quý 3-2021 và tháng 12.2021
- × Chất lượng sản xuất của Nhà máy chưa đồng đều, cần cải thiện chất lượng Nhà máy DTY và FDY.

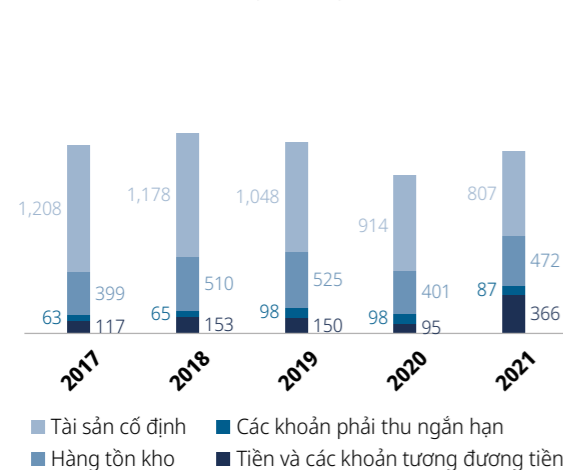
CƠ CẤU TÀI SẢN - NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

Đơn vị: tỷ đồng	Tỷ trọng năm 2021	2021	2020	+/-
Tài sản ngắn hạn	50,0%	986,23	633,37	55,7%
Tài sản dài hạn	50,0%	984,91	1.070,02	-8,0%
TỔNG TÀI SẢN	100%	1.971,14	1.703,39	15,7%
Nợ phải trả	36,1%	712,15	620,60	14,8%
Nợ ngắn hạn	36,1%	711,87	568,58	25,2%
Nợ dài hạn	0,0%	0,28	52,01	-99,5%
Vốn chủ sở hữu	63,9%	1.258,99	1.082,79	16,3%
TỔNG NGUỒN VỐN	100,0%	1.971,14	1.703,39	15,7%

TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN HỢP NHẤT

Tổng tài sản năm 2021 giảm 15,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong năm 2021, Công ty không ghi nhận tăng thêm tài sản cố định.

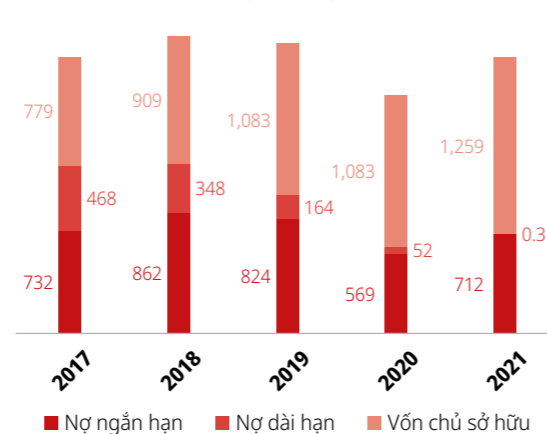
Tình hình tăng trưởng tài sản (tỷ đồng)



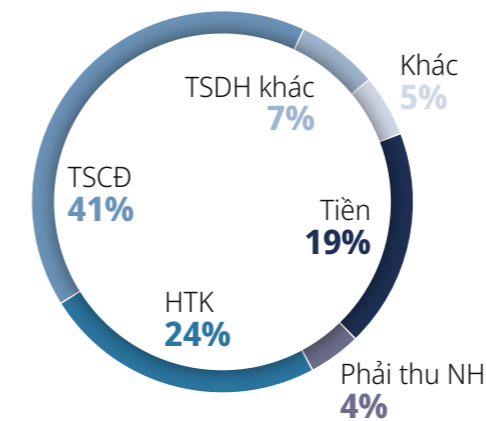
TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

Nợ dài hạn năm 2021 giảm đáng kể 99,5% so với cùng kỳ. Công ty đã chủ động trả trước nợ dài hạn để hạn chế rủi ro tài chính.

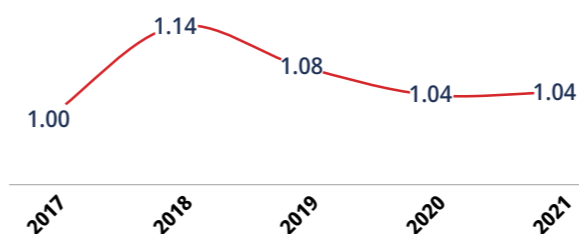
Tình hình tăng trưởng nguồn vốn (tỷ đồng)



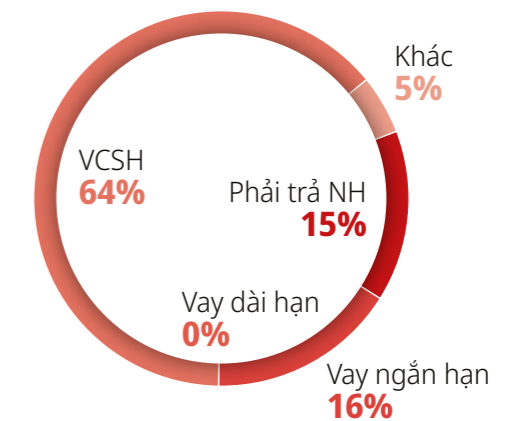
Cơ cấu tài sản năm 2021



Hiệu suất sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)



Cơ cấu nguồn vốn năm 2021



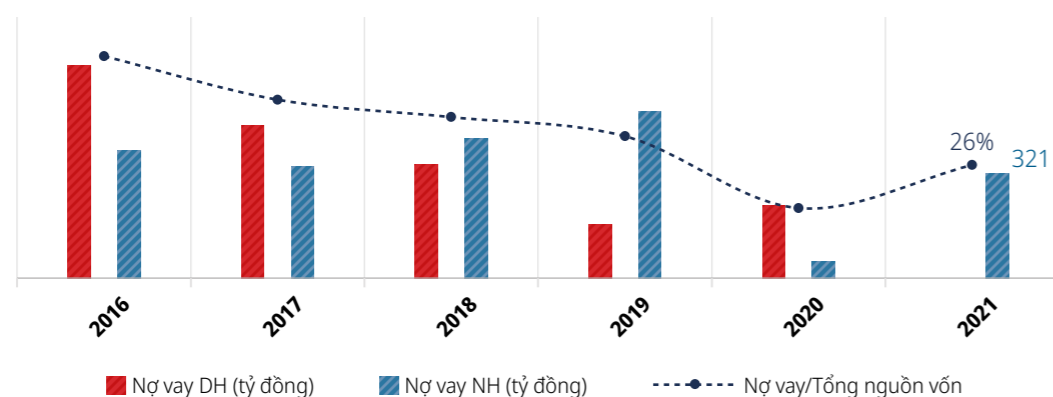
Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2021 đạt 1,04 lần, chỉ số này lớn hơn 1 chứng tỏ Công ty sử dụng tài sản hiệu quả để tạo ra doanh thu.

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm: Không có.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VAY NỢ

Tỷ trọng nợ vay (hợp nhất) trên tổng nguồn vốn



Năm 2021, tổng nợ vay tài chính của Công ty chiếm 26% trong tổng nguồn vốn. Công ty chủ động trả các khoản nợ dài hạn để giảm chi phí tài chính, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

Đơn vị: tỷ đồng	2021	2020	+/-
Nợ vay ngắn hạn	321,3	222,6	44%
Nợ vay dài hạn	0	51,7	44%
Tổng nợ vay	321,3	274,2	17%

Trong năm 2021, Công ty không ghi nhận khoản nợ phải trả quá hạn.

ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG TỪ BIẾN ĐỘNG CỦA LÃI VAY VÀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

So sánh chỉ tiêu doanh thu tài chính và chi phí tài chính năm 2021 với cùng kỳ

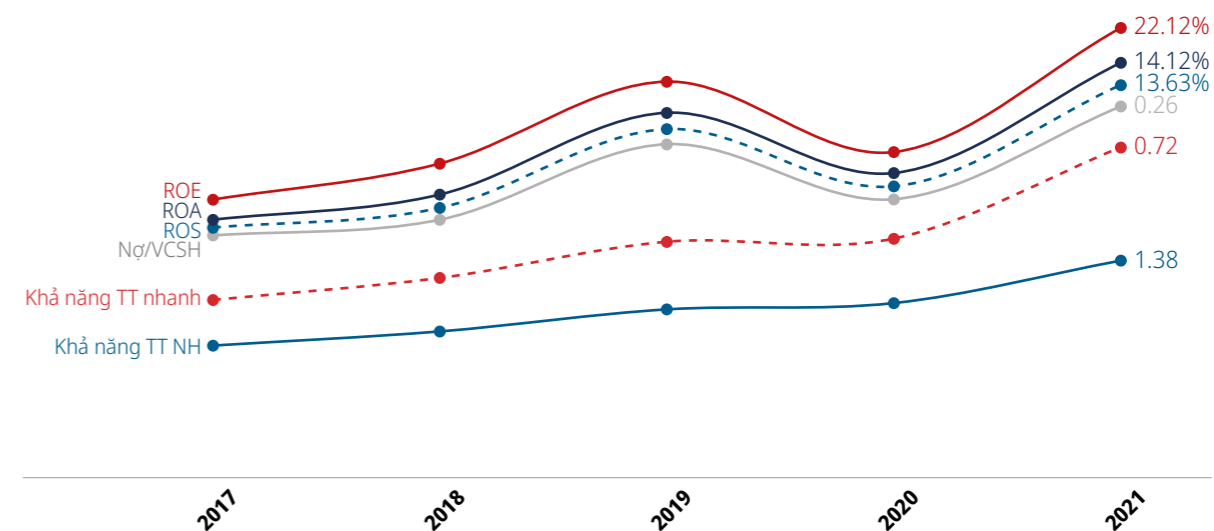
Đơn vị: tỷ đồng	2021	2020	+/-
Doanh thu tài chính	18	11,4	57,9%
Nợ vay dài hạn	15,5	4,3	260,5%
Tổng nợ vay	2,5	7,2	-65,3%
Chi phí tài chính	8,7	21,6	-59,7%
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,4	5,2	-34,6%
Chi phí lãi vay	5,3	16,4	-67,7%

Tỷ giá VND/USD chốt ngày 31/12/2021 là 22.640 đồng, giảm 1,6% so với tỷ giá chốt ngày 31/12/2020 là 23.010 đồng.

Sau khi chuyển nhượng cổ phần của STK tại Công ty cổ phần E.DYE Việt Nam, Công ty ghi nhận lãi thu được thêm 792,6 triệu đồng ngoài khoản vốn góp đã góp tại E.DYE Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu tài chính cơ bản



Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty năm 2021 đều cải thiện tốt hơn so với năm 2020.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Tự động hóa hệ thống quản lý sản xuất và các hoạt động hỗ trợ

Dựa trên nền tảng SAP đã thiết lập từ những ngày đầu thành lập, Sợi Thế Kỷ đã phát triển thêm các chức năng quản lý kho và hoạch định kế hoạch sản xuất hiệu quả. Từ đó, công suất sản xuất sẽ được khai thác 1 cách triệt để, giảm được chi phí vận hành nhà máy.

- > Hệ thống điều khiển trung tâm POC (Plant Operation Center) đã được xây dựng và áp dụng thành công vào nhà máy sản xuất bán thành phẩm (POY), có tác dụng thống kê, phân tích nguyên nhân lỗi và lưu trữ dữ liệu sản xuất tại từng vị trí sản xuất, từ đó xác định điều kiện sản xuất tối ưu cho từng loại sản phẩm, tạo thành tài nguyên nhằm đào tạo và huấn luyện rộng rãi cho tất cả tác nghiệp viên ở các trình độ khác nhau, giảm bớt sự phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân.
- > Phần mềm lập kế hoạch sản xuất giúp tối ưu hóa quá trình sắp xếp lịch sản xuất bằng cách sắp xếp tự động đơn hàng tối ưu theo từng máy sản xuất, quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, mục tiêu đáp ứng kịp thời nhu cầu đơn hàng, cảnh báo các rủi ro về thiếu nguyên vật liệu hoặc bán thành phẩm ngay khi đưa đơn hàng mới vào, qua đó có thể xử lý nhanh chóng, kịp thời các vấn đề này, không gây ảnh hưởng đến đơn hàng. Ngoài qua phần mềm kế hoạch còn cung cấp thời gian thực tình trạng sản xuất của đơn hàng, các bộ phận có thể kiểm tra và có giải pháp can thiệp khi cần thiết để đảm bảo sản lượng và hiệu quả sản xuất theo đơn hàng.
- > Bộ phận Cung ứng đang áp dụng phần mềm quản lý và nhập xuất hàng theo quy trình chuẩn trên các thiết bị cầm tay giúp việc kiểm soát lưu lượng hàng hóa hằng ngày một cách dễ dàng và nhanh chóng, hạn chế thấp nhất rủi ro sai lệch so với thực tế thông qua các báo cáo hằng ngày, số liệu có thể truy xuất nhanh chóng và chính xác theo thời gian thực.
- > Công ty đã triển khai phần mềm nhân sự quản lý việc chấm công, tính toán thu nhập một cách tự động. Phần mềm sẽ thu thập dữ liệu, tính toán và đưa ra kết quả theo từng ngày giúp bộ phận nhân sự bám sát tình trạng nhân sự toàn công ty.
- > Ngoài ra, Công ty còn áp dụng phần mềm thống kê suất ăn tại các nhà máy giúp kiểm soát suất ăn cho người lao động, nâng cao nhận thức cho người lao động, hạn chế lãng phí cho Công ty và xã hội.

Xây dựng chuỗi giá trị khép kín và giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Với mục tiêu trở thành nhà cung ứng được ưu tiên lựa chọn hàng đầu của các nhãn hàng thời trang lớn, Sợi Thế Kỷ đã xây dựng nền tảng để hoàn thiện chuỗi giá trị theo hướng khép kín, có giá trị gia tăng cao và giảm khí thải nhà kính CO₂ trong năm 2021.

- > Tỷ lệ sản phẩm Sợi tái chế trên Doanh thu đạt 50%, tăng so với tỷ lệ năm 2020 là 44%, giúp giảm lượng tiêu thụ Sợi nguyên sinh có nguồn gốc từ năng lượng hóa thạch (dầu thô và khí).
- > Lắp đặt và vận hành Hệ thống điện mặt trời áp mái vào Quý 2 năm 2021, giúp giảm lượng điện tiêu thụ 10%, tương đương với khoảng 16.000 tấn CO₂ trên năm.
- > Phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường khác như Sợi Dope Dyed, cắt giảm công đoạn nhuộm, giảm chất thải ra môi trường đất và nước.
- > Tái chế sợi phế phẩm thành hạt nhựa để tái đưa vào quá trình sản xuất. Trong năm 2021, tỷ lệ tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa đạt 96% trên tổng khối lượng sợi thứ cấp được tạo ra.

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Phát triển Dự án mở rộng công suất tại Công ty Con để tạo tiền đề tăng sản lượng bán hàng và Doanh thu cho Công ty;
- Tập trung phát triển và nâng cao trình độ cho đội ngũ sản xuất.

Ngắn hạn

Trung
và dài hạn

- Đưa Dự án mở rộng công suất vào hoạt động, chiếm thị phần nội địa, tận dụng lợi thế cạnh tranh có được từ thuế CBPG đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ...
- Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2022

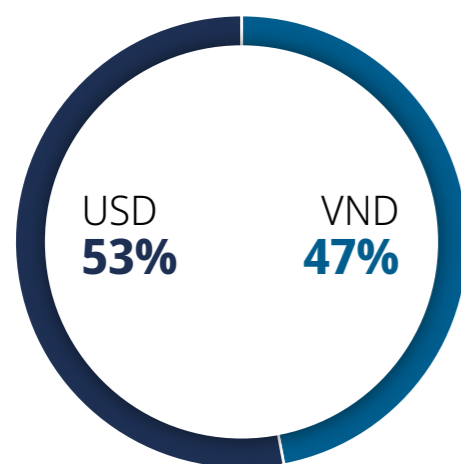
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Dự báo 2022	Thực hiện 2021	Dự báo 2022 so với Thực hiện 2021
Doanh thu thuần	2.605,73	2.042,39	127,6%
Lợi nhuận sau thuế	300,27	278,5	107,8%

Ước tính kết quả kinh doanh năm 2022 có thể được điều chỉnh theo sự phê duyệt và thông qua của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

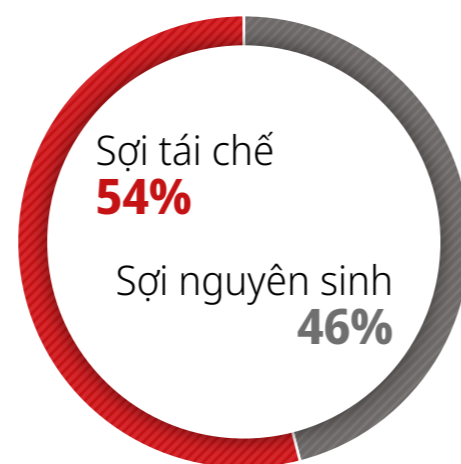
Một số giả định cho dự báo kết quả kinh doanh năm 2022

- > Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu dự kiến đạt được khoảng 54% trong năm 2022;
- > Đơn giá bán bình quân tăng 11% so với thực hiện năm 2021 (do chủ yếu là do tăng tỷ trọng sợi tái chế trong tổng doanh thu và đơn giá bán bình quân của sợi nguyên sinh và tái chế dự kiến tăng tương ứng 11% và 6% so với năm 2021);
- > Chênh lệch giữa giá bán và giá hạt nhựa bình quân dự kiến sẽ tăng 4% so với thực hiện năm 2021;
- > Chi phí bán hàng dự kiến tăng 60% do dự kiến chi phí vận chuyển nước ngoài sẽ tăng;
- > Tỷ giá hối đoái tại ngày chốt 31/12/2022 dự kiến tăng 1% so với tỷ giá tại ngày chốt 31/12/2021;
- > Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân dự kiến khoảng 11,7%.

Doanh thu thuần dự kiến năm 2022 theo loại tiền tệ




Doanh thu thuần dự kiến năm 2022 theo sản phẩm




Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Công ty Kiểm toán E&Y không có ý kiến không chấp thuận đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2021.





BÁO CÁO **TÁC ĐỘNG ĐẾN** **MÔI TRƯỜNG -** **XÃ HỘI**



Chiến lược phát triển bền vững	106
Đánh giá của Ban điều hành về các vấn đề môi trường-lao động-xã hội	110
Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường	112
Báo cáo tác động đến môi trường	113
Thị trường vốn xanh	122

Chiến lược phát triển bền vững

Thực hiện gắn kết chặt chẽ các mục tiêu phát triển kinh tế, môi trường và xã hội vào định hướng phát triển bền vững tại Công ty và luôn bám sát thực hiện các mục tiêu đã đề ra. STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động tại Công ty, xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2022-2025 của doanh nghiệp, cụ thể:

MỘT CUỘC SỐNG TỐT HƠN

- > Tạo ra thêm công ăn việc làm.
- > Tăng thu nhập cho người lao động.
- > Đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế địa phương.
- > Xây dựng môi trường làm việc an toàn.
- > Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.
- > Cam kết chính sách bình đẳng trong việc sử dụng người lao động
- > Duy trì công bằng và đối xử bình đẳng giữa nam và nữ.
- > Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu,
- > Tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế.
- > Tái sử dụng, tái chế nguyên vật liệu.
- > Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật.



MỘT MÔI TRƯỜNG TỐT HƠN

- > Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả
- > Không sử dụng hóa chất độc hại.
- > Tái sử dụng nước tuần hoàn trong sản xuất.
- > Phát triển sản phẩm sợi màu, giúp ngành dệt nhuộm hạn chế sử dụng nước sạch và thải hóa chất độc hại.
- > Sử dụng năng lượng hợp lý.
- > Tiết kiệm năng lượng.
- > Sử dụng năng lượng mặt trời.
- > Sáng kiến tiết kiệm điện.
- > Hạn chế phát thải.



SỰ PHÁT TRIỂN TỐT HƠN

- > Tạo môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho người lao động, công bằng và không phân biệt đối xử cho người lao động.
- > Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật.
- > Hợp tác với các đối tác chiến lược để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn.



Trên cơ sở đó, STK đã xây dựng chiến lược phát triển bền vững trung-dài hạn và ngắn hạn.

- > Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex, Liên minh dệt nhuộm) nhằm đạt lợi thế về qui mô.
- > Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu.
- > Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu.
- > Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 50% năm 2021 lên 100% vào năm 2025.
- > Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy.
- > Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất và giảm phế phẩm.
- > Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG - DÀI HẠN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN

- > Thực hiện triển khai xây dựng dự án Untiex và Liên minh dệt nhuộm, tối ưu hóa năng lực sản xuất.
- > Nâng cao công suất hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi.
- > Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- > Nâng tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2022 đạt 54,3% trên tổng doanh thu của Công ty.
- > Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD...
- > Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường.
- > Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.
- > Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

Đánh giá của Ban điều hành về các vấn đề môi trường- lao động-xã hội

Nhờ vào việc không ngừng tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng như mảng Sợi tái chế, Công ty đã thu hút được khách hàng cho mảng sợi này và tỷ trọng Sợi tái chế trên tổng doanh thu tiếp tục tăng và nhờ vậy lợi nhuận được đảm bảo bất chấp khó khăn trong dịch bệnh.

Công ty đã kiên định thực hiện các biện pháp tiết giảm tiêu hao, nâng cao hiệu quả hoạt động nên khi Doanh thu giảm trong Quý 3-2021 nhưng với mức chi phí hoạt động được kiểm soát tốt, Công ty vẫn duy trì tăng trưởng lợi nhuận.

Với các chính sách lao động, nhân sự tốt, hấp dẫn người lao động nên Công ty vẫn duy trì được đủ lao động trong giai đoạn 3 tại chỗ và tỷ lệ nhân sự quay lại làm việc đạt mức cao sau khi mở cửa lại toàn diện.

MÔI TRƯỜNG

- > Phát triển sản phẩm sợi thân thiện với môi trường: tỷ trọng sợi tái chế đã tăng trưởng vượt bậc chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu, đạt mục tiêu đã đề ra cho năm 2021, tăng 30% so với 2020 (tỷ trọng sợi tái chế trong doanh thu năm 2020 đạt 44%).
- > Dự án năng lượng mặt trời giúp giảm 10% lượng carbon footprint hàng năm và giảm 530 nghìn tấn CO₂ cho suốt vòng đời dự án;
- > Tái chế sợi phế phẩm thành hạt PET chip đầu vào, giúp giảm lượng hạt PET chip từ sản phẩm của dầu thô và khí, từ đó góp phần làm giảm phát thải ra môi trường, tỷ lệ được tái sử dụng vào quá trình sản xuất 96% (tính trên tổng sợi phế phẩm phát sinh trong năm 2021).
- > Phát triển và thương mại hóa sợi màu dope dye, giúp giảm lượng nước sạch tiêu thụ và bảo vệ môi trường;
- > Trong năm 2021, tỷ lệ tái sử dụng ống giấy là 3,6 lần.
- > Chỉ số cacbon footprint về dầu Diesel đã hoàn toàn không còn phát sinh từ năm 2020;
- > Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế từ năm 2017 đến hết 2021, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng 3,04 tỷ chai nhựa PET đã qua sử dụng nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.
- > Không xảy ra trường hợp vi phạm về môi trường.



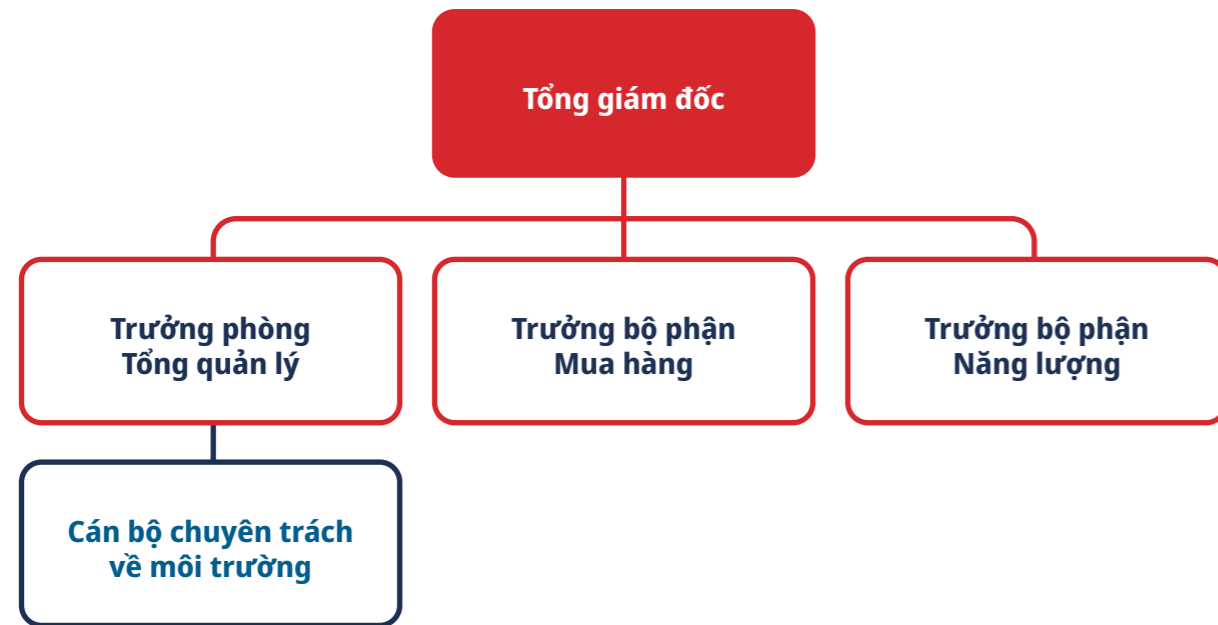
LAO ĐỘNG

- > Thu nhập của người lao động năm 2021 tăng bình quân 5% so với 2020;
- > Có chính sách phúc lợi nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn;
- > Thưởng hơn 2,5 tháng lương cho người lao động vào dịp tết nguyên đán;
- > Định kỳ áp dụng chính sách đánh giá bậc tay nghề để đề bạt và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động;
- > Công ty đã tiếp tục cải thiện cơ chế khiếu nại và phản hồi dựa trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty;
- > Định kỳ thực hiện việc kiểm định và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- > Đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên khi đang làm việc tại Công ty.
- > Không xảy ra trường hợp tai nạn lao động.

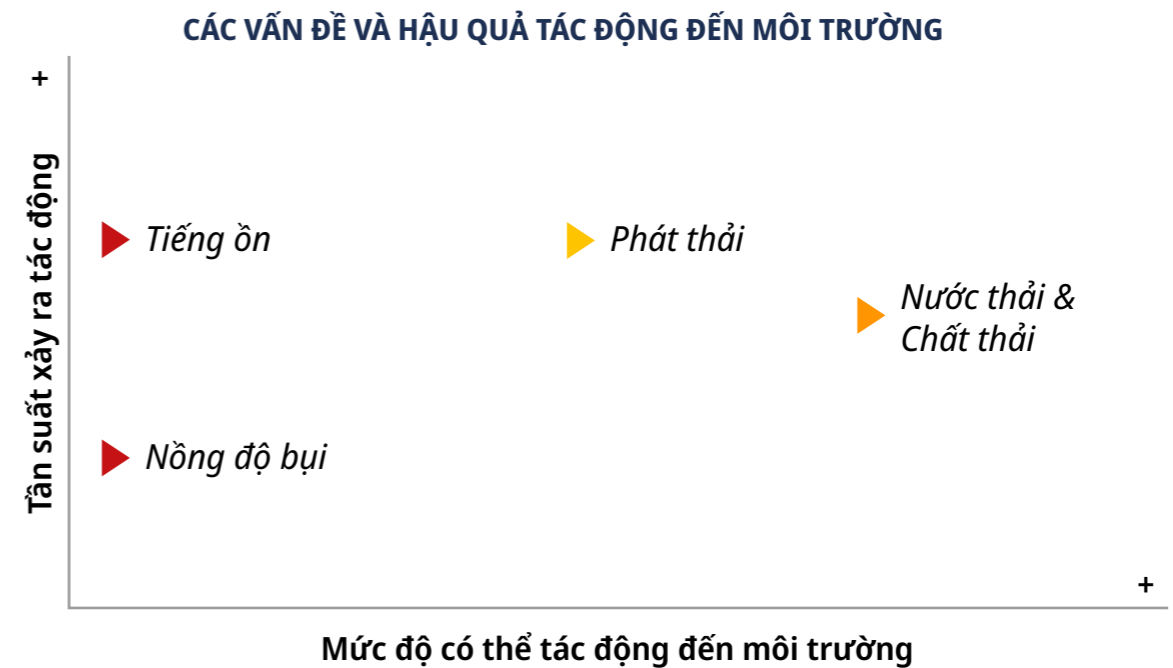
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- > Tổng giá trị đóng góp ngân sách năm 2021 đạt 116,6 tỷ đồng.
- > Tuân thủ quy định của khu công nghiệp, pháp luật về thuế, các quy định về hoạt động xuất nhập khẩu, quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán...
- > Trực tiếp và gián tiếp tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương, thông qua hoạt động tuyển dụng của Công ty.

Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường

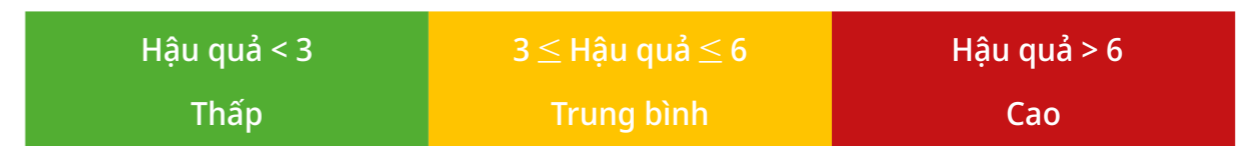


Báo cáo tác động đến môi trường



Vấn đề	Tần suất xảy ra	Mức độ có thể tác động	Hậu quả có thể tác động môi trường (*)	Biện pháp quản lý chung	Biện pháp quản lý cụ thể	Kết quả đo lường
Nồng độ bụi	1 điểm	1 điểm	Thấp (1 điểm)	Thành lập chỉ tiêu - định mức cho từng đơn vị liên quan; có trách nhiệm báo cáo hàng tuần, tháng, quý, bán niên và năm cho Tổng giám đốc điều hành (người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc thực hiện các chính sách về môi trường).	Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ	Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic
Tiếng ồn	3 điểm	1 điểm	Trung bình (3 điểm)		Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ, trang bị nút chống ồn, đóng kín cửa ra vào nhà máy; khám sức khỏe cho người lao động	Không xảy ra bệnh do tiếng ồn gây ra; Tiếng ồn vẫn có do đặc thù ngành nghề
Phát thải khí nhà kính	3 điểm	2 điểm	Trung bình (6 điểm)		Tiết giảm sử dụng dầu DO, có biện pháp tiết kiệm lượng điện tiêu thụ	Đo lường lượng carbon footprint gián tiếp
Nước thải & Chất thải	2 điểm	3 điểm	Trung bình (6 điểm)		Kiểm tra hàng ngày hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; phân loại và thu gom chất thải theo quy định	Không xảy ra vi phạm

(*) Chú thích



VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Phân loại vật liệu	Chủng loại Nguyên vật liệu	Nguồn gốc
Vật liệu không thể tái tạo	Polyester Chip	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...
	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
	Polyester Chip tái chế	Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan
Vật liệu có thể tái tạo	Ống giấy (tấn)	Việt Nam, Đài Loan
	Thùng Carton	Việt Nam

Sáng kiến bảo vệ môi trường năm 2021	Kết quả đạt được
> Gia tăng sản lượng hạt nhựa tái chế đã góp phần giảm lượng hạt nhựa nguyên sinh sử dụng, đồng thời giảm thiểu rác thải (chai nhựa qua sử dụng) cho Trái Đất.	> Số chai nhựa đã qua sử dụng đã gián tiếp tái chế là 3,04 tỷ chai tính đến hết năm 2021.
> Tái chế sợi phế thải thành hạt nhựa được tái sử dụng trong quá trình sản xuất.	> Tỷ lệ tái sử dụng là 6,85%.
> Thu hồi và tái sử dụng ống giấy POY	> Số lần tái sử dụng ống giấy: 3,6 lần, nâng tỷ lệ tái sử dụng toàn Công ty cho tất cả các loại ống giấy (bao gồm POY, DTY và FDY) là 22%.

Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế từ quá trình sản xuất (của Công ty) được sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ sợi thứ cấp (kg)}}{\text{Tổng khối lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = \mathbf{6,85\%}$$

2019	2020	2021
1,6%	2,55%	6,85%

Tỷ lệ sợi phế phẩm tạo ra năm 2021 của toàn Công ty là 1,57%. Trong năm 2021, Công ty tích cực tái chế hạt nhựa từ sợi thứ cấp của các năm trước, do đó tỷ lệ tái chế hạt nhựa từ sợi phế phẩm năm 2021 cao hơn, đạt 6,85%.

Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế (từ bên ngoài) được sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ chai nhựa qua sử dụng}}{\text{Tổng số lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = \mathbf{42,7\%}$$

2019	2020	2021
33%	35%	42,7%

> Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3,6 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

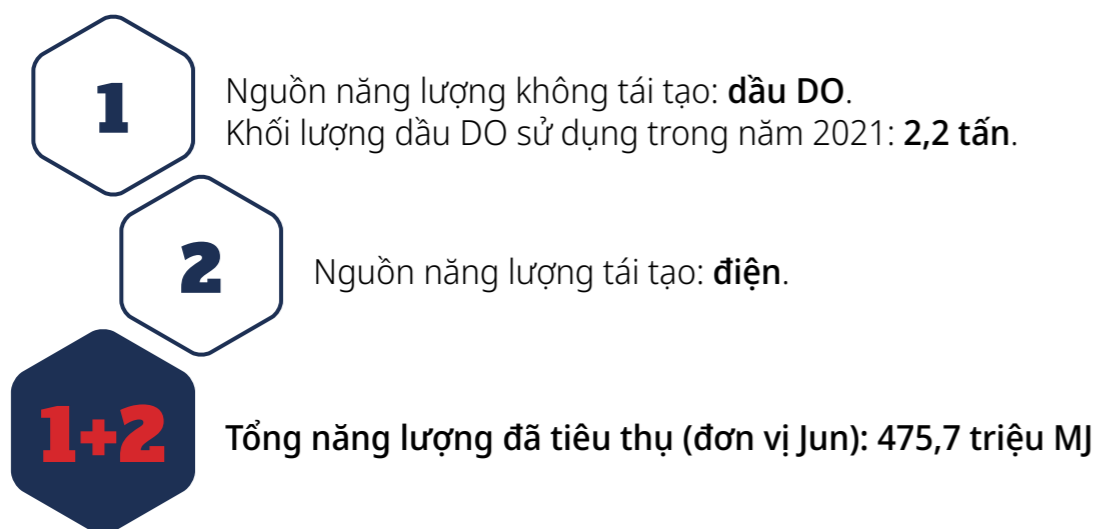
> Trong năm 2021, số lượng ống giấy POY sử dụng là 736.422 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,6 lần; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2021 là:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\ &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\ &= \frac{736.422 \times 3,6}{736.422 \times 3,6 + 9.197.913} = \mathbf{22\%} \end{aligned}$$

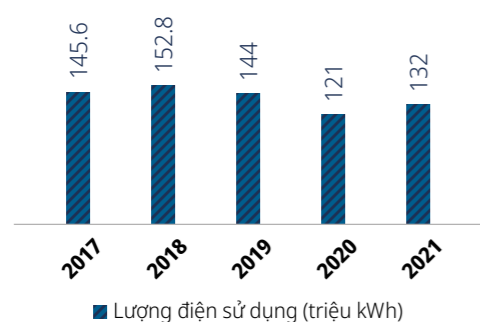
2019	2020	2021
23%	21%	22%

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ

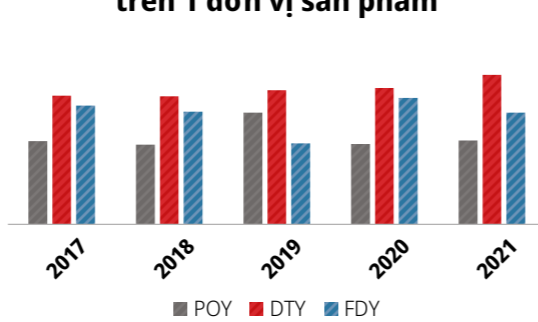
Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:



Tình hình tiêu thụ điện năm 2021



Lượng điện tiêu hao trên 1 đơn vị sản phẩm

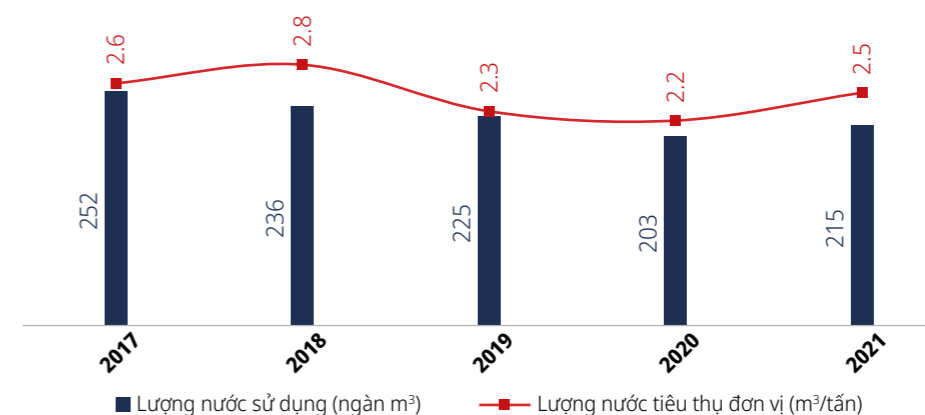


Lượng điện tiêu hao trên 1 đơn vị sản phẩm năm 2021 tăng nhẹ so với năm 2020 do Công ty chủ động chuyển đổi sản xuất các loại sợi có giá trị gia tăng cao như sợi recycle và sợi màu.

Giải pháp	Hiệu quả
Tại nhà máy Củ Chi: > Thực hiện gắn biến tần cho hệ thống bơm phun sương AC 1,2,3, bơm nước lạnh máy lạnh York. > Gắn biến tần cho quạt thổi AC5.	> Thực hiện tiết kiệm được 38kw/h. > Thực hiện tiết kiệm được 6kw/h.
Tại nhà máy Trảng Bàng: > Gắn inverter phun sương AC 4,5 TB1,2.	> Tiết kiệm 15kw/h
Tại nhà máy Trảng Bàng: > Gắn inverter phun bơm giải nhiệt máy lạnh DTY TB1,2	> Tiết kiệm 18kw/h

NƯỚC TIÊU THỤ

Nguồn nước được sử dụng tại Công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp (KCN).



Các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước đã thực hiện năm 2021

Giải pháp	Hiệu quả
Tại nhà máy Củ Chi: Duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ AC 1, 2, 4, 5.	Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 2.700 m³ nước tương đương 27,7 triệu VND/năm.
Tại nhà máy Trảng Bàng: Duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ AC 4,5	Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 2.300 m³/năm tương đương 16 triệu VND/năm.

Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} = \frac{5.017}{215.059} \times 100 = 2,3\%$$

2019	2020	2021
1,2%	1,2%	2,3%

PHÁT THẢI

- > Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.
- > Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.
- > Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- > Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:
 - Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.
 - Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.
 - Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải

SCOPE 2 GIÁN TIẾP

Khí thải nhà kính phát sinh từ điện do công ty mua

SCOPE 3 GIÁN TIẾP

Phát thải khí nhà kính từ các nguồn không do công ty sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp nhưng có liên quan đến hoạt động của công ty

SCOPE 1 TRỰC TIẾP

Khí thải nhà kính từ các nguồn được sở hữu hoặc được kiểm soát bởi công ty

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi Polyester Filament từ hạt nhựa PET, nhà máy của Công ty chỉ sử dụng năng lượng điện là nguồn năng lượng chính để vận hành máy sản xuất.

Công ty không sở hữu lò hơi, hoặc sử dụng các vật liệu than đá, dầu mỏ, chế phẩm dầu mỏ để tạo hơi và sản sinh ra khí nhà kính.

Không áp dụng

	Lượng tiêu thụ 2021	Hệ số phát thải CO ₂ (Schneider Electric)	Phát thải 2019	Phát thải 2020	Phát thải 2021
Điện năng	132.134 MWh/năm	0,000432 ¹ (tCO ₂ e/MWh)	62,2 (tCO ₂ e/năm)	52,3 (tCO ₂ e/năm)	57,1 (tCO ₂ e/năm)

Lượng phát thải nhà kính trực tiếp: 0

¹ Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric. (<https://www.se.com/ww/en/work/solutions/system/s1/data-center-and-network-systems/trade-off-tools/data-center-carbon-footprint-comparison-calculator/>)

Sáng kiến giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint

1. Thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo - năng lượng mặt trời:

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 10,5 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO₂ trong suốt vòng đời dự án.

	Tổng cộng
Từ đầu dự án đến cuối năm 2021	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được-Indefol system	4.489
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	3.400
Từ năm 2022 đến hết vòng đời dự án	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được-Indefol system	525.489
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	398.097
Tổng lượng CO₂ giảm được:	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được-Indefol system	529.978
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	401.497

2. Thông qua mục tiêu nâng tỷ trọng Sợi tái chế trong tổng doanh thu đến 2025:

Công ty định hướng nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường từ 54% vào năm 2022.

	2022
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	54,3%
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.	23.208



NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

NƯỚC THẢI

Sợi Thế Kỳ xác định nguồn nước thải của Công ty xuất phát từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm)

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những phương pháp sau:

- > Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- > Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- > Thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- > Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- > Đo lượng nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- > Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHẤT THẢI

Công ty nhận diện 2 nguồn chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn chất thải:

- > **Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại:**
 1. Thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải;
 2. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
- > **Đối với chất thải nguy hại:**
 1. Cảnh báo và dán nhãn chất thải nguy hại;
 2. Thiết lập nơi tập trung chất thải nguy hại riêng biệt;
 3. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu)	1844	Thiêu đốt	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại (binh mực máy in, máy fax)	8	Thiêu đốt	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (dầu thải)	30	Thiêu đốt	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Bóng đèn huỳnh quang thải	39	PH-HR-C	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Bao bì mềm thải	20	Thiêu đốt	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Tổng số lượng	1.941		

- > Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.
- > Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
 - > Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách: **Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên.**
 - > Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Huyện Củ Chi và Công ty TNHH MTV Thu Gom Rác Hiền Lương.**
- > Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- > Công ty đăng ký sổ chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

- > Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- > Ban QLKCN và cảnh sát môi trường địa phương không ghi nhận trường hợp vi phạm quy định về môi trường.
- > Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: 0 có trường hợp.



Thị trường vốn xanh

DỰ ÁN SỢI TÁI CHẾ

STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Trong năm 2021, tỷ trọng sợi recycol trên doanh thu đạt 50%, vượt 6,3% so với 2020 (44,7%). Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 3,04 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu.

DỰ ÁN TÁI CHẾ SỢI PHẾ

Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.

DỰ ÁN SỢI MÀU

Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.

DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO₂ trong suốt vòng đời dự án.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình thực hiện Dự án

DỰ ÁN LIÊN MINH TỪ SỢI ĐẾN MAY MẶC

Trong năm 2021, Sợi Thế Kỷ đã thực hiện góp vốn để lấy đất và phát triển hạ tầng cho dự án này.

Nguyên nhân chưa thực hiện dự án này trong năm 2021: Theo kế hoạch, các đối tác sẽ thực hiện xây nhà máy (vải, may mặc) trước. Tuy nhiên do dịch Covid-19 và tiến độ của các đối tác, Sợi Thế Kỷ vẫn chưa thực hiện dự án này trong năm 2021.

Trong năm 2022, Công ty chưa có kế hoạch thực hiện xây dựng nhà xưởng hay mua máy móc thiết bị cho dự án này. Trong trường hợp các đối tác đã thực hiện đầu tư xong, Công ty vẫn có thể cung cấp sợi từ các nhà máy hiện hữu theo nhu cầu của các đối tác.

Kế hoạch đầu tư cho giai đoạn 2021-2025

DỰ ÁN “NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI TỔNG HỢP UNITEX”.

Thông tin về dự án:

- > Công suất tối đa: 60.000 tấn/năm; gồm 2 giai đoạn.
- > Địa điểm xây dựng: Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- > Diện tích dự án: 100.183 m²
- > Sản phẩm của dự án: Sợi DTY, sợi tái chế (Recycle), các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao.

Công ty đang hoàn thiện hồ sơ xin giấy phép xây dựng. Dự kiến trong Quý 2-2022 Dự án sẽ được khởi công.



Tổng giá trị đã góp vốn tại Công ty con “Công ty TNHH Sợi Dệt Nhuộm Unitex” trong năm 2021: **11.586.800.000 đồng**

Mục đích: Thanh toán chi phí mua máy móc thiết bị.

CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Thông tin cổ phiếu	128
Cổ phần và Cơ cấu cổ đông	129
Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2021	132
Giao dịch cổ phiếu quỹ	133
Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu	134
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	136
Chính sách chi trả cổ tức	136
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	137



Thông tin cổ phiếu

Tên cổ phiếu	Mã cổ phiếu	Sàn giao dịch
CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỲ	STK	HOSE

Tổng số phiên giao dịch trong năm 2021 **249 phiên**
 Khối lượng khớp lệnh bình quân/ngày **56.437 cổ phiếu**

Diễn biến giao dịch cổ phiếu STK trong năm 2021



Nguồn: tradingview.com

Cổ phần và Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31/12/2020, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký (VND)	707.269.440.000
Tổng số cổ phần niêm yết	70.726.944
Tổng số cổ phần lưu hành	68.185.294
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ	2.541.650
Giá trị vốn hóa trên thị trường	4.003 tỷ đồng (31/12/2021)
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	14.650
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	67.885.294
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	0

Thông kê danh sách cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/11/2021)

Theo loại cổ phần			
Loại cổ phiếu	Số quyền biểu quyết tương ứng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ phiếu phổ thông	01 cổ phiếu : 01 quyền biểu quyết	68.185.294	96%
Cổ phiếu ưu đãi	/	0	0%
Cổ phiếu quỹ		2.541.650	4%
Tổng cộng		70.726.944	100%

	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ/ Tổng số cổ đông	Số lượng CPSH	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
Theo tỷ lệ sở hữu				
Cổ đông lớn	5	0,47%	43.664.012	61,74%
Cổ đông nhỏ	1.043	99,53%	27.062.932	38,26%
Tổng cộng	1.048	100%	70.726.944	100%

Theo địa lý				
Trong nước	936	89,31%	61.366.553	86,77%
Cá nhân	905	86,35%	44.141.016	62,41%
Tổ chức	31	2,96%	17.225.537	24,35%
Ngoài nước	112	10,69%	9.360.391	13,23%
Cá nhân	71	6,77%	838.053	1,18%
Tổ chức	41	3,91%	8.522.338	12,05%
Tổng cộng	1.048	100%	70.726.944	100%

Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% cổ phần công ty) và tình hình thay đổi sở hữu của cổ đông lớn trong năm 2021

Tên cổ đông	Loại hình sở hữu	Quốc tịch	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Thay đổi sở hữu trong kỳ
			Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức	VN	14.137.593	19,99%	14.137.593	19,99%	/
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	9.749.367	13,78%	9.749.367	13,78%	/
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	6.481.235	9,16%	10.134.305	14,3%	/
Đặng Hương Cường	Cá nhân	VN	5.981.235	8,46%	5.981.235	8,46%	/
Tăng Kiến Nghiệp	Cá nhân	VN	3.661.512	5,18%	3,661,512	5,17%	/
Tổng cộng			43.664.012	61,7%	43.664.012	61,7%	



Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2021

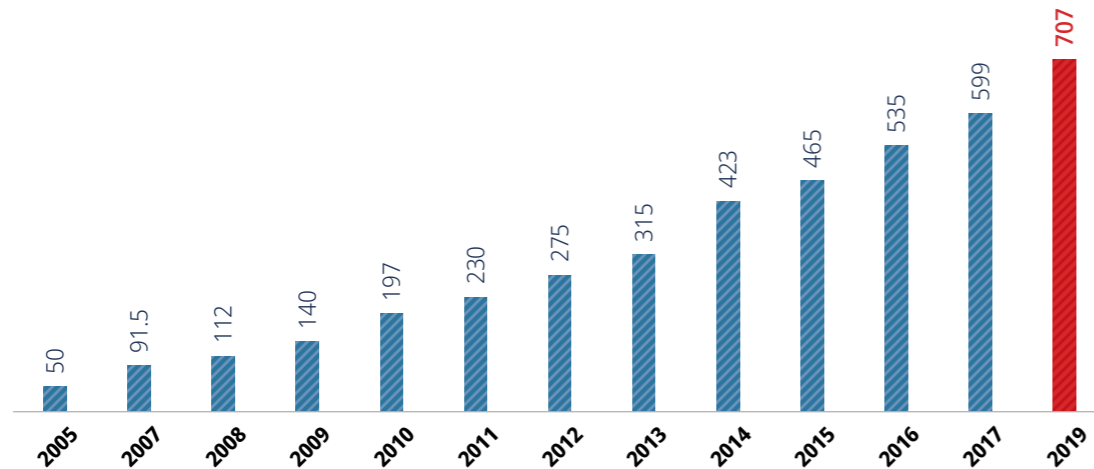
Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Đình Ngọc Hoa	Thành viên BKS	16.008	0,02%	10.008	0,01%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư
Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	2.000	0,003%	0	0%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư
Đình Ngọc Hoa	Thành viên BKS	10.008	0,01%	5.008	0,01%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư
Phạm Ngọc Thái	Chồng của TV.BKS	2.500	0,004%	0	0%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư
Phan Như Bích	Kế toán trưởng	99.447	0,141%	59.447	0,084%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư
Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	3.147	0,004%	1.147	0,002%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ phát sinh trong năm 2021.

Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Quá trình tăng vốn điều lệ của Sợi Thế Kỳ (tỷ đồng)



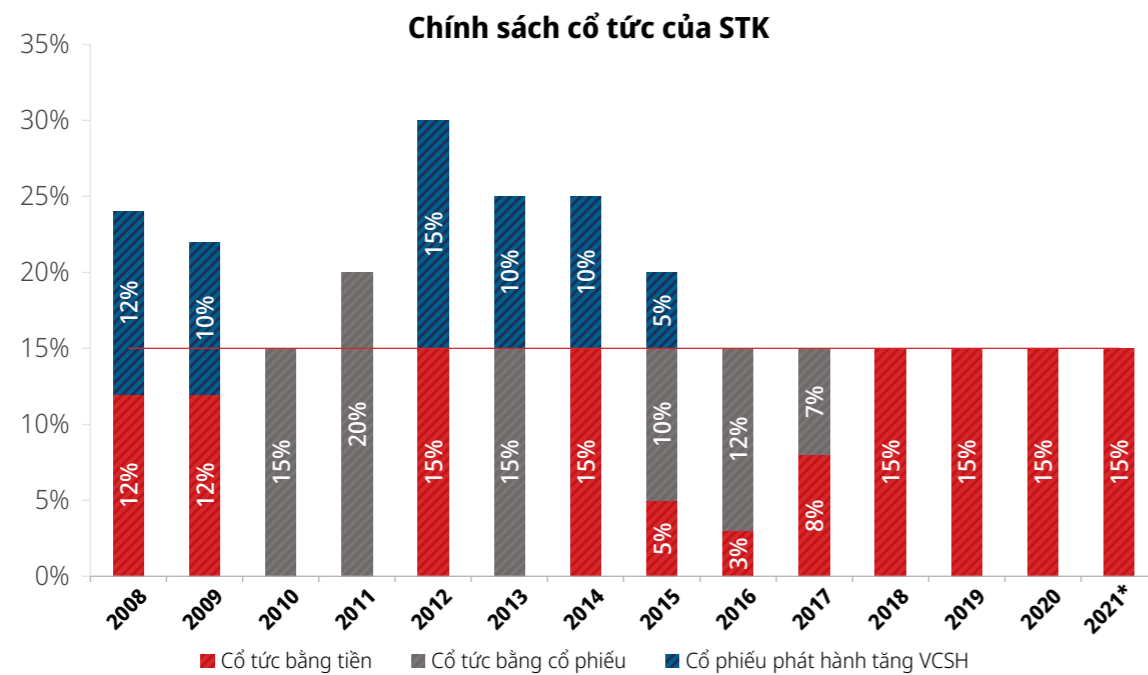
Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)
05/2005	Cổ phần hóa: VĐL ban đầu	-	50
05/2007	Cổ đông sáng lập; Người lao động	15	65
09/2007	Cổ đông hiện hữu; Đối tác chiến lược	26,5	91,5
01/2008	Đối tác chiến lược	8,5	100
12/2008	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 12%)	12	112
11/2009	Cổ đông hiện hữu (phát hành thêm tỷ lệ: 25%)	28	140
01/2010	Đối tác chiến lược (phát hành riêng lẻ)	40	180
09/2010	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 10%)	17,3	197,3

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)
06~07/2011	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); Người lao động (ESOP 2010)	32,6	229,9
05/2012	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%)	45	274,9
06/2013	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%)	40,5	315,4
06/2014	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	77,6	393,1
12/2014	Đấu giá ra công chúng	30,0	423,1
12/2015	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	42,3	465,4
06/2016	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 10%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 05%)	69,8	535,2
09/2017	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 12%)	64,2	599,4
05/2019	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 7%) (- cổ phiếu chào bán ra công chúng: 10%) (- cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV: 0.1%)	107,9	707,3

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2021, không phát sinh giao dịch tăng hoặc giảm vốn làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Chính sách chi trả cổ tức



Chính sách cổ tức của Sợi Thế Kỷ luôn ổn định và duy trì mức chi trả cổ tức trên mệnh giá là 15% cho cổ đông. Tùy theo kết quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm, cổ tức chi trả có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu và tỷ lệ này có thể lớn hơn hoặc bằng 15% nhưng không nhỏ hơn 15%..

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

CHÍNH SÁCH QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Duy trì và mở rộng mạng lưới nhà đầu tư.

Thường xuyên gặp gỡ và đa dạng hoá kênh tiếp cận nhà đầu tư, duy trì mạng lưới nhà đầu tư hiện hữu và phát triển thêm nhà đầu tư tiềm năng, từ đó tạo tiền đề và nền tảng cho hoạt động huy động vốn cho doanh nghiệp trong tương lai.

Đảm bảo tính minh bạch, bình đẳng giữa các Cổ đông.

Luôn luôn ưu tiên đáp ứng yêu cầu tuân thủ quy định Công bố thông tin (CBTT) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các nội dung CBTT đều được chuyển ngữ sang Tiếng Anh để nhà đầu tư nước ngoài cũng được tiếp cận thông tin đầy đủ nhất.

Quản trị tốt chất lượng thông tin và đối tượng nhà đầu tư cần cung cấp.

Thông tin được chọn lọc, rà soát và xét duyệt bởi Ban điều hành cũng như Trưởng các bộ phận có liên quan.

Thông tin cung cấp ra bên ngoài không những phải đầy đủ và đảm bảo tính xác thực về tình hình của doanh nghiệp.

ĐA DẠNG HOÁ CÁC KÊNH TIẾP CẬN NHÀ ĐẦU TƯ

ĐHĐCĐ

Thường niên: 1 lần/năm
Bất thường/Lấy ý kiến bằng văn bản: tùy tình hình từng năm

Website

Cập nhật thường xuyên liên tục các thông tin ngành, thông tin công bố của Công ty, các báo cáo định kỳ...

Cuộc họp với chuyên gia phân tích chứng khoán

Định kỳ mỗi quý: 4 lần/năm

Bản tin nhà đầu tư

Định kỳ mỗi quý: 4 lần/năm

Thông tin liên hệ bộ phận Quan hệ nhà đầu tư:

✉ ir@century.vn

☎ (+84.276) 388 7565 (ext: 113)

BÁO CÁO **HỘI ĐỒNG** **QUẢN TRỊ**

Mô hình quản trị	140
Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị	140
Thông tin về Hội đồng quản trị	142
Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2021	146
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2022	155
Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2022	155
Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới	155

Mô hình quản trị

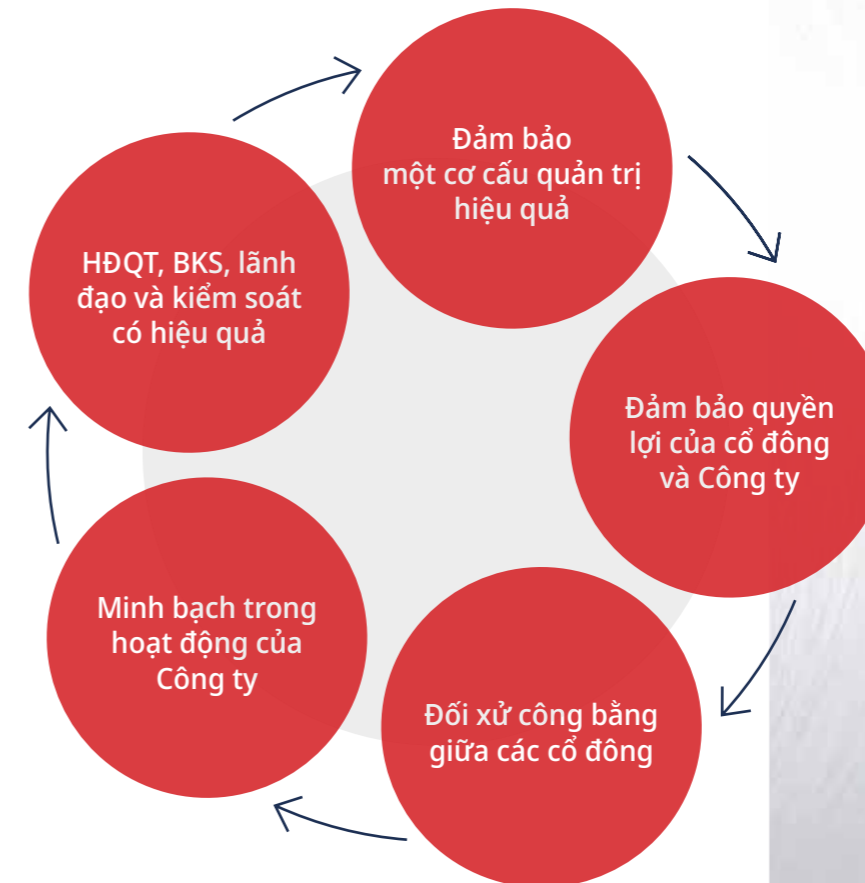
- > Sợi Thế Kỳ đang được tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) và Tổng Giám đốc (“TGD”), Ban điều hành (“BDH”), các bộ phận chức năng, các phòng nghiệp vụ chuyên môn.
- > Tại STK, ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua được quy định tại Điều 14 Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.
- > HĐQT là cơ quan quản trị tại công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều 25 Điều lệ của Công ty. HĐQT có nhiệm vụ triển khai, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của Công ty.
- > BKS do ĐHĐCĐ bầu ra với chức năng thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của BKS (bao gồm việc giám sát HĐQT và TGD, yêu cầu HĐQT và TGD giải trình về tình hình tài chính của Công ty) được quy định tại Điều 36 Điều lệ của Công ty. BKS của STK có 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm.
- > Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc được quy định tại Điều 30 Điều lệ của Công ty.
- > Ban Điều Hành gồm 04 thành viên sẽ hỗ trợ Tổng Giám Đốc trong việc điều hành hoạt động của Công ty.

(Vui lòng xem thêm mục **Cơ cấu tổ chức công ty**, trang 42).

Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, không có thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị.

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY



Thông tin về Hội đồng quản trị



Bà **Đặng Mỹ Linh** (50 tuổi)

Ngày sinh: 19/01/1972
 CMND số: 023323687 Ngày cấp: 16/02/2011
 Trình độ văn hóa: Cao học
 Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác

Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 - 1999 Worldtex Enterprise Co, .Ltd	Trợ lý TGD
2000 - 2020 CTCP Sợi Thế Kỳ	Thành viên HĐQT
2001 - nay CTCP đầu tư thương mại Liên An	TGD
Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Chủ tịch
2020 - nay CTCP Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT
 Thời gian bổ nhiệm: 14/02/2020



Ông **Đặng Triệu Hoà** (53 tuổi)

Ngày sinh: 19/10/1969
 CMND số: 079069011874 Ngày cấp: 11/08/2021
 Trình độ văn hóa: Đại học
 Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác

Đơn vị công tác	Chức vụ
1991 - 1995 Công ty TNHH TM-DV Việt Phú	Giám Đốc
1995 - 2000 Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á	Giám Đốc
2000 - 02/2020 Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
02/2020 Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT
 Thời gian bổ nhiệm: 14/02/2020



Ông **Đặng Hướng Cường** (46 tuổi)

Ngày sinh: 04/07/1976
 CMND số: 023323688 Ngày cấp: 12/07/2014
 Trình độ văn hóa: Đại học
 Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác

Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - nay CT TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc
2005 - nay CTCP Sợi Thế Kỳ	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
 Thời gian bổ nhiệm: 2005



Bà **Cao Thị Quế Anh** (56 tuổi)

Ngày sinh: 17/04/1966
 CMND số: 025490567 Ngày cấp: 08/10/2011
 Trình độ văn hóa: Đại học
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá thực phẩm
 Quá trình công tác

Đơn vị công tác	Chức vụ
1991 - 2003 Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do
2003 - 2008 Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do
2008 - nay Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGD
2009 - 2012 Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT
2015 - nay Công ty Sợi Thế Kỳ	TV HĐQT

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
 Thời gian bổ nhiệm: 2015



Ông Võ Quang Long (44 tuổi)

Ngày sinh: 28/10/1978
CMND số: 024937902 Ngày cấp: 02/07/2008
Trình độ văn hóa: Cao học
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác

Đơn vị công tác	Chức vụ
2006-2009 Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư
1/2010 - 9/2010 HD Bank	Trưởng phòng đầu tư
10/2010 - 01/2018 OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư
02/2018 - nay CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGD
2018 - nay Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
Thời gian bổ nhiệm: 2018



Ông Chen Che Jen (58 tuổi)

Ngày sinh: 10/12/1964
CMND số: 307302750 Ngày cấp: 10/06/2013
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Công nghệ
Quá trình công tác

Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 1997 Formosa Taffeta Co., Ltd	Kinh doanh
1997 - 1999 Formosa Taffeta HK	Giám đốc
2002 - nay Formosa Taffeta VN	Giám đốc Marketing
2018 - nay Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT
Thời gian bổ nhiệm: 14/02/2020



Ông Nguyễn Quốc Hương (51 tuổi)

Ngày sinh: 03/11/1971
CMND số: 001071016584 Ngày cấp: 21/03/2018
Trình độ văn hóa: Cao học
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác

Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 - 2014 Ngân hàng Eximbank	Tổng giám đốc
2014 - 2017 Ngân hàng Eximbank	Phó Tổng giám đốc
2018 Kinh doanh tự do	

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
Thời gian bổ nhiệm: 2018

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023

Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT của các công ty khác	Cá nhân/Tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ (%)
Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	10.134.305	14,33%		15.730.602	22,24%
Đặng Triệu Hòa	Phó CT.HĐQT	9.749.367	13,78%		16.115.540	22,79%
Đặng Hương Cường	TV.HĐQT	5.981.235	8,46%		19.883.672	28,11%
Cao Thị Quế Anh	TV.HĐQT	0	0%	Không có	425.040	0,70%
Võ Quang Long	TV.HĐQT	0	0%		14.137.593	19,99%
Chen Che Jen	TV.HĐQT	0	0%		0	0%
Nguyễn Quốc Hương	TV.HĐQT	0	0%		0	0%

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ (nhiệm kỳ 2018-2023) gồm 07 thành viên, trong đó:

- > 03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập;
- > 06 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành;
- > 03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2021

CÁC CUỘC HỌP HĐQT

- > HĐQT đã tiến hành 21 cuộc họp thông qua hình thức trực tiếp và gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.
- > HĐQT đã ban hành 21 Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- > Biên bản và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS.
- > Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Stt.	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	21/21	100%	
2	Ông Đặng Triệu Hòa	Phó CT.HĐQT	21/21	100%	
3	Ông Đặng Hường Cường	TV.HĐQT	17/21	81%	Công tác ở nước ngoài do dịch Covid nên chưa về nước được
4	Bà Cao Thị Quế Anh	TV.HĐQT	21/21	100%	
5	Ông Võ Quang Long	TV.HĐQT	21/21	100%	
6	Ông Chen Che Jen	TV.HĐQT	21/21	100%	
7	Ông Nguyễn Quốc Hương	TV.HĐQT	21/21	100%	

CÁC CUỘC HỌP RIÊNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Không có.

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2021/NQHĐQT	20/01/2021	Thông qua dự báo kết quả kinh doanh 2021
2	02-2021/NQHĐQT	21/01/2021	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại HD Bank
3	03-2021/NQHĐQT	04/03/2021	Thông qua ngày chốt quyền ĐHCĐ TN 2021
4	04-2021/NQHĐQT	29/03/2021	Thông qua tài liệu họp ĐHCĐ 2021
5	05-2021/NQHĐQT	30/03/2021	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại OCB
6	06-2021/NQHĐQT	19/04/2021	Thông qua các giao dịch đối với bên liên quan
7	07-2021/NQHĐQT	19/04/2021	Thông qua việc đầu tư dự án Nhà máy sản xuất sợi Unitex
8	08-2021/NQHĐQT	19/04/2021	Thông qua việc bổ sung tài liệu họp ĐHCĐ TN 2021
9	08A-2021/NQHĐQT	15/05/2021	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại EximBank.
10	09-2021/NQHĐQT	18/05/2021	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Vietcombank
11	10-2021/NQHĐQT	28/06/2021	Thông qua ngày chốt quyền trả cổ tức năm 2020
12	11-2021/NQHĐQT	14/07/2021	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH E&Y VN kiểm toán BCTC năm 2021
13	12-2021/NQHĐQT	07/09/2021	Thông qua việc phân bổ trách nhiệm và quyền hạn quyết định cho Dự án Unitex
14	13A-2021/NQHĐQT	25/10/2021	Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết của đợt chào bán
15	13B-2021/NQHĐQT	25/10/2021	Thông qua tỷ lệ chào bán thành công, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết.
16	13C-2021/NQHĐQT	25/10/2021	Thông qua hồ sơ chào bán cho cổ đông hiện hữu
17	14-2021/NQHĐQT	28/10/2021	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty E.dye Việt Nam
18	15-2021/NQHĐQT	05/11/2021	Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
19	16-2021/NQHĐQT	23/11/2021	Thông qua việc vay vốn từ ngân hàng VCB cho dự án Unitex
20	17-2021/NQHĐQT	06/12/2021	Thông qua việc bổ sung nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
21	18-2021/NQHĐQT	21/12/2021	Thông qua hạn mức tín dụng tại ngân hàng CTBC

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

Hình thức họp: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngày họp: 22/04/2021

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Kết quả thực hiện
1	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2020: Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt (tỷ lệ 15%/mệnh giá)	Đã chi trả cổ tức cho năm tài chính năm 2020 vào ngày 02/08/2021.
2	Thông qua dự báo doanh thu - lợi nhuận năm 2021 > Doanh thu: 2.357 tỷ đồng > Lợi nhuận sau thuế: 248,2 tỷ đồng	Kết quả thực hiện năm 2021: > Doanh thu: 2.042 tỷ đồng (đạt 87% kế hoạch); > Lợi nhuận sau thuế: 278,5 tỷ đồng (đạt 112,2% kế hoạch)/
3	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021	Đã lựa chọn Công ty kiểm toán E&Y Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2021.
4	Thông qua thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021 > Thù lao cho HĐQT: 1 tỷ và 275 triệu đồng > Thù lao cho BKS: 180 triệu đồng;	Đã thực hiện chi trả ngày 30/12/2021.
5	Thông qua Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025	Đã thực hiện triển khai Dự án Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex
6	Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng	Đang trong quá trình xin Giấy phép chào bán từ Ủy ban chứng khoán nhà nước
7	Thông qua việc sửa Điều lệ Công ty	Đã thực hiện điều chỉnh và công bố thông tin vào ngày 22/04/2021.

Hình thức họp: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Ngày cuối cùng lấy ý kiến: 29/12/2021

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Kết quả thực hiện
1	Thông qua Phương án sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động	Công ty sẽ triển khai vào năm 2022.
2	Thông qua việc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu	Công ty đã thực hiện và làm thủ tục thay đổi mục đích sử dụng vốn.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Các thành viên HĐQT đóng vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban điều hành một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; gia tăng tính công bằng, hiệu quả chức năng đưa ra định hướng chiến lược, quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản xuất.

Các TVHĐQT không điều hành đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, tài chính và quản trị.

Các thành viên luôn tích cực tham gia góp ý cho việc xây dựng chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- > Ông Chen Che Jen có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh sợi, ông thường xuyên theo dõi các chỉ tiêu chất lượng để đưa ra những giải pháp, kinh nghiệm quản trị rủi ro xảy ra trong hoạt động sản xuất
- > Bà Cao Thị Quế Anh có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh may mặc và tài chính, luôn luôn theo dõi và giám sát cơ cấu chi phí sản xuất, chi phí cố định, khả năng tối ưu hoá lợi nhuận.
- > Ông Nguyễn Quốc Hương có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ông luôn giám sát tình hình luân chuyển vốn lưu động, tình hình nợ vay và các chính sách phân phối lợi nhuận của Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Có 4/7 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2018-2023), 3/3 thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2018-2023) đã được cấp chứng chỉ về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước công nhận. Công ty luôn tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD tham gia các khoá đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, do thời gian các khóa đào tạo thường trùng với lịch công tác của Ban Quản trị nên các thành viên không tham gia khóa học được. Bên cạnh đó, STK có 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, do khóa học không hỗ trợ ngôn ngữ thứ hai cho nên cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành chứng chỉ Quản trị Công ty theo quy định.

Danh sách thành viên HĐQT, BKS đã được đào tạo về quản trị Công ty:

1. Đặng Mỹ Linh – Chủ tịch HĐQT
2. Đặng Triệu Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Đặng Hướng Cường – Thành viên HĐQT
4. Cao Thị Quế Anh - Thành viên HĐQT
5. Nguyễn Tự Lực – Trưởng BKS
6. Đinh Ngọc Hoa – Thành viên BKS
7. Hoàng Nữ Mộng Tuyền – Thành viên BKS

CÁC TIỂU BAN HĐQT

Công ty chưa thành lập các tiểu ban HĐQT nên không có hoạt động của các tiểu ban HĐQT.

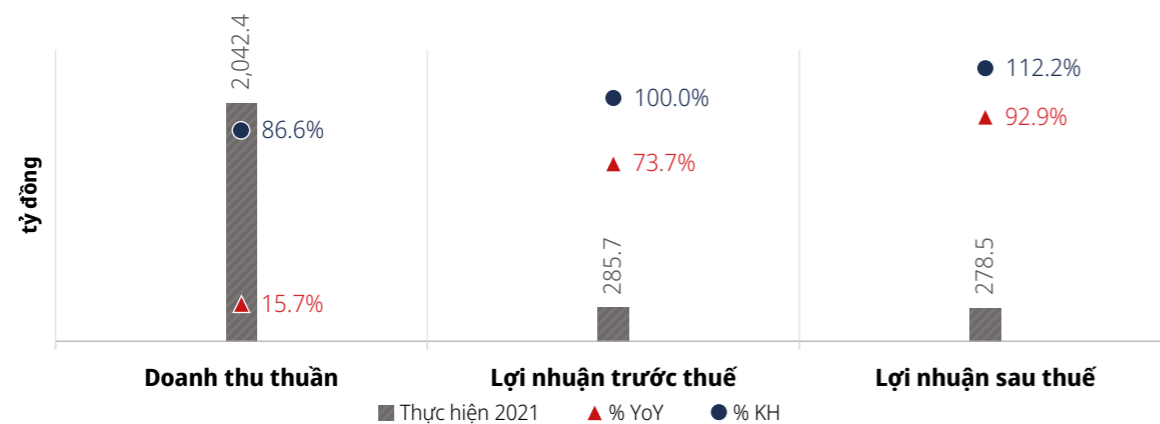
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Hoạt động cốt lõi	Kết quả đạt được năm 2021
Lãnh đạo – kiểm soát	Trong năm 2021, mặc dù do diễn biến của dịch Covid phức tạp, HĐQT vẫn theo dõi chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành; chỉ đạo và đưa ra phương hướng thực hiện chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn. HĐQT đều kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty qua từng Quý.
Quyết định chiến lược đầu tư	Thông qua các quyết định về việc đầu tư dự án tăng công suất, huy động vốn vay và vốn chủ sở hữu. Thông qua các dự án hợp tác khác nhằm đa dạng hóa chiến lược kinh doanh, nhất là khi môi trường kinh doanh có nhiều thách thức.

- > Cơ cấu của HĐQT đảm bảo tuân thủ qui định khi có 3/7 thành viên HĐQT độc lập.
- > Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành và đưa ra những góp ý thiết thực cho Ban điều hành và HĐQT trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh, triển khai các kế hoạch kinh doanh và nâng cao chất lượng của hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- > Các thành viên HĐQT đã được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời để có thể đưa ra những đánh giá phân tích đúng đắn về tình hình doanh nghiệp và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
- > Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu trữ theo đúng quy định.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021



ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đã đặt ra trong năm 2021



2. Thành tựu đạt được

- > Mặc dù Quý 3 năm 2021 Công ty gặp nhiều khó khăn giãn cách xã hội kéo dài, Công ty đã nhanh chóng phục hồi vào Quý 4 và nỗ lực để vượt kế hoạch lợi nhuận 12%.
- > Chiến lược kinh doanh linh hoạt, tiết giảm hao phí nhà máy, biên lợi nhuận gộp đạt 18,3% và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu vẫn đạt 22% năm 2021.
- > Chủ động quản trị rủi ro nguồn vốn như trả nợ vay để giảm chi phí tài chính, từ đó góp phần ổn định tình hình tài chính;
- > Giải phóng hàng tồn kho về mức tiêu chuẩn, góp phần giảm chi phí;
- > Hệ thống hóa kho bãi, nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng cho khách hàng.

3. Điểm cần cải thiện

- > Cần phải tăng cường công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và phát triển thêm khách hàng thương hiệu để duy trì tốc độ tăng trưởng của Công ty.
- > Tập trung triển khai dự án mở rộng công suất để tăng quy mô và mở rộng thị trường cho Công ty.

4. Tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-lao động-xã hội

MÔI TRƯỜNG

- > HĐQT đánh giá cao Công ty đã có những sáng kiến trong việc bảo vệ môi trường; ngoài việc tăng tỷ lệ sợi tái chế lên 50% trên doanh thu và tăng sản lượng tiêu thụ sợi màu (tăng gấp 2 lần so với năm 2020), Công ty đã lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái, giúp góp phần giảm phát thải nhà kính.
- > Công ty đã và đang xây dựng và đi vào hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín từ khâu nguyên vật liệu đến khâu thành phẩm: phế phẩm lại được tái sản xuất thành nguyên vật liệu.
- > Ngoài ra Công ty còn tái sử dụng ống giấy, các vật liệu đóng gói khác.

LAO ĐỘNG

- > Mặc dù dịch bệnh Covid-19 diễn biến khá phức tạp trong Quý 2 và Quý 3 năm 2021, Công ty vẫn đảm bảo được chế độ phúc lợi cơ bản cho người lao động; các vấn đề về đảm bảo sức khỏe, phòng chống dịch bệnh Covid-19 lây lan trên diện rộng.
- > Thu nhập bình quân của người lao động năm 2021 tăng 5% với với năm 2020;
- > Các chế độ thưởng lễ, Tết và hiệu quả hoạt động kinh doanh vẫn được duy trì đầy đủ và đúng hạn, giúp ổn định cuộc sống cho người lao động.

CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

- > Công ty vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước và chi trả đúng hạn cho nhà cung ứng.

5. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

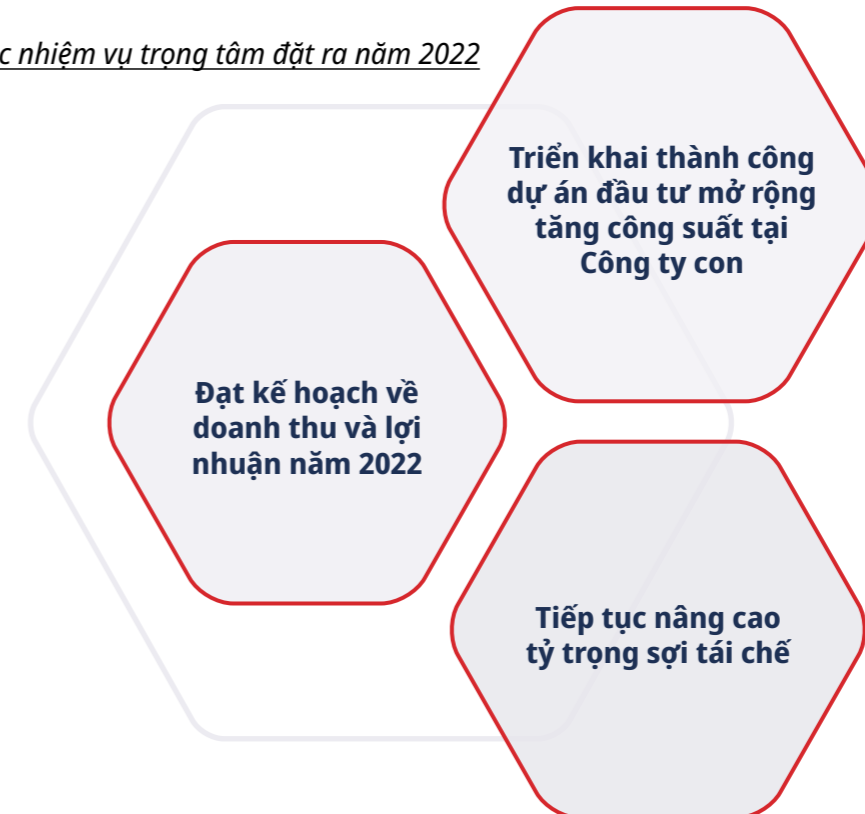
Phương thức giám sát

- > HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp thông qua thư điện tử, về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ.
- > HĐQT đã thảo luận và phê chuẩn các Nghị quyết của Hội đồng quản trị dựa trên đề xuất của Ban điều hành;
- > Ban điều hành có trách nhiệm giải thích chi tiết về kết quả kinh doanh quý và năm, dự báo kết quả kinh doanh của quý hoặc năm tiếp theo.

Kết quả thực hiện

- > Ban điều hành đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của và HĐQT.
- > HĐQT đã đưa ra các giải pháp cải tiến hoạt động, quản trị rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành, từ đó đạt được những thành tựu nhất định trong năm 2021.
- > Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2021 nhìn chung đạt mục tiêu đã đề ra.
- > Ban điều hành cần phải nỗ lực hơn trong năm 2022 trước bối cảnh kinh doanh còn nhiều thách thức. Ban điều hành phải đưa ra chiến lược cụ thể cho hoạt động kinh doanh, tiếp tục phát triển và ổn định thị trường, nâng cao tỉ trọng đóng góp của sợi tái chế, phát triển sản phẩm mới, cân đối tình hình tài chính của Công ty.
- > Các giám đốc chuyên trách cần phải thực hiện tốt chức năng của mình để hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành và giám sát các hoạt động của các phòng ban, phát hiện những điểm cần cải tiến để ngăn ngừa rủi ro xuất phát từ nội bộ Công ty, từ đó tăng cường nội lực để ứng phó với các rủi ro từ bên ngoài.

6. Các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra năm 2022



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021

ĐÁNH GIÁ THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

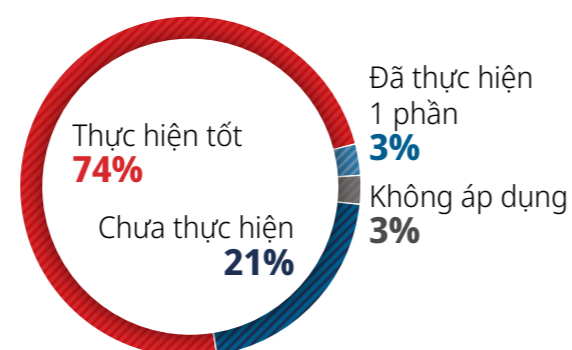
Dựa theo chuẩn mực quản trị Công ty của khu vực ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecards), Sợi Thế Kỳ đã thực hiện tốt 108/146 tiêu chí trong Thẻ điểm Quản trị Công ty.

Các tiêu chí đã thực hiện tốt:

- > Đảm bảo quyền cơ bản của cổ đông
- > Đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông
- > Bảo vệ quyền lợi các bên có liên quan
- > Đảm bảo công bố thông tin minh bạch
- > Đảm bảo trách nhiệm của HĐQT được thực hiện

Các tiêu chí cần cải thiện:

- > Cơ cấu HĐQT: chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO PHÁP LUẬT

Quy định	Lý do chưa thực hiện theo quy định	Hướng khắc phục
1. Công ty chưa thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 10, Điều 30 Nghị định 05/2019/NĐ-CP	Công ty chưa tìm được nhân sự phù hợp để thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.	Công ty sẽ tiếp tục tìm nhân sự có chuyên môn để thực hiện chức năng này.
2. Công ty có Tổng giám đốc là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, chưa đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.	Công ty chưa tìm được nhân sự có đủ năng lực và chuyên môn để đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.	Công ty sẽ tiếp tục tìm nhân sự có chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm vị trí này.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2022

- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của TGD và Ban điều hành nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong năm 2022.
- Song hành với TGD và Ban điều hành trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho STK.
- Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.
- > Giám sát tình hình quản lý chi phí, hiệu quả hoạt động của Ban điều hành.

Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2022

HĐQT rà soát các quy định và thông lệ quản trị tốt, đồng thời chỉ đạo Ban điều hành để thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ cũng như các ủy ban kiểm toán cho Công ty.

- HĐQT thực hiện những Nghị quyết ĐHĐCĐ còn chưa thực hiện trong năm 2021.

Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới

Nhằm mục đích tăng vốn vào Công ty con để tài trợ vốn cho Công ty con thực hiện Dự án đầu tư tăng công suất:

- > Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty đang trong quá trình nộp hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- > Ngoài ra, HĐQT Công ty cũng trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để huy động thêm vốn tài trợ cho Dự án.

(Xem thêm mục **Kế hoạch đầu tư**, trang 125, **Báo cáo thường niên năm 2021**).

BÁO CÁO **BAN KIỂM** **SOÁT**

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

158

Hoạt động của Ban kiểm soát

160

Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

161

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018-2023 (bắt đầu từ ngày 17/04/2018)



Ông **Nguyễn Tự Lực**

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1952

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc

2007 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát, STK
2006 - nay	Trợ lý Tổng Giám đốc, STK
2000 - 2006	Kế toán trưởng, STK
1984 - 2000	Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á
1979 - 1984	Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn



Bà **Hoàng Nữ Mộng Tuyền**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1990

Trình độ học vấn: Cử nhân

Quá trình làm việc

2012 - 2019	Trưởng nhóm kinh doanh, STK
2019 - 2020	Trợ lý TGD
2020 - nay	Chuyên viên KD Công ty KPack

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023

Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong BKS của các công ty khác	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	0	0%	-	-
Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	1.147	0,0016%	-	-
Đình Ngọc Hoa	Thành viên BKS	5.008	0,007%	-	-



Bà **Đình Ngọc Hoa**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1979

Trình độ học vấn: Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ

Quá trình làm việc

2005 - nay	Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK
2002 - 2004	Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp

Hoạt động của Ban kiểm soát

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2021 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, trong năm BKS đã họp 4 lần, cụ thể như sau:

- > Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty
- > Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ
- > Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty
- > Đánh giá về sự phối hợp của HĐQT với Ban Điều Hành.
- > Đánh giá về tình hình đầu tư của Công ty, các dự án đã và đang thực hiện theo NQ HĐQT.
- > Từ đó đưa ra kiến nghị đối với HĐQT trong các năm tiếp theo.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Đánh giá tình hình hoạt động cả năm 2020	21/01/2021	Thống nhất 100%
2	Thảo luận kế hoạch hoạt động năm 2021	27/04/2021	Thống nhất 100%
3	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 2 và 6 tháng năm 2021	28/08/2021	Thống nhất 100%
4	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 3 và 9 tháng 2021.	28/11/2021	Thống nhất 100%

Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

ĐÁNH GIÁ CỦA BKS VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2020

- > Các phiên họp Hội đồng quản trị có mời trưởng ban Ban kiểm soát tham dự đầy đủ.
- > Nhìn chung, Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020:

Thời gian thực hiện	
Cổ tức bằng tiền mặt 15%/mệnh giá	Tháng 08/2021

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021	So sánh với thực hiện năm 2020	So sánh với kế hoạch năm 2021
Doanh thu thuần	2,042.4	15.7%	86.6%
Lợi nhuận trước thuế	285.7	73.7%	100.0%
Lợi nhuận sau thuế	278.4	92.9%	112.2%

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hợp nhất		
		2021	2020	So sánh
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1.38	1.11	0.27
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.72	0.41	0.31
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.26	0.25	0.01
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0.16	0.16	-
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	13.63%	8.18%	5.45%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	14.12%	8.47%	5.65%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	22.12%	13.33%	8.79%

Công bố thông tin

Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định về việc công bố thông tin của công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- > BKS đã tham gia các phiên họp của HĐQT với vai trò quan sát viên để nắm tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến tại cuộc họp trong trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- > BKS đã theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đảm bảo công khai, minh bạch.
- > BKS đã định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tính tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, tính hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của công ty.
- > Trong năm 2021, BKS tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro, thông qua việc rà soát lại quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành, tiến tới đề nghị đề nghị bổ sung các quy trình, quy chế còn thiếu đảm bảo, để STK hoạt động an toàn và phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn.
- > Tiến hành các cuộc họp (trực tiếp và bằng văn bản) để thống nhất thông qua về kết quả kinh doanh, các chiến lược và mục tiêu phát triển theo từng quý, bán niên, cả năm của Công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của nhà nước trong điều hành sản xuất, cụ thể:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của STK theo kế hoạch kinh doanh đã được thông qua ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua.
- Tuân thủ quy định pháp luật về góp vốn, xây dựng, đầu tư, đăng ký kinh doanh.
- Triển khai các cuộc họp thống nhất chiến lược hành động mục tiêu kinh doanh, giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quản lý và hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro đến từ nội tại Công ty và môi trường bên ngoài.

Dựa trên kết quả kinh doanh năm 2021, BKS đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của mình trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được mục tiêu lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên mục tiêu về doanh thu thuần vẫn chưa đạt.

GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

- > Công ty đã lập Báo cáo tài chính Quý (04 Báo cáo/năm) và công bố theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ CBTT của Công ty niêm yết.
- > Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất và Báo cáo tài chính năm hợp nhất của CTCP Sợi Thế Kỳ đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- > Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại 31/12/2021, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ CỦA BKS VỀ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS, HĐQT VÀ BTGD TRONG NĂM 2021

- Sự am hiểu kinh doanh, tầm nhìn chiến lược của HĐQT:

Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong lãnh vực sản xuất sợi, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy Hội đồng quản trị có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo công ty.

Nhìn chung, Hội đồng công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có trình độ và kinh nghiệm thời gian làm việc tại các tổ chức khác nhau. Do đó, các thành viên đều thành thạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

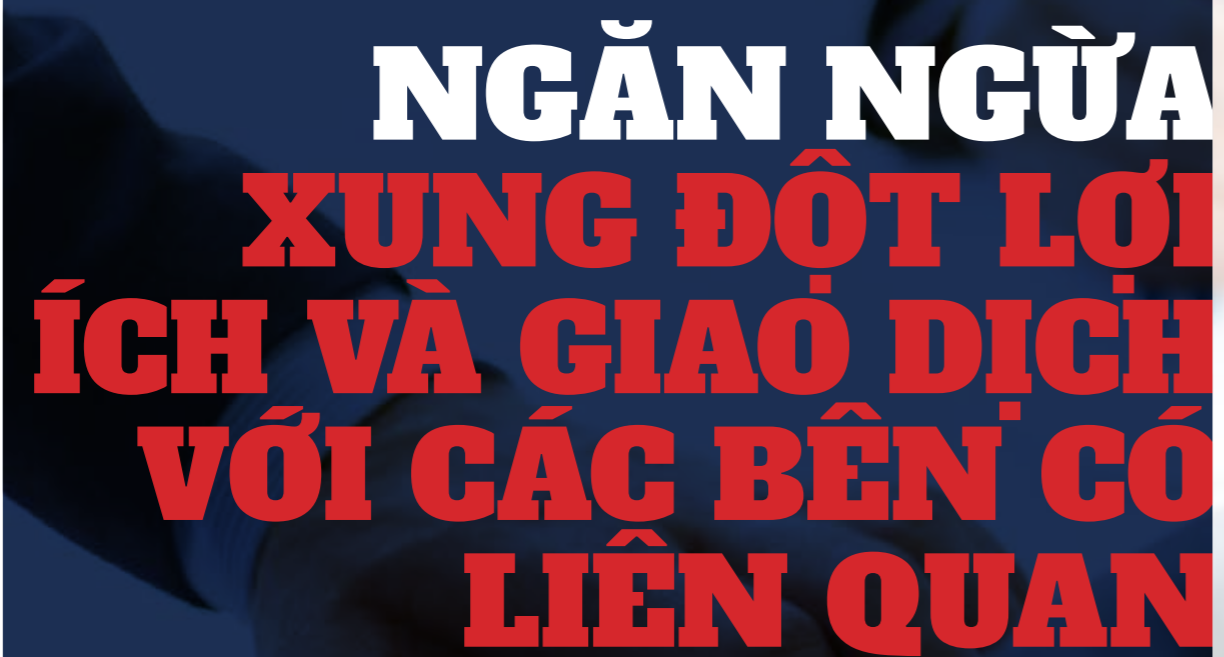
Ban kiểm soát đã lên kế hoạch cho năm thứ tư của nhiệm kỳ 2018-2023 và phân công công việc cho mỗi thành viên thực hiện báo cáo BKS trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên.

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA CỔ ĐÔNG ĐỐI VỚI CÔNG TY (NẾU CÓ)

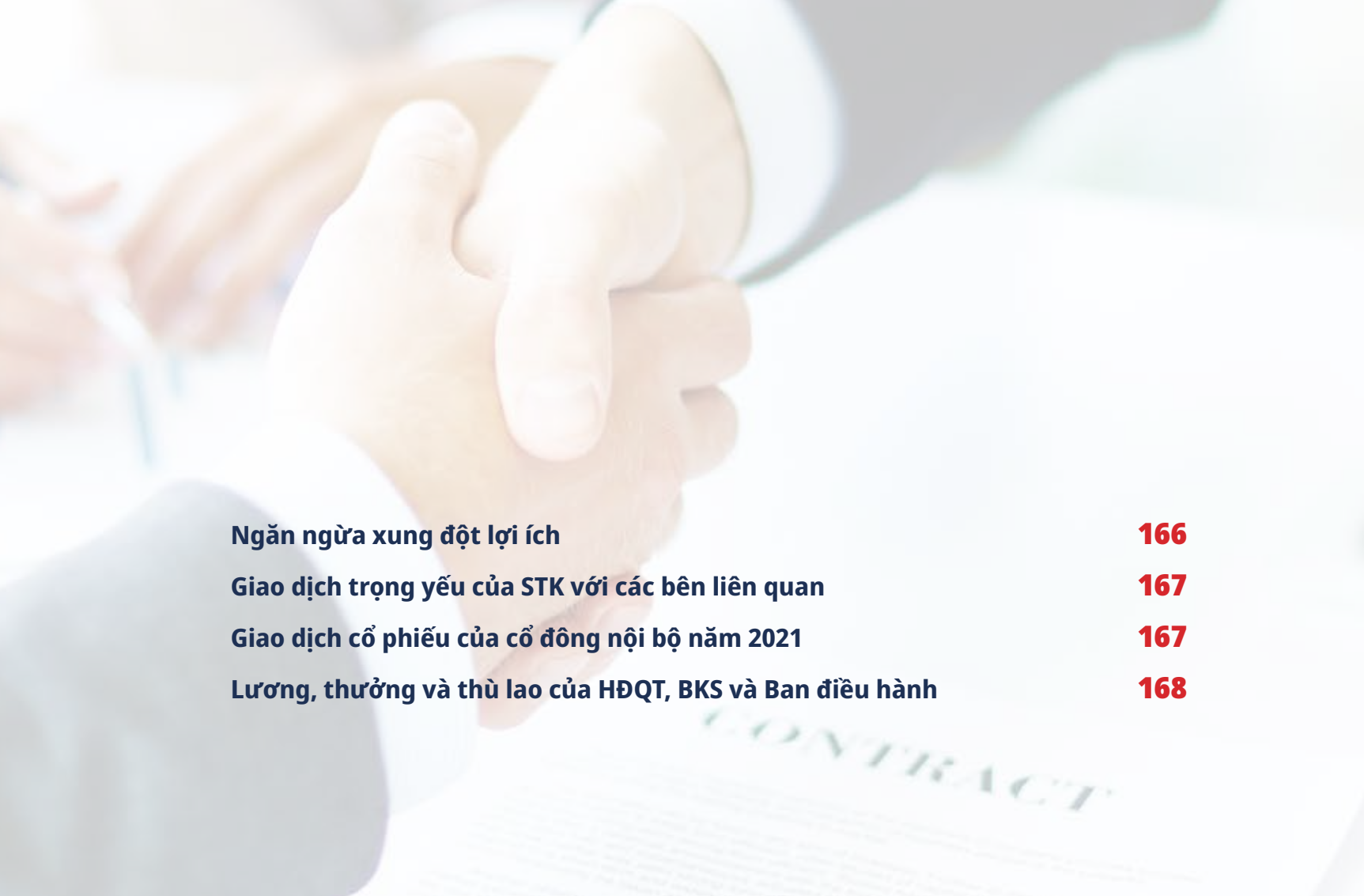
Trong năm 2021, BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại hay yêu cầu nào cần phải thẩm định hay kiểm tra bất thường trong hoạt động của Công ty.

KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS ĐỐI VỚI 2020

- Kế hoạch hoạt động năm 2022 của BKS: tiếp tục thực hiện theo chiến lược định hướng chung của Công ty.
- Kiến nghị: Trên cơ sở do STK đang được điều hành phù hợp theo các quy định hiện hành. BKS nhận thấy chưa có các phát sinh bất cập trong quá trình giám sát của mình, và BKS không có ý kiến hay kiến nghị gì.



**NGĂN NGỪA
XUNG ĐỘT LỢI
ÍCH VÀ GIAO DỊCH
VỚI CÁC BÊN CÓ
LIÊN QUAN**



Ngăn ngừa xung đột lợi ích	166
Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan	167
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2021	167
Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành	168

Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Các Thành Viên HĐQT, Thành Viên BKS, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác (“Người Quản Lý”) của Công ty tuân thủ các quy định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

1. Người Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Quản Lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người Quản Lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Người Quản Lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2021	2020
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan của TV HĐQT	Bán hàng	21.857.929.365	8.655.709.290

Các giao dịch với các bên có liên quan nêu trên đều có nghị quyết của HĐQT thông qua, căn cứ theo quy định của Điều lệ và theo cơ chế thị trường.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2021

Vui lòng xem mục *Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2021*, trang 132, Báo cáo thường niên năm 2021.

Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	-	-	01/01/2021-31/12/2021
2	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	150.000.000	(xem phần thù lao của Ban điều hành)	-	01/01/2021-31/12/2021
3	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	-	-	01/01/2021-31/12/2021
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	-	01/01/2021-31/12/2021
5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	-	-	01/01/2021-31/12/2021
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	-	01/01/2021-31/12/2021
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	-	01/01/2021-31/12/2021
Tổng cộng (VND)			1.275.000.000			

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO CỦA BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	60.000.000	82,55%	17,45%	01/01/2021-31/12/2021
2	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	60.000.000	-	-	01/01/2021-31/12/2021
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	60.000.000	83,59%	16,41%	01/01/2021-31/12/2021
Tổng cộng (VND)			562.479.042			

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	TGD	(xem mục HĐQT)	84,61%	15,39%	06/2010 - nay
2	Nguyễn Phương Chi	GĐ chiến lược	-	82,02%	17,98%	01/2015 - nay
3	Phan Như Bích	GĐ tài chính	-	82,94%	17,06%	10/2016 - nay
4	Lê Thị Thơ	GĐ Tổng quản lý	-	98,97%	1,03%	08/2021 - nay
Tổng cộng (VND)			4.452.618.233			

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thông tin chung	172
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	174
Báo cáo kiểm toán độc lập	176
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	176
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	182
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	184
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	186

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 sửa đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trắng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trắng Bàng, Huyện Trắng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Mỹ Linh	<i>Chủ tịch</i>
Ông Đặng Triệu Hòa	<i>Phó Chủ tịch</i>
Ông Đặng Hường Cường	<i>Thành viên</i>
Bà Cao Thị Quế Anh	<i>Thành viên</i>
Ông Chen Che Jen	<i>Thành viên</i>
Ông Võ Quang Long	<i>Thành viên</i>
Ông Nguyễn Quốc Hương	<i>Thành viên</i>

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	<i>Trưởng ban</i>
Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	<i>Thành viên</i>
Bà Đinh Ngọc Hoa	<i>Thành viên</i>

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	<i>Tổng Giám đốc</i>
Bà Nguyễn Phương Chi	<i>Giám đốc Phát triển Chiến lược</i>
Ông Phan Như Bích	<i>Giám đốc Tài chính</i>

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- > lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- > thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- > nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- > lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Triệu Hòa
Tổng Giám đốc

*Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 3 năm 2022*

BÁO CÁO **KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2019-004-1

*Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 3 năm 2022*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		986.230.344.776	633.371.718.157
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	366.205.978.093	95.106.312.655
111	1. Tiền		24.205.978.093	30.106.312.655
112	2. Các khoản tương đương tiền		342.000.000.000	65.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	26.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	-	26.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		87.022.805.785	97.688.087.322
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	69.083.156.471	92.809.238.635
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	16.351.481.025	3.217.507.951
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.588.168.289	1.661.340.736
140	IV. Hàng tồn kho	10	471.504.991.659	400.542.739.062
141	1. Hàng tồn kho		490.920.247.655	425.066.824.955
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(19.415.255.996)	(24.524.085.893)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		61.496.569.239	14.034.579.118
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	5.930.866.811	5.737.949.327
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	42.013.872.115	8.172.826.500
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	13.551.830.313	123.803.291

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		984.909.304.450	1.070.017.388.056
210	I. Phải thu dài hạn		11.279.690.982	11.279.690.982
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	11.279.690.982	11.279.690.982
220	II. Tài sản cố định		806.745.403.454	913.921.743.038
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	806.644.500.122	913.710.763.342
222	Nguyên giá		2.058.140.940.344	2.054.740.200.284
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.251.496.440.222)	(1.141.029.436.942)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	100.903.332	210.979.696
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(14.284.394.873)	(14.174.318.509)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		24.178.132.004	564.242.372
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	24.178.132.004	564.242.372
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	6.097.134.018	7.616.226.913
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		-	1.519.092.895
253	2. Đầu tư vào công ty khác		6.097.134.018	6.097.134.018
260	V. Tài sản dài hạn khác		136.608.943.992	136.635.484.751
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	133.546.225.816	131.068.041.788
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	3.062.718.176	5.567.442.963
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.971.139.649.226	1.703.389.106.213

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		712.146.217.980	620.597.385.805
310	I. Nợ ngắn hạn		711.866.113.607	568.582.386.996
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	291.395.910.347	261.567.062.160
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	41.623.436.088	43.677.430.203
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	11.810.815.168	4.881.465.992
314	4. Phải trả người lao động		26.624.030.474	20.994.484.171
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	8.266.264.038	5.142.883.544
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	6.233.724.905	6.173.815.761
320	7. Vay ngắn hạn	21	321.327.876.336	222.563.222.915
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.15	4.584.056.251	3.582.022.250
330	II. Nợ dài hạn		280.104.373	52.014.998.809
338	1. Vay dài hạn	21	-	51.678.081.226
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		280.104.373	336.917.583

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.258.993.431.246	1.082.791.720.408
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	1.258.993.431.246	1.082.791.720.408
411	1. Vốn cổ phần		707.269.440.000	707.269.440.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		707.269.440.000	707.269.440.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		35.093.198.872	35.093.198.872
413	3. Cổ phiếu quỹ		(42.410.550.000)	(42.410.550.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		557.822.331.374	381.620.620.536
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		279.342.679.536	237.259.956.548
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		278.479.651.838	144.360.663.988
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.971.139.649.226	1.703.389.106.213

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hoà

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	23.1	2.043.370.881.890	1.767.404.091.979
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(982.169.267)	(1.737.753.340)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	23.1	2.042.388.712.623	1.765.666.338.639
11	4. Giá vốn hàng bán		(1.667.905.910.801)	(1.510.394.847.210)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		374.482.801.822	255.271.491.429
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	18.043.108.556	11.483.697.913
22	7. Chi phí tài chính	24	(8.691.611.219)	(21.637.833.788)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(5.319.270.025)</i>	<i>(16.392.410.718)</i>
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	14	-	(178.753.064)
25	9. Chi phí bán hàng	25	(27.145.444.741)	(23.679.420.379)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(71.510.694.737)	(57.222.933.716)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		285.178.159.681	164.036.248.395
31	12. Thu nhập khác		722.041.900	1.122.471.621
32	13. Chi phí khác		(161.637.493)	(669.476.686)
40	14. Lợi nhuận khác		560.404.407	452.994.935
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		285.738.564.088	164.489.243.330
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(4.754.187.463)	(20.384.083.120)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(2.504.724.787)	255.503.778

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		278.479.651.838	144.360.663.988
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		278.479.651.838	144.360.663.988
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	4.084	2.091
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	4.084	2.091

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hoà

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		285.738.564.088	164.489.243.330
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11, 12	110.577.079.644	133.576.172.429
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(5.108.829.897)	10.359.356.922
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.465.573.499)	(3.379.735.621)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.327.104.473)	(4.009.384.163)
06	Chi phí lãi vay	24	5.319.270.025	16.392.410.718
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		387.733.405.888	317.428.063.615
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(34.345.039.507)	10.716.364.981
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(65.853.422.700)	114.234.339.939
11	Tăng các khoản phải trả		24.333.144.265	31.542.422.827
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(2.671.101.512)	6.172.635.992
13	Tiền lãi vay đã trả		(5.481.366.305)	(17.221.086.787)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(16.351.031.025)	(17.552.647.197)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.784.708.236	2.442.339.682
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.719.336)	(1.570.100.582)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		290.141.566.004	446.192.332.470
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.400.740.060)	-
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	207.272.727

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
23	Tiền chi gửi tiết kiệm ngân hàng và cho vay đơn vị khác		-	(11.279.690.982)
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng		26.000.000.000	54.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(6.097.134.018)
26	Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.519.092.895	
27	Tiền thu lãi tiền gửi		6.327.149.578	4.312.140.972
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30.445.502.413	41.142.588.699
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	22.1	-	(42.410.550.000)
33	Tiền thu từ đi vay	21	1.070.324.713.667	725.560.629.230
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(1.018.171.245.277)	(1.123.451.073.930)
36	Cổ tức đã trả cho các cổ đông	22.2	(102.197.517.784)	(102.209.474.025)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(50.044.049.394)	(542.510.468.725)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		270.543.019.023	(55.175.547.556)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		95.106.312.655	150.025.727.572
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		556.646.415	256.132.639
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	366.205.978.093	95.106.312.655

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hoà

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302018927 sửa đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 927 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.031).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex (“Unitex”) tiền thân là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hiện tại, Unitex đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Unitex.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- > Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- > Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- > Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- > Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- > Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu > chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm > giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- > Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng; và
- > Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm và vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2053.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của Nhóm Công ty liên kết sau ngày Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- > Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- > Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ kế toán năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- > Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- > Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- > đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- > Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	35.847.322	51.924.445
Tiền gửi ngân hàng	24.170.130.771	30.054.388.210
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	342,000,000,000	65.000.000.000
TỔNG CỘNG	366,205,978,093	95.106.312.655

(*) Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có thời hạn không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất thị trường.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ ba (3) tháng trở lên nhưng không vượt quá một (1) năm và hưởng lãi suất thị trường.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	69.083.156.471	92.441.137.090
<i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>	<i>13.412.446.823</i>	<i>5.625.116.546</i>
<i>Công ty TNHH Chori – Osaka</i>	<i>12.352.370.186</i>	<i>5.526.689.916</i>
<i>Công ty TNHH Unifi Châu Á Thái Bình Dương Hồng Kông</i>	<i>10.545.551.846</i>	<i>14.545.148.802</i>
<i>Y.R.C Textile Co., Ltd</i>	<i>9.116.557.702</i>	<i>10.733.737.699</i>
<i>Công ty TNHH Formosa Taffeta Đồng Nai</i>	<i>2.017.671.318</i>	<i>12.564.727.014</i>
<i>Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam</i>	<i>296.656.800</i>	<i>12.362.512.657</i>
<i>Công ty TNHH Polytex Far Eastern (Việt Nam)</i>	<i>280.240.972</i>	<i>13.335.741.492</i>
<i>Công ty TNHH Gain Lucky Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>11.863.660.108</i>
<i>Khác</i>	<i>21.061.660.824</i>	<i>5.883.802.856</i>
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	368.101.545
TỔNG CỘNG	69.083.156.471	92.809.238.635

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Multicom Machinery Taiwan LTD	10.643.457.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Trường Hải	1.705.000.000	-
Công ty TNHH Công nghệ VBS	1.090.594.122	-
Schill +Seilacher GMBH Boeblingen	1.086.189.280	-
Oerlikon Barmag Zweigniederlassung	-	1.252.864.321
Changzhou Jason Internation Trade	-	610.915.500
Khác	1.826.240.623	1.353.728.130
TỔNG CỘNG	16.351.481.025	3.217.507.951

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	801.791.320	1.149.777.307
Khác	786.376.969	511.563.429
TỔNG CỘNG	1.588.168.289	1.661.340.736

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Đây là khoản cho Công ty TNHH Dintsun Việt Nam ("Dintsun") vay theo Biên bản Thỏa thuận Góp vốn Đầu tư số DTVN - 2019001 ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 để bổ sung vốn đầu tư dự án Khu Công nghiệp Sóc Trăng và không chịu lãi suất.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	249.440.713.272	(16.104.310.749)	249.567.912.347	(20.926.659.793)
Nguyên vật liệu	208.061.491.372	(3.310.945.247)	152.646.033.124	(3.597.426.100)
Hàng mua đang đi trên đường	33.418.043.011	-	22.852.879.484	-
TỔNG CỘNG	490.920.247.655	(19.415.255.996)	425.066.824.955	(24.524.085.893)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(24.524.085.893)	(14.343.482.035)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(4.635.353.349)	(10.747.602.552)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm	9.744.183.246	566.998.694
Số cuối năm	(19.415.255.996)	(24.524.085.893)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	304.608.626.458	1.563.560.029.589	181.779.818.157	4.791.726.080	2.054.740.200.284
Mua mới	-	2.412.020.060	988.720.000	-	3.400.740.060
Số cuối năm	304.608.626.458	1.565.972.049.649	182.768.538.157	4.791.726.080	2.058.140.940.344
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>86.363.990.119</i>	<i>359.463.264.404</i>	<i>37.633.962.202</i>	<i>1.846.156.366</i>	<i>485.307.373.091</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(141.507.678.908)	(868.133.482.767)	(126.878.550.680)	(4.509.724.587)	(1.141.029.436.942)
Khấu hao trong năm	(9.432.288.653)	(84.026.540.399)	(16.899.734.229)	(108.439.999)	(110.467.003.280)
Số cuối năm	(150.939.967.561)	(952.160.023.166)	(143.778.284.908)	(4.618.164.587)	(1.251.496.440.222)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	163.100.947.550	695.426.546.822	54.901.267.477	282.001.493	913.710.763.342
Số cuối năm	153.668.658.897	613.812.026.483	38.990.253.249	173.561.493	806.644.500.122

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	14.385.298.205
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>13.834.916.387</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(14.174.318.509)
Hao mòn trong năm	(110.076.364)
Số cuối năm	(14.284.394.873)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	210.979.696
Số cuối năm	100.903.332

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc thiết bị	23.843.586.550	255.522.372
Mua tài sản khác	334.545.454	308.720.000
TỔNG CỘNG	24.178.132.004	564.242.372

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	-	1.519.092.895
Đầu tư vào công ty khác (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	6.097.134.018	6.097.134.018
TỔNG CỘNG	6.097.134.018	7.616.226.913

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	5	6.097.134.018	5	6.097.134.018

Công ty TNHH Dintsun Việt Nam là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200764052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2019. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư ("GCNĐKĐT") của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại Ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.930.866.811	5.737.949.327
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.237.790.753	3.529.685.356
Chi phí thuê xe	1.658.228.059	1.740.029.437
Khác	34.848.000	468.234.534
Dài hạn	133.546.225.816	131.068.041.788
Tiền thuê đất (quyền sử dụng đất)	113.811.689.249	115.387.977.620
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.710.893.905	15.648.479.102
Khác	1.023.642.662	31.585.066
TỔNG CỘNG	139.477.092.627	136.805.991.115

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tainan Spinning Co., Ltd	91.222.587.200	100.793.520.100
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd	63.461.746.000	64.746.072.350
Chori Co., Ltd	46.151.762.440	39.194.833.440
Pt. Indo-Rama Synthetics TBK	60.490.976.000	19.117.870.000
Khác	30.068.838.707	37.714.766.270
TỔNG CỘNG	291.395.910.347	261.567.062.160

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lear Corporation - Kenansville	9.398.398.464	13.053.879.216
Treasure Star International Limited	5.794.349.760	3.344.845.959
Công ty TNHH Dệt nhuộm Nam Phương	5.373.566.979	3.781.339.848
Công ty TNHH Global Dyeing	-	11.209.107.360
Khác	21.057.120.885	12.288.257.820
TỔNG CỘNG	41.623.436.088	43.677.430.203

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.544.600.004	4.754.187.463	(2.799.200.712)	6.499.586.755
Thuế thu nhập cá nhân	251.125.870	5.581.706.008	(5.719.400.523)	113.431.355
Thuế giá trị gia tăng	85.740.118	231.316.080.813	(226.204.023.873)	5.197.797.058
TỔNG CỘNG	4.881.465.992	241.651.974.284	(234.722.625.108)	11.810.815.168
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.551.830.313	-	13.551.830.313
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8.172.826.500	48.613.817.640	(14.772.772.025)	42.013.872.115
Khác	123.803.291	-	(123.803.291)	-
TỔNG CỘNG	8.296.629.791	62.165.647.953	(14.896.575.316)	55.565.702.428

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiện ích	7.191.132.150	3.064.460.161
Chi phí hoa hồng bán hàng	868.165.745	1.759.156.676
Chi phí lãi vay	76.631.638	238.727.919
Khác	130.334.505	80.538.788
TỔNG CỘNG	8.266.264.038	5.142.883.544

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	3.245.911.456	3.092.177.775
Cổ tức	262.660.180	195.256.065
Khác	2.725.153.269	2.886.381.921
TỔNG CỘNG	6.233.724.905	6.173.815.761

21. VAY

VND

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Phân loại đến hạn trả	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
		Tăng	Giảm			
Ngắn hạn						
Vay ngân hàng	167.544.208.650	1.070.324.713.667	(911.474.149.786)	-	(5.066.896.195)	321.327.876.336
Vay dài hạn đến hạn trả	55.019.014.265	-	(106.697.095.491)	51.678.081.226	-	-
	222.563.222.915	1.070.324.713.667	(1.018.171.245.277)	51.678.081.226	(5.066.896.195)	321.327.876.336
Dài hạn						
Vay ngân hàng	51.678.081.226	-	-	(51.678.081.226)	-	-
TỔNG CỘNG	274.241.304.141	1.070.324.713.667	(1.018.171.245.277)	-	(5.066.896.195)	321.327.876.336

Các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng được thực hiện nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chịu lãi suất dao động từ 2,98%/năm đến 4,00%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ). Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Nguyên tệ USD	Kỳ hạn trả gốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	187.762.576.000	8.293.400	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 5 năm 2022
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Việt Nam	92.826.264.000	4.100.100	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2022 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022
Ngân hàng TNHH CTBC	40.739.036.336	1.799.427	Từ ngày 9 tháng 2 năm 2022 đến ngày 3 tháng 6 năm 2022
TỔNG CỘNG	321.327.876.336	14.192.927	

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:						
Số đầu năm	707.269.440.000	35.093.198.872	-	1.219.011.000	339.537.897.548	1.083.119.547.420
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(42.410.550.000)	-	-	(42.410.550.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	144.360.663.988	144.360.663.988
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(102.277.941.000)	(102.277.941.000)
Số cuối năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	381.620.620.536	1.082.791.720.408
Năm nay:						
Số đầu năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	381.620.620.536	1.082.791.720.408
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	278.479.651.838	278.479.651.838
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(102.277.941.000)	(102.277.941.000)
Số cuối năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	557.822.331.374	1.258.993.431.246

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	707.269.440.000	707.269.440.000
Cổ tức đã công bố (*)	(102.277.941.000)	(102.277.941.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	(102.197.517.784)	(102.209.474.025)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10-2021/NQHĐQT/TK ngày 28 tháng 6 năm 2021 phê duyệt tỷ lệ cổ tức bằng tiền là 15% mệnh giá cổ phiếu (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu).

22.3 Cổ phiếu

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	70.726.944	707.269.440.000	70.726.944	707.269.440.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	70.726.944	707.269.440.000	70.726.944	707.269.440.000
Cổ phiếu phổ thông	70.726.944	707.269.440.000	70.726.944	707.269.440.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)				
Cổ phiếu phổ thông	(2.541.650)	(42.410.550.000)	(2.541.650)	(42.410.550.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.185.294	664.858.890.000	68.185.294	664.858.890.000

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	2.043.370.881.890	1.767.404.091.979
<i>Trừ:</i>		
Giảm giá hàng bán	(805.683.048)	(1.353.692.169)
Hàng bán bị trả lại	(176.486.219)	(384.061.171)
Doanh thu thuần	2.042.388.712.623	1.765.666.338.639

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	6.327.104.473	4.312.095.867
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.716.004.083	7.171.602.046
TỔNG CỘNG	18.043.108.556	11.483.697.913

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	5.319.270.025	16.392.410.718
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.372.341.194	5.245.423.070
TỔNG CỘNG	8.691.611.219	21.637.833.788

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí vận chuyển	12.887.594.470	7.941.574.982
Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	8.357.779.614	7.663.485.108
Chi phí hoa hồng bán hàng	2.517.539.901	3.175.722.341
Khác	3.382.530.756	4.898.637.948
TỔNG CỘNG	27.145.444.741	23.679.420.379

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	31.887.770.364	27.690.996.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.814.899.153	10.023.613.378
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	10.280.604.921	9.252.765.927
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.469.700.501	1.814.399.292
Chi phí khác	6.057.719.798	8.441.158.392
TỔNG CỘNG	71.510.694.737	57.222.933.716

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.187.454.840.331	1.051.554.154.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.522.919.401	233.558.115.107
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 11 và 12)	110.577.079.644	133.576.172.429
Chi phí nhân công	272.537.233.024	124.868.261.515
Chi phí khác	51.469.977.879	47.740.498.006
TỔNG CỘNG	1.766.562.050.279	1.591.297.201.305

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- > Đối với trụ sở Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- > Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, thuế TNDN áp dụng theo từng loại sản phẩm. Cụ thể:

Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2011 - 2014) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2015 - 2023). Thuế suất áp dụng thuế suất là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2011.

Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY mở rộng được miễn thuế trong bốn năm (2016 - 2019) và giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2020 - 2028). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Thu nhập từ sản phẩm POY giai đoạn 3 được miễn thuế trong hai năm (2016 - 2017) và giảm 50% số thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (2018 - 2021). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.130.207.047	16.793.155.624
Điều chỉnh thuế TNDN (thừa) trích thiếu trong những năm trước	(23.376.019.584)	3.590.927.496
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	2.504.724.787	(255.503.778)
TỔNG CỘNG	7.258.912.250	20.128.579.342

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	285.738.564.088	164.489.243.330
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	57.147.712.818	32.897.848.666
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế	2.145.823.035	1.352.933.896
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trảng Bàng	(31.842.022.978)	(16.842.664.035)
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(23.376.019.584)	3.590.927.496
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	3.183.418.959	(870.466.681)
Chi phí thuế TNDN	7.258.912.250	20.128.579.342

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	2.625.065.485	2.783.571.150	(158.505.665)	(1.460.193.252)
Các khoản dự phòng	337.150.913	958.165.220	(621.014.307)	(113.399.739)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	54.615.853	21.747.944	32.867.909	1.058.641
Trợ cấp thôi việc phải trả	45.885.925	67.383.517	(21.497.592)	(7.070.625)
Lỗ thuế chuyển sang năm sau	-	1.736.575.132	(1.736.575.132)	1.736.575.132
	3.062.718.176	5.567.442.963		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(2.504.724.787)	255.503.778

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do người thân của thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng	21.857.929.365	59.814.773.065
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng	-	8.822.791.669

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do người thân của thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng	-	368.101.545

Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND				
Tên	Chức vụ	Thu nhập		
		Năm nay	Năm trước	
Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc	1.616.193.147	1.595.994.815	
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	1.549.976.961	1.473.151.787	
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính	1.003.643.010	924.533.465	
TỔNG CỘNG		4.169.813.118	3.993.680.067	

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	278.479.651.838	144.360.663.988
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	68.185.294	69.053.344
Lãi trên cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.084	2.091
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.084	2.091

(*) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ này đã được điều chỉnh do việc mua 2.541.650 cổ phiếu quỹ.

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Dưới 1 năm	340.500.000	340.500.000
Từ 1 đến 5 năm	1.362.000.000	1.362.000.000
Trên 5 năm	9.902.875.000	9.335.345.000
TỔNG CỘNG	11.332.215.412	11.037.845.000

32. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

VND		
	Năm nay	Năm trước
Ngoại tệ chính:		
Đô la Mỹ (USD)	101.190	317.258

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

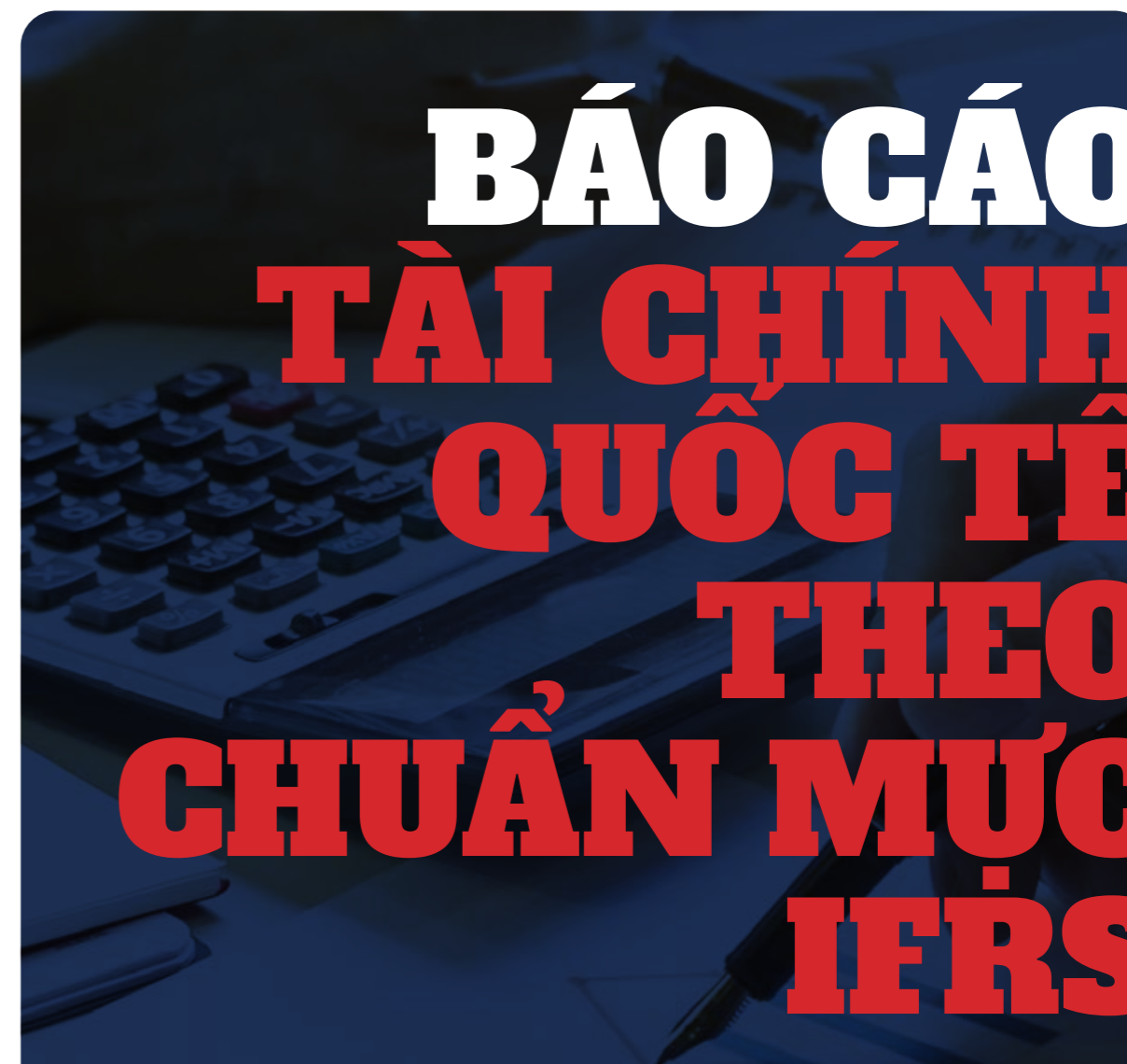
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hoà

Ngày 11 tháng 3 năm 2022



Bảng cân đối kế toán theo IFRS	212
Báo cáo kết quả kinh doanh theo IFRS	214
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo IFRS	215
So sánh VAS và IFRS	216

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN THEO IFRS

	2021	2020
Đơn vị	(1.000 đồng)	(1.000 đồng)
TÀI SẢN		
<i>Tài sản dài hạn</i>		
Tài sản, nhà xưởng, và thiết bị	849.533.526	929.923.485
Tài sản vô hình	113.912.592	115.598.958
Đầu tư dài hạn		1.519.093
Tài sản tài chính dài hạn	1.023.643	31.586
Tài sản tài chính dài hạn khác	17.376.825	17.376.825
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.062.718	5.567.443
TỔNG TÀI SẢN DÀI HẠN	984.909.304	1.070.017.390
<i>Tài sản ngắn hạn</i>		
Hàng tồn kho	471.504.992	400.542.739
Khoản phải thu ngắn hạn	142.588.508	105.984.717
Các khoản trả trước	1.693.076	2.170.958
Tài sản ngắn hạn khác		26.000.000
Tiền và tương đương tiền	366.205.978	95.106.313
TỔNG TÀI SẢN NGẮN HẠN	981.992.554	629.804.727
TỔNG TÀI SẢN	1.966.901.858	1.699.822.117
NGUỒN VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ		
<i>Nguồn vốn</i>		
Vốn cổ phần đã phát hành	707.269.440	707.269.440
Thặng dư vốn cổ phần	35.093.199	35.093.199
Quỹ dự phòng tài chính	(41.191.539)	(41.191.539)
Lợi nhuận giữ lại	553.584.540	378.053.630
<i>Nguồn vốn phân phối cho công ty mẹ</i>	<i>1.254.755.640</i>	<i>1.079.224.730</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	1.254.755.640	1.079.224.730

	2021	2020
Đơn vị	(1.000 đồng)	(1.000 đồng)
<i>Nợ dài hạn</i>		
Các khoản vay và nợ dài hạn		51.678.081
Dự phòng	280.104	336.918
TỔNG NỢ DÀI HẠN	280.104	52.014.999
<i>Nợ ngắn hạn</i>		
Các khoản phải trả	383.775.991	341.279.309
Các khoản vay và nợ ngắn hạn	321.327.876	222.563.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	6.499.587	4.544.600
Cổ tức phải trả	262.660	195.256
TỔNG NỢ NGẮN HẠN	711.866.114	568.582.388
TỔNG NỢ	712.146.218	620.597.387
TỔNG NGUỒN VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	1.966.901.858	1.699.822.117

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO IFRS

Đơn vị	2021	2020
	(1.000 đồng)	(1.000 đồng)
Doanh thu thuần	2,042,388,713	1,765,666,339
Giá vốn hàng bán	(1,668,576,711)	(1,508,197,541)
Lợi nhuận gộp	373,812,002	257,468,798
Thu nhập hoạt động khác	12,438,046	8,294,074
Chi phí bán hàng	(27,145,445)	(23,679,420)
Chi phí quản lý	(71,510,695)	(57,222,934)
Chi phí hoạt động khác	(3,533,980)	(5,914,901)
Lợi nhuận hoạt động	284,059,928	178,945,617
Chi phí tài chính	(5,319,270)	(16,392,411)
Thu nhập tài chính	6,327,105	4,312,096
Lỗ từ công ty liên kết		(178,753)
Lợi nhuận trước thuế	285,067,763	166,686,549
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(7,258,912)	(20,128,579)
Lợi nhuận trong năm	277,808,851	146,557,970
Lợi nhuận thuộc về Công ty mẹ	277,808,851	146,557,970
Thu nhập trên mỗi cổ phần		
▷ Cơ bản, lợi nhuận trong năm thuộc về Công ty mẹ	4,074	2,122
▷ Pha loãng, lợi nhuận trong năm thuộc về Công ty mẹ	4,074	2,122

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ THEO IFRS

Đơn vị	2021	2020
	(1.000 đồng)	(1.000 đồng)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	285,067,763	166,686,549
Điều chỉnh các khoản:		
Khấu hao từ nhà xưởng, máy móc, thiết bị	107,404,588	136,596,345
Hao mòn tài sản vô hình	1,686,366	844,177
Chênh lệch tỷ giá	(2,465,572)	(3,366,341)
Lãi/lỗ từ thanh lý tài sản, thiết bị	-	316,106
Thu nhập tài chính	(6,327,105)	(4,312,096)
Chi phí tài chính	5,319,270	16,392,411
Thay đổi dự phòng	(3,589,737)	10,145,251
Lãi/lỗ từ công ty liên kết		178,753
Điều chỉnh vốn lưu động:		
(Tăng) Giảm khoản phải thu và các tài sản khác	(34,977,842)	48,404,683
(Tăng) Giảm hàng tồn kho	(65,853,423)	114,234,340
Tăng khoản phải trả	53,228,746	31,469,175
Lãi vay nhận được	6,327,150	4,312,029
Lãi vay phải trả	(5,481,366)	(17,221,087)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	(16,351,031)	(17,552,647)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	323,987,807	487,127,648
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền thu do thanh lý tài sản, máy móc, thiết bị		207,273
Tiền mua tài sản, máy móc, thiết bị	(3,400,739)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3,400,739)	207,273
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền thu được từ phát hành		(42,410,550)
Tiền thu từ đi vay	1,070,324,714	725,560,629
Tiền trả nợ vay	(1,018,171,245)	(1,123,451,074)
Cổ tức đã trả	(102,197,518)	(102,209,474)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(50,044,049)	(542,510,469)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	270,543,019	(55,175,548)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	556,646	256,133
Tiền và tương đương tiền tại ngày 01 tháng 01	95,106,313	150,025,728
Tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12	366,205,978	95,106,313



PHỤ LỤC: THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A	Quyền của Cổ đông		
A.1	Quyền cơ bản của cổ đông		
A.1.1	Trả cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi công bố	chưa thực hiện thông lệ	STK mới thực hiện việc chi trả cổ tức theo qui định của Việt Nam (trong thời gian 6 tháng kể từ khi kết thúc ĐHĐCĐ).
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty.		
	Cổ đông có quyền tham gia:		
A.2.1	Sửa đổi qui chế (điều lệ) công ty?	đã thực hiện thông lệ này	Đã sửa đổi điều lệ theo Điều lệ mẫu
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	đã thực hiện thông lệ này	STK đã thực hiện biểu quyết trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2021
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	không phát sinh trong kỳ	Sự kiện này không phát sinh trong kỳ
A.3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành?	đã thực hiện thông lệ này	NQĐHĐCĐ 2021, số 01-2021 ban hành ngày 22/04/2021, BBĐHĐCĐ 2021 ngày 22/04/2021
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty qui định các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	Qui chế bầu cử có qui định rõ ràng
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	đã thực hiện thông lệ này	Qui chế biểu quyết, Qui chế bầu cử được công bố rõ ràng trên Website và trước khi đại hội tiến hành
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	đã thực hiện thông lệ này	Biên bản họp ĐHĐCĐ năm 2021 đã tường thuật chi tiết các câu hỏi của cổ đông và trả lời của HĐQT/BTGD
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Biên bản họp ĐHĐCĐ năm 2021 đã ghi chi tiết kết quả bầu chọn cho mỗi nội dung lấy ý kiến ĐHĐCĐ
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ 2021 đã ghi đủ danh sách TVHĐQT tham dự

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD/Giám đốc Điều hành (nếu TGD/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Do tại STK TGD và chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm nên trong BB ĐHĐCĐ đã ghi đủ thành phần tham dự
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty và Quy chế biểu quyết có qui định vấn đề này
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách gơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty và Thẻ lệ biểu quyết có qui định vấn đề này
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	đã thực hiện thông lệ này	ĐHĐCĐ 2021 đã mời một bên độc lập tham gia ban kiểm phiếu, tuy nhiên không có bên độc lập tự nguyện tham gia.
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Biên bản và nghị quyết HĐQT được công bố trong vòng 24h trên website Công ty
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	đã thực hiện thông lệ này	STK đã thực hiện thông lệ này
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/ Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	đã thực hiện thông lệ này	Các tờ trình ĐHĐCĐ của Công ty đều nêu rõ thông tin và cơ sở cho vấn đề cần thông qua
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ công ty có quy định vấn đề này và trên thực tế Công ty luôn tạo điều kiện để cổ đông đóng góp vấn đề thảo luận vào chương trình nghị sự.
A.4	Thị trường giao dịch đầu tư công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.		
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc đầu tư cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty có qui định vấn đề này
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.		
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN của Công ty có nêu các kênh liên lạc của cổ đông và trên website Công ty có địa chỉ liên lạc của bộ phận quan hệ cổ đông
B	Đối xử Bình đẳng với Cổ đông		
B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết		

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ và Thẻ lệ biểu quyết có qui định vấn đề này
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/ báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	không phát sinh trong kỳ	Sự kiện này không phát sinh trong kỳ
B.2	Thông báo ĐHĐCĐ		
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	đã thực hiện một phần thông lệ	Công ty có lập các tờ trình cho từng vấn đề riêng lẻ để lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, tuy nhiên trong NQ vẫn gộp nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	đã thực hiện thông lệ này	Đã thực hiện đầy đủ từ ĐHĐCĐ 2017
	Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:		
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	đã thực hiện thông lệ này	Sơ yếu lý lịch của ứng viên HĐQT được công bố
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	đã thực hiện thông lệ này	Tờ trình ĐHĐCĐ 2021 về vấn đề này có nêu danh sách các công ty kiểm toán được đề cử và tiêu chí lựa chọn
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	đã thực hiện thông lệ này	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được gửi kèm trong thư mời họp và được đăng tải trên website của công ty.
B.3	Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty và Bộ Quy Tắc Ứng xử có qui định rõ vấn đề này
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	đã thực hiện thông lệ này	Quy trình CBTT có qui định vấn đề này
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?		
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ có qui định vấn đề này

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ có qui định vấn đề này
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ có qui định vấn đề này
B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN 2021 đã nêu ở mục ngăn ngừa xung đột lợi ích với các bên liên quan
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty có qui định về vấn đề này và trên thực tế Công ty đã tuân thủ các qui định này.
C	Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan		
C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.		
	<i>Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:</i>		
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo phát triển bền vững kể từ năm 2015 có nêu rõ vấn đề này
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo phát triển bền vững kể từ năm 2015 có nêu rõ vấn đề này
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
C.2	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.		

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay BCTN để các bên có quyền lợi liên quan có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	đã thực hiện thông lệ này	Website của Công ty có số điện thoại và email liên hệ của bộ phận bán hàng và quan hệ cổ đông
C.3	Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng.		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo phát triển bền vững có nêu rõ ràng các chính sách liên quan đến vấn đề này.
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo phát triển bền vững có nêu rõ ràng các chính sách liên quan đến vấn đề này.
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có phát hành ESOP trong các năm 2011, 2015 và 2018
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.		
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc BCTN?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ quy tắc ứng xử có cơ chế thông tin phản hồi. Tuy nhiên công ty chưa cung cấp thông tin liên hệ trên website hoặc BCTN
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức ?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ quy tắc ứng xử có nêu Cơ chế thông báo vi phạm - phản hồi
D	Công bố thông tin và Minh bạch		
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch		
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có danh sách cổ đông lớn (sở hữu >5% cổ phần)
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có công bố tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của cổ đông lớn
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có công bố tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của TV HĐQT
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có công bố tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của BDH
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2	Chất lượng của BCTN		
	<i>BCTN của công ty có công bố những nội dung sau:</i>		

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.2.1	Mục tiêu của công ty	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.4	Chính sách cổ tức	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty			
D.2.8	BCTN có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.3. Công bố Giao dịch bên liên quan (GDBLQ)			
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.4 Thành viên/ủy viên HĐQT giao dịch cổ phiếu của công ty			
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.5 Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán			
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?	chưa thực hiện thông lệ	chưa thực hiện được thông lệ này vì công ty kiểm toán yêu cầu giữ bí mật phí kiểm toán
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	không phát sinh trong kỳ	Công ty không sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của công ty kiểm toán trong kỳ
D.6 Phương tiện truyền thông			
<i>Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây?</i>			

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.6.1	Báo cáo quý	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có CBTT báo cáo quý và Bản tin nhà đầu tư quý kể từ năm 2015
D.6.2	Trang thông tin điện tử của công ty	đã thực hiện thông lệ này	Trên website của Công ty có mục quan hệ cổ đông
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	đã thực hiện một phần thông lệ	trên website của Công ty có nêu danh sách các chuyên gia phân tích có ra báo cáo nhưng chưa nêu các đánh giá của chuyên gia phân tích. Công ty có tổ chức các buổi gặp với chuyên viên phân tích
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	đã thực hiện thông lệ này	Khi có sự kiện lớn Công ty có mời báo chí tới để đưa tin
D.7	Nội/công bố BCTN/báo cáo tài chính đúng hạn		
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	đã thực hiện thông lệ này	
D.7.2	BCTN có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	đã thực hiện thông lệ này	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	đã thực hiện thông lệ này	HĐQT ra quyết định phê duyệt nội dung của BCTN
D.8	Trang thông tin điện tử của công ty		
	Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về:		
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	đã thực hiện thông lệ này	
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	đã thực hiện thông lệ này	
D.8.3	BCTN có thể được tải về	đã thực hiện thông lệ này	
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường		
D.8.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	đã thực hiện thông lệ này	
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	đã thực hiện thông lệ này	
D.9	Quan hệ nhà đầu tư		
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
E	Trách nhiệm của HĐQT		
E.1	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT		
	<i>Trách nhiệm của HĐQT và qui chế quản trị công ty được xác định rõ ràng</i>		

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.1.1	Công ty có công bố qui chế quản trị công ty / điều lệ hoạt động của HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	Qui chế quản trị và Điều lệ Công ty đã được đăng trên website của Công ty
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	đã thực hiện thông lệ này	Các nghị quyết của HĐQT được CBTT theo đúng qui định hiện hành và được nêu trong BCTN và BCQT
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ và Qui chế quản trị có qui định rõ trách nhiệm của TVHĐQT
Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty			
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có công bố đầy đủ nội dung này trên website của Công ty và trong BCTN
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	đã thực hiện thông lệ này	Các cuộc họp HĐQT thường xuyên xem xét tình hình thực hiện chiến lược
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	đã thực hiện thông lệ này	Các cuộc họp HĐQT thường xuyên xem xét tình hình thực hiện chiến lược
E.2	Cơ cấu HĐQT		
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử			
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử được đăng trên Website của Công ty
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử có qui định về vấn đề này
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử có qui định về vấn đề này
Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị.			
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	chưa thực hiện thông lệ	Hiện 3/7 TVHĐQT là thành viên độc lập
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	đã thực hiện thông lệ này	Mặc dù Điều lệ Công ty chưa qui định vấn đề này nhưng Công ty và các TVHĐQT tuân thủ qui định của Pháp luật hiện hành
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty không có trường hợp này
Tiểu ban nhân sự			
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
Tiểu ban Thù lao/ Lương thưởng			
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thù lao?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
Tiểu ban Kiểm toán			Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm ?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	
E.3	Quy trình HĐQT		
	<i>Họp và tham dự họp HĐQT</i>		
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu lịch làm việc dự kiến của HĐQT
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	đã thực hiện thông lệ này	- Ngoài các cuộc họp trực tiếp (4 lần/năm), HĐQT còn có các cuộc họp không trực tiếp (trao đổi email, điện thoại). Năm 2021 số cuộc họp không trực tiếp là 21 cuộc họp
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	đã thực hiện thông lệ này	
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	Hiện tại việc thông qua các quyết định của HĐQT theo nguyên tắc quá bán theo yêu cầu của luật doanh nghiệp. Tuy nhiên trên thực tế toàn bộ các nghị quyết HĐQT của STK đều được thông qua với tỷ lệ 100%
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	chưa thực hiện thông lệ	
	<i>Tiếp cận thông tin</i>		
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	đã thực hiện thông lệ này	Vai trò của Thư ký Công ty được quy định trong Điều lệ và trên thực tế đang được bộ phận quan hệ cổ đông đảm nhận
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ phận Quan hệ cổ đông thường xuyên được cập nhật các vấn đề liên quan tới pháp lý
	<i>Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT</i>		
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?"	đã thực hiện thông lệ này	Thông báo cho cổ đông về việc ứng cử đề cử TVHĐQT có quy định rõ các tiêu chí lựa chọn TVHĐQT
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	đã thực hiện thông lệ này	Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử TVHĐQT có quy định rõ
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 5 năm một lần?	đã thực hiện thông lệ này	1 nhiệm kỳ kéo dài 5 năm

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	đã thực hiện thông lệ này	Các thông tin này được công bố trong BCTN
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	đã thực hiện thông lệ này	Các thông tin này được công bố trong BCTN
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có lập tờ trình riêng để ĐHĐCĐ thông qua
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?	chưa thực hiện thông lệ	
Kiểm toán Nội bộ			
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	đã thực hiện một phần thông lệ	Bộ phận kiểm soát nội bộ không được bổ nhiệm chính thức mặc dù công ty có chỉ định nhân sự thực hiện kiểm soát một số hoạt động (sản xuất, tài chính)
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	chưa thực hiện thông lệ	
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	chưa thực hiện thông lệ	
Giám sát rủi ro			
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN đã nêu các vấn đề này
E.3.20	BCTN/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo của BKS đã nêu các vấn đề này
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu các rủi ro và biện pháp xử lý
E.3.22	BCTN/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	chưa thực hiện thông lệ	
E.4	Nhân sự trong HĐQT		
	Chủ tịch HĐQT		

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD?	đã thực hiện thông lệ này	STK đã tách bạch 2 chức danh này
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	STK chưa áp dụng thông lệ này vì chưa tìm được nhân sự có chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với vị trí này khá khó khăn
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/ Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	đã thực hiện thông lệ này	Thành viên HĐQT-hiện tại đang là Phó chủ tịch HĐQT đã và đang làm Tổng Giám đốc trong 2 năm trước
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	đã thực hiện thông lệ này	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch được quy định trong Điều lệ, Quy chế quản trị và các tài liệu này được công bố trên website của Công ty
Trưởng thành viên HĐQT độc lập			
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	chưa thực hiện thông lệ	
Kỹ năng và năng lực			
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	đã thực hiện thông lệ này	
E.5	Hiệu quả HĐQT		
Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có cung cấp Điều lệ, Quy chế quản trị cho TVHĐQT mới
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	đã thực hiện thông lệ này	các TVHĐQT được khuyến khích tham gia khóa đào tạo về Quản trị Công ty
Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/Ban điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	chưa thực hiện thông lệ	
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo của HĐQT có đánh giá hiệu quả của BTGD
Đánh giá HĐQT			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	đã thực hiện thông lệ này	

Mã	Tiêu chí	Ghi chú/Đề xuất cải thiện	
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		
Đánh giá tiểu ban			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	chưa thực hiện thông lệ	Do chưa thành lập tiểu ban nên không có thực hiện đánh giá

2021

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

**lửa thử
vàng
gian nan
thử sức**